

VƯƠNG ĐÌNH CHI ĐÀM ĐẦU SỐ

Mục lục

(Nhất) Tổng luận

1. Tử vi Đầu số chỉ thị thuật số
2. Thích “Tử vi Đầu số”
3. Đầu số ứng tùy thời đại phát triển
4. Tinh hệ đặc tính phát triển nhất lệ
5. Tất tu học tập an tinh pháp
6. Nhận thức chính cá tinh hệ
7. Đầu số tam đại tinh hệ
8. Đầu số ngũ loại tinh quần
9. Đầu số tinh diệu chỉ thuộc hư tinh
10. Đầu số thập nhị cung định nghĩa

(Nhị) Tòng “Thập bát phi tinh” đáo “Tử vi Đầu số”

11. “Thập bát phi tinh” bắt thị Đầu số
12. Hà vị thập bát phi tinh ?
13. “Thập bát phi tinh” đích phát triển
14. “Thập bát phi tinh” la tập giản đan
15. Đầu số trùng tổ thập nhị cung
16. Thập nhị cung tổ hiệp đích la tập tính
17. Tử vi tính chất đích phát triển
18. Thiên Ân phát triển thành vi Thiên Tướng

19. Thiên thọ phát triển thành vi Thiên Lương
20. Thiên khố phát triển thành vi Thiên Phủ
21. Thiên Quán phát triển thành vi Vũ khúc
22. Thiên Lộc nhất tinh tức Lộc Tồn
23. Thiên di tức thị Hòa Tinh Linh Tinh
24. Mao đầu phát triển thành vi Phá Quân
25. Thiên nhận nhất tinh tức Thất Sát
26. “Thập bát phi tinh” đích luận đoán
27. Liêm Trinh nhất tinh chủ huyết tật
28. Sắc lao , sản ách , hôn nhân đích thời đoán

(Tam) Thôi đoán tạp đàm

29. Bất khả y thư tự hành phê toán
30. Đầu số tối trọng “định thời”
31. Khởi mệnh bàn đích nhất cá nghi vấn
32. Đầu số tinh phi “tú mệnh” nhất lệ
33. Văn hóa bội cảnh ảnh hưởng thôi đoán
34. “Cơ Lương hội hiệp thiện đàm binh”
35. Văn Xương vị tất lợi khảo thí
36. Tử vi Đầu số vô “bí pháp”

(Tứ) tinh diệu tạp đàm

37. Ảnh hưởng tinh diệu đích khách quan hoàn cảnh
38. Tử vi tọa mệnh hữu hảo hữu khôi
39. “Tử phủ đồng cung”bất nhất định phúc hậu
40. Đào hoa phạm chủ - - tử tham đồng cung
41. Tử phá thủ mệnh , vi nhân mang lục
42. Tử phá tương đối đích mệnh cục
43. Tử sát mệnh cách , bạch thủ hưng gia
44. Đẩu số trùng đích ngũ khoa động tinh
45. “Sát Phá Lang” tam diệu tính cách bất đồng
46. Thiên Cơ thủ mệnh , vi nhân linh động
47. Thiên Cơ tọa mệnh đích lục chủng tình hình
48. Cơ Cự đồng cung tối phạm Đào Hoa
49. Cơ lương thủ mệnh , tam chủng biến cục
50. Thái Dương tọa mệnh đích tam chủng tình hình
51. Thái Dương tọa mệnh tam chủng phối hiệp
52. Thái Dương dữ (và) tử vi đích thử giác
53. Thái Dương tọa mệnh lưỡng lệ
54. Lương ”quý cục” đích nghi vấn
55. Luận “Nhật Nguyệt giáp mệnh”
56. Tái đàm “Nhật Nguyệt giáp mệnh”
57. Ngạnh y ca quyết , dung dịch chàng bản
58. Vũ Khúc tài tinh hữu hứa đa khuyết điểm

59. Vũ Khúc dữ (và) “Sát Phá Lang” quan hệ mật thiết
60. Vũ Khúc Thiên Phủ đồng viên canh khán tá diệu
61. Vũ Tham thủ mệnh , khả cao khả đê
62. Thiên Đồng bất thuần tinh phúc tinh
63. Thiên Đồng tinh đích tam chủng tổ hiệp
64. Liêm Trinh nhất tinh tối nan phán biệt
65. Liêm Trinh kiến lộc , thị cát thị hung ?
66. Liêm Trinh dữ (và) “Sát Phá Lang”
67. Thiên Phủ Thiên Tướng thị ”đối tinh”
68. Thiên Phủ mệnh tạo khả quý khả tiện
69. Thái Âm lạc hãm tịnh bất khả phạ
70. Thái Âm thủ mệnh , kiêm thị Phúc đức cung
71. Tham Lang dữ (và) Liêm Trinh đích bỉ giác (so sánh)
72. Tham Lang thủ mệnh lục chủng cách cục
73. “Tham Lang nhập mệnh” đích nữ nhân mệnh
74. “Tham cư vượng cung” tịnh phi tặc mệnh
75. Cự Môn tọa mệnh lục chủng tình huống
76. Cự Môn cát hung tại vu tài học hữu vô
77. Thiên Tướng đích tinh hệ tổ hiệp
78. “Phùng phủ khán Tướng” đích bí mật
79. Thiên Lương đích “tiêu tai giải nan” đặc tính
80. Thiên Lương tọa mệnh đa chủ cô lập
81. Thiên Lương cát hung tính chất đích phân biệt

82. Thất Sát thủ viên , cước đạp thật địa
83. Thất Sát thủ mệnh đích lục chủng kết cấu
84. Nữ nhân Thất Sát tọa phúc đức cung tịnh phi xương tì
85. Phá Quân thủ mệnh bất hỷ an định
86. Phá Quân thủ mệnh lục chủng kết cấu
87. Kiến “Hóa Kị” yếu gia cường tinh thần tu dưỡng
88. “Phụ diệu” dữ (và) “Tá diệu” hữu phân biệt
89. Thiên Khôi Thiên Việt bất chủ khoa danh
90. Đàm Hỏa Tinh dữ (và) Linh Tinh
91. “Hỏa Linh giáp mệnh” dữ (và) ”Linh Xương Đà Vũ”
92. Kinh Dương “chân tiểu nhân”, Đà La “ngụy quân tử”

(Ngũ) Cách cục luận

93. Trùng tân thiên thích cổ nhân cách cục
94. Thuyết “Tham Vũ đồng hành cách”
95. Thuyết “Tả Hữu đồng cung cách”
96. “Văn Tinh củng mệnh” chủ thông minh
97. “Tứ kì cách” tối nan thuận mỹ
98. “Phủ Tướng triều viên” trọng Thiên Tướng
99. “Văn Quế Văn Hoa” yếu khán chánh diệu
100. “Thất Sát triều đầu” chủ quyền lực
101. “Tử Phủ đồng cung” tịnh phi thậm mỹ

102. “Liêm Trinh văn vũ” khiêm khai sang lược
103. “Tả Hữu thủ viên” thuộc vu ngục cách
104. “Thiên Ất củng mệnh” hựu nhất ngục cách
105. “Văn tinh ám củng” thông minh tuần tú
106. “Quý tinh giáp mệnh” đích kết cấu
107. “Lộc hiệp uyên ương” chủ thân phú
108. “Song Lộc triều viên” vi cung cục
109. “Tam hiệp Hòa Tham” đặc ý ngoại tài
110. “Nhật Nguyệt tịnh minh” quá phân khiên cường
111. “Nhật Nguyệt hội minh” diệc thuộc thấu hiệp
112. “Đan trì quế trì” lợi câu danh
113. “Nhật chiếu lôi môn” hữu hạn chế
114. “Nguyệt lãng thiên môn” hữu phá cách
115. “Giáp đệ đặng dong” bắt hợp thời
116. “Khoa danh hội lộc” nghi cải cách
117. “Quyền lộc tuần phùng” hữu khuyết điểm
118. “Cực hướng ly minh” đặc Lộc vi quý
119. “Thiên Phủ triều viên” lợi thủ thành
120. “Thiên Lương chấn kỉ” bắt hiệp triều lưu
121. “Phụ củng văn tinh” hữu tài hoa
122. “Cơ Lương gia hội” cao nghệ tùy thân
123. “Thọ tinh nhân miếu” thị cô cao
124. “Quyền sát Hóa Lộc” tiên khổ hậu điềm

125. “Cự Nhật đồng cung” lợi khẩu tài
126. “Anh tinh nhập miếu” nghi loạn bất nghi trì
127. “Cự Cơ đồng lâm” hữu khuyết điếm
128. “Hùng tú triều viên” chủ đoán luyện
129. “Hóa Tinh hoàn quý” chủ biến thái
130. “Thạch trung ẩn ngọc” kết cấu bỏ tạp
131. “Tử Phủ triều viên” danh tự hảo thánh
132. “Tướng Tinh đắc địa” bất hợp thời nghi
133. “Tứ chánh đồng lâm” bất hợp lý
134. “Thân vô chánh diệu” cận hiệp cố nhân
135. “Cực cư mảo vị” diệc tôn vinh
136. “Cơ Nguyệt Đồng Lương” tác lại nhân
137. “Sát củng Liêm Trinh” đa biến hóa
138. “Cự phùng tứ Sát” đa quan ti
139. “Mã đầu đới kiếm” nhân hoành dũng
140. “Mệnh khoả phùng hung” hữu tính cách
141. “Thiên Lương củng nguyệt” phong lưu lãng tử
142. “Văn tinh ngộ giáp” hiện đại vô phương
143. “Khoa tinh sát thâu” bất lợi văn thư
144. “Khôi Việt hung xung” nhân duyên khôi
145. Nghiên cứu cách cục , liễu giải tinh hệ

Hậu kí - - dụng “tinh hệ” lai nghiên cứu thập nhị cung

Tổng Luận

1. "Tử vi đẩu số" chỉ là thuật số

Hồng Kông đang lúc cao trào sử dụng "Tử vi Đẩu số" để đoán mệnh, có thể nói đúng là sự việc xảy ra khá đột nhiên, cũng là xu thế tất yếu, chẳng những dạo trên phố sách nhiều như rừng, mà còn có rất nhiều nhà mệnh lý học cũng ra lời kêu gọi dùng "Đẩu số mệnh lý". Trong ký ức, hơn 10 năm trước chỉ có không ngoài một vị "Quân sư Ngô Dụng"⁽¹⁾, là người công khai lấy Đẩu số phê mệnh; cũng như từng có một vị danh gia ở Thượng Hải là Lục Bân Triệu tiên sinh mở lớp dạy đẩu số ở Hồng Kông, nhưng hiện nay người biết đến không nhiều lắm; trước kia, xem lại ở các thành phố, như Hồng Kông, Ma-cao, quả thực có thể nói là không có danh gia Đẩu Số Mệnh Lý, chỉ lưu hành Tử Bình Mệnh Lý, cũng tức là dùng Bát Tự, an thành "Tử Trạ" để luận mệnh, mà nói chung phương thức luận mệnh này từ thời Minh tới nay đã trở thành chánh tông.

Nếu mà việc luận mệnh cũng chia làm hai phái "Học" và "Thuật", hiển nhiên khoa "Tử Bình" chuyên luận ngũ hành sinh khắc chế hóa lại được các nho gia triết học khai thông, nên thuộc về lưu phái "Học", mà ở "Tử Bình" chuyên luận Thần sát cùng với "Tử vi Đẩu số" "Hà lạc lý số", thậm chí bây giờ rất ít người hiểu được từ khoa "Ngũ ốc" đến khoa "Thiết bản thần số" đều chỉ là "Thuật" mà thôi.

Lấy "Học" luận mệnh, thắng ở sự linh hoạt, hơn nữa có thể từ triết lý cuộc sống đời thường được kiểm chứng nên hứng thú vô cùng, đồng thời có thể suy đi tính lại đại cục, thấy được một ít bao quát cái cùng-thông-đắc-thất của người; nhưng khuyết điểm của nó là không dễ dàng thấy cái chi tiết, tỉ mỉ. Thí dụ như từ học thuật Tử Bình tuyệt đối nhìn không ra trên người có hay không có nốt ruồi, nhưng "Đẩu Số" lại có thể. Trái lại, lấy "Thuật" luận Mệnh, thắng ở khả năng tính ra được chi tiết, tỉ mỉ; luận hôn nhân, luận tài vận đều có chỗ riêng biệt, nhưng bởi vì khuyết điểm của nguyên lý luận Mệnh có khi rất khó nhìn ra từ lá số toàn cục được hay mất, thường bắt chọt một sơ xuất mà "Nhân tiểu thất đại" (nguyên nhân nhỏ gây tổn thất lớn).

Vì lẽ đó nếu mà lấy học thuật "Tử Bình" bàn thuật số, dùng để đoán mệnh ứng nghiệm là lý tưởng nhất, nhưng "nhiều hoa thì rối mắt", quan trọng ở sự thấu hiểu thì thực cũng không dễ dàng, làm thế nào khiến "Học" và "Thuật" hợp thành một sự rằng vẫn còn là chủ đề nghiên cứu trọng điểm trong giới Mệnh Lý sau này.

Về phần lưu hành của "Đẩu Số Mệnh Lý", hiển nhiên làn gió mới này từ Đài Loan thổi qua bởi vì "Đẩu Số" nguyên lưu hành ở Phúc Kiến, và loại thuật số đoán mệnh này dễ dàng nhập môn tự nhiên nhất thời trở thành thị hiếu, mà "Đẩu Số danh gia" cũng lập tức từ đó xuất hiện, chỉ tiếc đường học Đẩu Số dễ học mà khó tinh, hơn nữa các sách viết của cổ nhân có rất nhiều chỗ không chịu nói rõ,

cho nên nếu xem qua vài quyển "phường bốn" ⁽²⁾ rồi dụng Đẩu Số đoán mệnh tất sinh ra ấn tượng xấu cho người khác.

Chú thích:

(1) **Ngô Dụng**: một nhân vật có tài quân sự đc ví sánh ngang với Khổng Minh trong truyện Thủy Hử, ban đầu theo phò tá Tiêu Cái, sau thành quân sư của Tống Giang, nổi tiếng với khả năng "nhìn trâu đánh trận" (chuyện là, trong triều có nuôi 1 con trâu quý, Ngô Dụng sai do thám đêm đến nhìn trâu ngủ, nếu mặt con trâu quay về hướng nào thì hôm sau cứ hướng đó mà tấn công tất thắng).

(2) "**phường bốn**": bản in , khắc của môn phái, ngành nghề nào đó, ở đây chỉ bản in khắc của phái Tử Vi. (Ngày xưa công nghệ làm giấy hiếm, chưa xuất hiện rộng rãi nên chữ chỉ khắc vào gỗ/tre rồi ghép từng miếng lại với nhau thành sách).

2. Giải thích "Tử Vi Đẩu Số"

Bài này là muốn giải thích tên gọi "Tử Vi Đẩu Số". Tên "Tử Vi" chính là chỉ một "Tinh viên" ⁽¹⁾ mà không phải một tinh diệu. Ở cực bắc cũng tức là vào "Hợi vị" của la bàn, tức "Tử Vi viên" lấy sao Bắc cực làm chủ, căn cứ thuyết pháp của tinh gia ⁽²⁾ qua các thời kỳ cùng lấy đây là "Đế tọa", cũng tức đại biểu đế vương nên "Tử Vi viên" nên sáng không nên ám, ám thì quân vương vô đạo chủ quốc gia loạn lạc.

"Tử Vi Đẩu Số" kế thừa phát triển từ "Ngũ tinh" để đoán sự tốt lành của số mệnh, khởi nguyên từ các đạo gia thời nhà Tống, vì việc đoán mệnh Ngũ tinh lưu truyền lại của "Cầm đường phái" truyện không chuẩn, nguyên nhân chủ yếu ở trình độ thuật đoán mệnh thời xưa không tinh, cách mấy trăm năm vẫn y khẩu quyết mà suy đoán tinh diệu phân bố ở mười hai cung, thường gặp sai ở một cung vị nào đó, bởi vậy có người nghĩ nếu mà dùng vị trí bắc cực chủ tinh cố định lại làm chuẩn tắc, phát triển thuật xem mệnh bằng một hệ tinh diệu hẳn là có thể giải quyết được vấn đề nan giải không chính xác này.

Căn cứ vào ý niệm này phát triển thành thuật số, có hai hệ là "Thái Ất số" và "Tử Vi Đẩu Số"; gọi là Thái Ất và Tử Vi, kỳ thực đều là trở về bắc cực tinh, đều là "Thí như bắc thần, chúng tinh cùng chi" (Tất cả sao đều chấp tay cung kính thần phương Bắc). Nhìn nhận từ quan điểm thiên văn học hiện đại, khái niệm này có sai lầm, nhưng khái niệm của các nhà thuật số lúc ấy lại chính xác.

"Đẩu" là chỉ nam bắc đẩu, lấy nam bắc đẩu trên bầu trời là chính tinh phân bố vào mệnh bàn (lá số) dùng để suy đoán tốt xấu của mệnh, xưng là "Đẩu Số", bởi sự phân bố tinh đẩu theo sao Tử Vi là chuẩn tắc, khi định vị được sao Tử Vi tất 14 sao nam bắc đẩu cũng được định vị, cho nên mới gọi là "Tử Vi Đẩu Số".

Chú thích:

(1) "**Tinh viên**" : chỉ khu vực của ngôi sao.

(2) "**Tinh gia**" : Nghề, người xem sao, người coi về các việc xem sao để nghiệm sự tốt sự xấu gọi là **tinh gia**.

3. **Đẩu Số ứng tùy thời đại phát triển**

Không dám đổi các vị, Vương Đình Chi ngày học Đẩu Số từ tiên sư thật sự là rất xa lạ yếu tố thời đại, như cứ thấy "Quan lộc cung" thì vẫn chú trọng công danh khoa cử như cũ, nhưng lại không biết là ngày nay xã hội thương nghiệp có người "khoa danh" như Bác sỹ Thạc sỹ trái lại chỉ có thể đi làm công, như một ông chủ dưới tay có hơn mười Bác sỹ, nhưng ông này ngay cả tiểu học cũng chưa tốt nghiệp.

Với Cung Tật Ách, cũng chỉ có thể nói ra các loại bệnh tật như "Âm phân khuy tổn" (Phần âm bị hao tổn), "Can dương thượng kháng" (Gan hoạt động thái quá), "Can phong trừu súc" (khí Gan suy yếu đi) (*), không như hiện nay có đủ loại bệnh tật như ung thư phổi, ung thư dạ dày, ung thư biểu mô (mũi họng), ung thư máu, cao huyết áp, tiểu đường...

Đối với cung Tử Tức, cũng chỉ suy đoán con cái ngần ấy người, con cái đầu lòng là nam hay nữ, v.v..., không chú trọng lắm cảm tình con cái với cũng không coi trọng xem tính cách con cái để biết cách bồi dưỡng mai sau.

Vương Đình Chi trải qua mười năm xem xét, thống kê một số lượng lớn lá số, hơn nữa coi xét thống kê theo chuyên đề sau đó mới đưa ra tính chất tinh hệ mà tiến hành phát triển, bây giờ có thể chỉ ra đủ loại tinh hệ chỉ "Bệnh thời hiện đại". Ví như có hơn năm mươi tinh bàn cung cấp cho Vương Đình Chi nghiên cứu, Vương Đình Chi thậm chí có thể cam đoan ngay cả bệnh lý "Ái tư Bệnh" (bệnh AIDS) đều có thể nghiên cứu ra.

Học tập Đẩu Số, ắt hẳn phát triển theo tinh thần này, cho nên thuật số gọi là bí mật thiếu sót gì thì tùy theo thời đại mà chỉnh lý và bổ sung thêm. Nếu cho rằng Đẩu Số là bí thuật không nên công khai truyền thụ, Vương Đình Chi tuyệt đối không tin.

Chú thích:

(*) những từ thuộc chuyên môn Đông Y, PL chỉ hiểu sơ sơ vậy thôi, ko biết cách dịch đúng 100%.

4. **Một ví dụ về phát triển đặc tính Tinh hệ**

Nói chuyện "Tử vi Đẩu số" có khả năng tiếp tục phát triển, bất tất xem thành quả nghiên cứu của bậc đi trước là "bí mật", Vương Đình Chi có thể cử ra một ví dụ tiếp theo.

Cao thủ Bắc phái Trương tiên sinh luận tính chất Thái Âm nhập cung Phúc đức cho là "*nam nhân vu chủ hiền mỹ chi thể vi nội trợ, hãm kiến hung, tắc chung thân vô khuê phòng lạc thú*" (nam nhân chủ có vợ hiền xinh đẹp, hãm địa gặp hung tinh, thì chung thân không có niềm vui thú nơi khuê phòng).

Lục Bân Triệu tiên sinh lược nói: "*Thái Âm tinh nhập miếu lâm cung Phúc đức, chủ*

phúc hậu, thích hưởng thụ. Nhật Nguyệt đồng cung thêm tốt đẹp, Thái Âm Hóa Kị chủ bề ngoài an tĩnh, nội tâm bất an, Hỏa Tinh Đà La cùng vây bọc thời tự tìm đến sự bận bịu, hoặc tự tìm phiền não", chẳng thấy nhắc tới chuyện "khuê phòng lạc thú".

Tiên sư Huệ lão nói với Vương Đình Chi về quan điểm hai người này rằng: thuyết pháp Trương tiên sinh rất đặc biệt, đáng giá để nghiên cứu, bởi vì cung Phúc đức cùng cung Phu thê hội chiếu, cho nên rất có thể là tinh diệu không tốt cư cung Phu thê, sau cung Phúc đức có Thái Âm lạc hãm lại gặp hung diệu chính chiếu mới chủ không có niềm vui thú nơi khuê phòng. Lý do là vì Huệ lão đồng thời với thầy dạy của ông ấy. Thầy dạy Trương tiên sinh viết: "*Thái Âm độc thủ cung Phúc đức lạc hãm, kiến Hình Kỵ, nữ mệnh độc thủ không vi*" (Thái Âm lạc hãm độc thủ cung Phúc đức, gặp Hình Kỵ, nữ mệnh một mình sau màn trướng, ý nói một mình cô đơn trong khuê phòng), thuyết pháp này tương tự Trương tiên sanh, nhưng lại nói thêm: "*Phu thê cung Thiên Cơ kiến Kỵ vuu đích*" (Cung Phu thê có Thiên Cơ gặp Hóa Kị lại càng cô đơn như vậy) vì lẽ đó hẳn là phải xem cả hệ thống sao của cung Phúc đức cùng Phu thê mới đúng.

Nhưng thuyết pháp Lục tiên sinh lại hoàn toàn phù hợp với thầy Huệ lão, cho nên Huệ lão đối với từng thuyết pháp hai ông này mà dễ dàng nghiên cứu tổng hợp lại. Trải qua một số lượng mệnh bàn tương đương thống kê được cho kết luận như sau: *Phàm nữ mệnh Thái Âm lạc hãm thủ cung Phúc đức gặp Hỏa Tinh Đà La, chồng nhiều phen bất mãn, nếu tinh hệ cung Phu thê lại bất cát thì chồng có ý ly dị.*

Quý vị đừng ngại dùng lá số thực tế mà kiểm tra thuyết pháp ba ông này, theo kinh nghiệm Vương Đình Chi kết luận của tiên sư tựa hồ rõ ràng thỏa đáng. Đây là một ví dụ tốt về phát triển tính chất tinh hệ Đẩu số.

Cho nên bất kể Vương Đình Chi miêu tả tính chất cơ bản của tinh hệ như thế nào, cũng chỉ có thể cung cấp cho độc giả một khái niệm sơ khởi, độc giả nhất thiết không thể xem lời Vương Đình Chi là "nguyên tắc vàng ngọc", xuất phát từ khái niệm cơ bản và thông qua ví dụ thực được nghiệm chứng, cùng một ít phát hiện phù hợp với tính chất hiện đại mà viết ra. Cứ mang cái thái độ học tập như vậy vào Đẩu số thì mới không khiến Đẩu số trở thành công cụ cho mê tín dị đoan.

5. Phải học "Phép An sao"

Vương Đình Chi từng tham gia "Hội nghiên cứu thảo luận Tử vi Đẩu số" do Ích Triệu hội chủ sáng lập, một đêm tập thể hội viên trú ở thôn Trùng Bích, thảo luận nghiên cứu đến hai giờ khuya, đến khi người tham gia vừa lòng mới giải tán. Nhưng Vương Đình Chi lại không hài lòng, do phát hiện rằng người tham gia nghiên cứu thảo luận phần lớn không coi trọng "Phép an sao".

Ngày nay người học tập Tử vi Đẩu số do mỗi quyển sách đều có bảng để tra cho nên lười ghi nhớ "An tinh pháp" chỉ là lật sách kiểm sao trong bảng mà an ra, cho dù đã xong việc song bởi thế mà sinh ra cái tai hại. Tai hại ở lúc suy tính đại hạn lưu niên, không thông thạo "An tinh pháp" liền lập tức phát sinh trở ngại, vì một chút suy tính này mà không thông thạo hệ thống sao lưu niên tạp diệu không thể an các sao lưu theo Can như tứ Hóa; lưu Lộc tồn; lưu Dương; Lưu Đà; Lưu Xương;

lưu Khúc; lưu Khôi; lưu Việt cộng là 11 sao, cùng với ba vòng sao lưu niên tập diêu, tức Bác Sỹ, Lục Sỹ, Thái Tuế, Hối Khí... Tướng Tinh, Phàn An..., cộng lại là 36 sao.

Vương Đình Chi không tin rằng lúc suy tính đại vận lưu niên có thể một mặt tra biểu một mặt động não, hơn nữa lại có khả năng suy đoán ra được tính chất biến hóa của tinh hệ. Không chỉ như vậy, cho dù là sắp xếp tập diêu cố định ở trên lá số, vào suy đoán thì cũng có quan hệ lớn, tỷ như xem tình huống Bệnh mãn tính chủ yếu tìm sao Thiên Nguyệt⁽¹⁾, xem tiêu tai giải nạn lại xem sao Hoa Cái, nếu thành thực "An tinh pháp" thì cứ căn cứ năm sanh, tháng sanh, gần như ngay lập tức mà hoàn toàn không cần động não để có thể tìm ra cung đóng của những sao này trên lá số, còn ví như tra bảng sẽ khiến suy đoán phân tâm ảnh hưởng đến sự chuẩn xác của suy đoán.

Trung Châu phái có một bộ "An tinh chương quyết", có khả năng sờ bấm ngón tay tìm ra cả trăm cung vị của sao, người y theo đó mà tập cho thành thực đều hiểu được so với tra biểu thì thuận tiện hơn. Năm ấy, Trương Khai Quyền tiên sinh sáng tạo ra "Bảng an nhanh" chỉ là vì muốn thuận tiện cho người mới học, người già nhập môn, Vương Đình Chi hy vọng học giả lúc nhập môn vẫn nên dành thời gian luyện tập và ghi nhớ "Phép an sao". Khi quen thuộc an sao sẽ không gặp trở ngại khi lưu thời vận suy đoán, hơn nữa, có thể mọi lúc mọi nơi chỉ cần một tờ giấy trắng mà an sao ra lá số, lấy nó làm đề tài câu chuyện khi "trà dư tửu hậu".

Chú thích:

(1) **Thiên Nguyệt:** an theo tháng sinh

An Thiên nguyệt quyết:

*Chánh nguyệt tại tuất nhị nguyệt tị, tam nguyệt thìn hê tứ nguyệt dần,
 Ngũ nguyệt mùi lai lục nguyệt mão, thất hợi bát mùi cửu tại dần,
 Thập nguyệt tại ngọ thập nhất tuất, thập nhị thiên nguyệt dần thượng tâm.*

2	10	5,8	
3			
6			Tháng 01 và 11
4,9,12			7

hoặc:

*Nhất khuyển nhị xà tam tại long tứ hổ ngũ dương lục thỏ cung,
 Thất trư bát dương cửu tại hổ thập mã đông khuyển tịch dần chung.*

6. Nhận thức toàn bộ tinh hệ

"Tử Vi Đẩu Số" có người hiện nay chia ra Giáp cấp tinh, Ất cấp tinh,...cho đến Mậu cấp tinh⁽¹⁾, cách phân loại này có nguồn gốc từ danh gia Bắc phái là Trương Khai Quyền tiên sinh, nhưng Vương Đình Chi cho rằng đáng bàn thảo để đưa đến xác thực, bởi vì cho dù là một sao trong Mậu cấp tinh có khi cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi lưỡng cấp tinh Giáp Ất tạo thành tính chất của tinh hệ, như Tham Lang Liêm Trinh đồng thủ cung Tật Ách, giải thích thông thường là "*can dương thượng kháng chi bệnh*" (bệnh do gan hoạt động thái quá gây ra), nhưng chỉ cần gặp một sao Thiên Nguyệt trong nhóm "Đình cấp tinh" thì lại chủ cái mũi mẫn cảm quá, dễ bị cảm lạnh gây nghẹt mũi hay thường chảy nước mũi, chính điều này bị tác động bởi sao Thiên Nguyệt, há chỉ là "Đình cấp" thôi sao.

Bởi vậy, Vương Đình Chi cho rằng đừng quay lưng lại với những kiến thức Tử vi cổ xưa, không cần sáng tạo thành cái mới hoàn toàn mà vẫn theo cổ nhân lấy tinh diệu chia ra làm năm loại chủ yếu là "Chính diệu", "Phụ diệu Tá diệu", "Hóa diệu", "Tạp diệu" và "Lưu diệu" ; và một điều nữa Vương Đình Chi hy vọng độc giả học tập "Đẩu Số" thì quan trọng có một khái niệm về nó, không thể truy nhật từng sao hội chiếu đến mà hiểu rõ đặc tính được của nó, mà ắt hẳn phải nhận thức trọn cả tinh hệ thủ chiếu. Tỷ như tinh hệ có liên quan với Tử Vi thì có 6 cách cục là "Tử Vi Thiên Phủ", "Tử Vi Thất Sát" "Tử Vi Phá Quân", "Tử Vi Tham Lang", "Tử Vi Thiên Tướng" cùng với "Tử Vi độc tọa"; xa hơn việc giải thích đặc tính 6 hệ này, là tương tác biến hóa với các sao phụ tá, sao hóa, tạp diệu cùng sao lưu, tính chất tinh hệ lập tức sẽ phức tạp lên, hình thành nên những đặc tính mới mà khả năng suy đoán ra những tính chất khác nhau và không nhất quán, phải đi cùng với hoàn cảnh gặp gỡ.

Nếu chỉ nhận thức, nghiên cứu mỗi một sao có khi khó tránh khỏi tình trạng hoàn toàn không ăn nhập gì nhau, và cố gắng nhận thức toàn bộ tinh hệ là điều cần nhấn mạnh nhất từ "Trung Châu Phái".

Chú thích:

(1) Phân nhóm các sao thành các cấp có khác một chút so với phái Tử Vi VN (như bàng tinh, hung tinh, quý tinh,...) nhưng chi tiết hơn, có sự tác động qua lại hoặc không tác động trong những điều kiện nhất định. Còn lấy tên Giáp, Ất, Bính, Đinh,... chẳng qua là một trong những cách đánh dấu kiểu liệt kê của tiếng Hoa.

(sẽ giới thiệu sau về các cấp sao này, hiện giờ ko có thời gian lục lại).

7. Tam đại tinh hệ của Tử vi Đẩu số

"Tử vi Đẩu số" có 3 nhóm tinh hệ lớn là "Bắc đẩu tinh hệ", "Nam đẩu tinh hệ" và "Trung thiên tinh hệ".

Chủ tinh của Bắc đẩu tinh hệ là Tử Vi, các chánh diệu là Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân; trợ diệu là Tả Phụ, Hữu Bật, Kinh Dương, Đà La; một số trong những sao này trong khoa Phong Thủy cũng có ứng dụng, tức là cái gọi là "Tham Cự Lộc Văn Liêm Vũ Phá Phụ Bật". "Trung Châu phái" hẳn

kiêm học Phong Thủy, có thể một lúc nào đó ngẫu hứng hãy học nó, nhưng ở khoa Phong Thủy lại không thích hệ thống sao (tinh hệ), nếu mà dùng lại thành "*Tử bạch phi tinh, huyền không trang quái*" *chi thuật*, tức phương pháp của "Tam nguyên gia"⁽¹⁾, ấy lại cùng Đẩu số có điều khếch mở, không rành mạch.

Chủ tinh Nam đầu tinh hệ là Thiên Phủ, chánh diệu là Thiên Cơ, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thiên Đồng, Thất Sát, Văn Xương; trợ diệu là Thiên Khôi, Thiên Việt, Hòa Tinh, Linh Tinh.

Chủ tinh Trung thiên tinh hệ là Thái Âm, Thái Dương. Chánh diệu là tứ hóa, là Hóa Lộc Hóa Quyền Hóa Khoa Hóa Kỵ, kiêm quản các sao phụ tá tạp tinh còn lại.

Ở "Trung Châu phái", ba hệ thống tinh diệu cộng lại có 145 sao cả thấy, thường sử dụng 115 sao, có 30 sao là tinh diệu trọng yếu thuộc về "Tùng thần gia"⁽²⁾, nhưng lúc suy đoán Đẩu số thì chỉ khi cần thì mới tìm vị trí của nó; như thấy có nguy hiểm mất tiền của, sau đó mới đi tìm sao "Phi Tài" xem có thể phát sinh việc bị cướp bóc hay không; hay cần thấy rõ tai ương nguy hiểm máu me ra sao, mới đi tìm sao "Huyết Nhận" và "Sát Nhận" mà xác định tính chất sự việc.

Chú thích:

(1) "Tam nguyên gia" : ba phái lớn của khoa Phong thủy, gồm Huyền không, Bát trạch, một phái nữa hình như là Loan đầu (không chắc). Trung quốc hiện nay có rất nhiều phái Phong thủy như Bát trạch, Huyền không phi tinh, Tam hiệp, Huyền không đại quái, Tam nguyên phái,...

Phong thủy Huyền không của Trung Châu phái có truyền nhân được thừa nhận chính thức chính là Vương Đình Chi, Trung châu phái chỉ truyền cho duy nhất một người mỗi thế hệ (chính truyền), đến VĐC thì phá lệ, ông truyền cho hơn 40 người học trò, chưa kể những người học khác từ những học trò này thì vô số... Phái này đặc sắc ở chỗ kết hợp Tử vi và Phong thủy, nên trong bài đề cập đến Phong thủy hơi nhiều.

(2) "**Tùng thần gia**": thần sát thường dùng trong xem trạch cát như : Phi tài, Địa tài, Câu thần, Huyết nhận, Sát nhận,... Thần sát này xuất hiện rộng rãi từ thời Hiếu Vũ Đế, tức vua nhà Tấn Tư Mã Diệu (362 - 396), trong "Sử ký - Nhật giả liệt truyện", khi chiêm việc mổ xẻ, đụng đến máu me sống chết thì rất xấu (đại hung).

8. Năm loại sao trong Đẩu số

Trước đã bàn về "Đẩu số tam đại tinh hệ", có một số thuật ngữ được dùng dường như bị loạn, bởi vì cổ nhân sử dụng thuật ngữ cũng không định nghĩa quá rõ ràng, bởi thế nên từ "Chánh diệu" liền có hai hàm nghĩa, một là lúc thì như nói về chánh diệu của tinh hệ (hệ thống sao), còn lúc thì như đang suy đoán một chánh diệu thực tế. Bây giờ, Vương Đình Chi căn cứ vào những người nghiên cứu TV hiện nay thì thấy họ thường phân nhóm các sao như sau:

- Chánh diệu: Tử Vi, Thiên Cơ, Thái Dương, Vũ Khúc, Thiên Đồng, Liêm Trinh, Thiên Phủ, Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Phá

Quân; cộng là 14 sao cả thảy.

- Phụ tá sát diệu: Tả Phụ, Hữu Bật, Thiên Khôi, Thiên Việt, Văn Xương, Văn Khúc (thường gọi là Lục cát); cùng với Hỏa Tinh, Linh Tinh, Kinh Dương, Đà La (thường gọi là Tứ Sát) cộng lại là mười sao.

- Hóa diệu: là hóa khí của mười Can, hóa thành Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ, mỗi can bốn sao, cộng lại là bốn mươi sao hóa.

- Tọa diệu: tức các sao Địa Không, Địa Kiếp, Tam Thai, Bát Tọa, Thiên Hình, Thiên Riêu, Cô Thần, Quả Tú, Hồng Loan, Thiên Hỉ.

- Lưu diệu: tức 3 tổ hợp lớn sao lưu niên, cùng với các sao lưu niên Lộc Tồn, lưu niên Xương, lưu niên Văn Khúc, lưu niên Thiên Mã, lưu niên Kinh Dương, lưu niên Đà La.

"Trung Châu phái" cũng tính toán phân ra như vậy nhưng thấy khuyết điểm là không chú ý đến Lộc Tồn và Thiên Mã, hai sao này tất nhiên không thể quy là chánh diệu, lại cũng không thuộc về loại sao phụ tá.

Theo ý kiến Vương Đình Chi, thật ra có thể đem phụ, tá, sát diệu phân loại rõ như sau:

- Phụ diệu: Tả Phụ, Hữu Bật; Thiên Khôi, Thiên Việt.

- Tá diệu: Văn Xương, Văn Khúc; Lộc Tồn, Thiên Mã.

- Sát diệu: Kinh Dương, Đà La; Hỏa Tinh, Linh Tinh.

127. "Cự Cơ đồng lâm" cũng có khuyết điểm

"Cự Cơ đồng lâm cách" - tức cung mệnh có Cự Môn và Thiên Cơ đồng thủ cung Mão Dậu (có hình). Cổ ca rằng:

Cự Môn miếu vượng ngộ Thiên Cơ

Cao tiết thanh phong thế hãn hi

Học tuyện nhất triều đằng đạt khứ

Nguy nguy đức nghiệp chân hoa di"

(Cự Môn miếu vượng gặp Thiên Cơ, như đời gặp cảnh cây cao gió mát (hiếm), sự học thành tuyện thẳng một đường phẳng lặng mà tạo sự nghiệp vẻ vang, vinh hiển.)

Thiên Cơ Cự Môn đồng cung một tại cung Mão, một tại Dậu. Cổ nhân bình: "Thiên Cơ dữ Cự Môn đồng cư mão dậu, tất thoái tổ nhi tự hưng" (Cự Cơ mão dậu tất tổ nghiệp suy vi, tự mình phải vực dậy" hay như "Cơ Cự dậu thượng hóa cát giả, tủng ngộ tài quan dã bất vinh" (Cơ Cự cư dậu hóa cát, nhưng Tài Quan cư dậu cũng khó vinh hiển), đổi lại cư Mão lại tốt hơn, nguyên nhân vì Thiên Cơ hành mộc, vào cung dậu thụ Kim khắc chế, không bằng tại Mão cung đắc được mộc vượng khí.

Bởi vậy có thể thấy trong "Cự Cơ đồng lâm" cách, Thiên Cơ mới thật sự là yếu tố mấu chốt, chủ yếu do Thiên Cơ chủ cơ biến, linh động, nếu Thiên Cơ bị khắc chế, kèm hãm tất Âm tinh là Cự Môn cũng khó mà dễ dàng dàn xếp ổn thỏa.

Song "Cự Cơ đồng lâm" dù có khuyết điểm, nhưng nó dễ linh động cho phù hợp với hoàn cảnh, có điểm xấu nữa là "đa học vô thành" (học nhiều mà không thành). Cổ ca khi nói sự học là "Học tuyện nhất triều đằng đạt khứ", chỉ là cho rằng "học nghiệp thành tuyện", chứ cho rằng nhất định thành quan công hầu bá, thì e rằng phải xem hậu thiên bổ cứu như thế nào đã.

"Cự Môn giao nhân, thủy thiện chung ác" (giao du với người Cự Môn, trước lành sau ác), thấy rằng "Cơ cự đồng lâm cách" có khuyết điểm riêng, nhưng nếu nhận biết rõ khuyết điểm ấy mà tiến hành tu chỉnh như gần người quân tử, xa lánh tiểu nhân, tất tự nhiên trở nên "cao phong lượng tiết" (thanh cao độ lượng) vậy.

(hết mục 127)

Trong phần luận giải trên có có vài chỗ Cự Cơ thấy thắc mắc :

"Thiên Cơ dữ Cự Môn đồng cư mao dậu, tất thoái tổ nhi tự hưng" (Cự Cơ mao dậu tất tổ nghiệp suy vi, tự mình phải vực dậy"

Theo Cự Cơ thì Mệnh có Cự Cơ thì Phụ Mẫu có Tử Tướng vì vậy mà nhận định tổ nghiệp suy vi thì có phần không hợp lý ?

- "thoái tổ" là sự nghiệp dòng họ lâm cảnh suy vi, chỉ yếu tố cung phúc đức, Cự Cơ cư mệnh là Thiên Lương phúc cung ở Tị, chủ : *"Phúc cung có Thiên Lương tị hội thì có nhiều tai họa, họ hàng ly tán, tha phương lập nghiệp, con trai bụi đời, con gái dâm dật khắc chồng con"* (Trích sách TV hàm số của N.P.Lộc). Trung Châu Phái coi trọng cung Phúc lắm, bạn có thể tìm lại những bài viết của bác VDDT và Kim Hac trong post "Tin nhắn Tử Vi" để hiểu về trường phái này.

- "tự hưng" là tự bản thân mình (tự) làm cho hưng thịnh (hưng), có thể hiểu nôm na là người có thực tài ko cần nhờ đến cha mẹ dòng họ giúp đỡ, đó là bản chất của Cơ Cự chủ linh động và thích nghi rất tốt với hoàn cảnh, lại có mưu lược tính toán tốt (Cơ) và tài ăn nói (Cự) nên chính mình có thể lập nghiệp (tự hưng là ý này).

- Cự Cơ rất tốt cho người Ất Kỷ Bính Tân, ông Vương Đình Chi trích phú là có ý so sánh giữa 2 cung Mão và Dậu mà thôi. Chứ ko phải cho là Cự Cơ tại Dậu xấu.

P/S: PL dịch chứ không phải bình sách, nếu có gì sai sót, các bạn thông cảm !

103. "Tả Hữu đồng viên" thuộc về ngụy cách

Tả Hữu đồng viên cách tức Tả Phụ Hữu Bật đồng cung, lại hội hợp thêm các sao khoa danh trong Đẩu số như Văn Xương, Văn Khúc, Hóa Khoa.

Cổ ca rằng:

Khác phùng Phụ Bật mệnh trung lâm

Gia hội khoa tinh phúc canh thâm

Sự nghiệp ngang ngang truy Ngụy Trịnh

Quan cư đài các vạn nhân khâm.

(Phùng Phụ Bát đồng cung thủ mệnh như người được kính trọng, gia hội các sao khoa bảng thì càng phát phúc, sự nghiệp hiên ngang to lớn như học theo đời nhà Ngụy, nhà Trịnh của Trung Quốc, làm quan thì uy nghi đài các, vạn người tín phục)

Cách cục này, với xã hội hiện đại có thể nhận ra sự vô lý, căn cứ chỉ ra điều đó là cổ nhân cứ cho rằng "Tả Hữu đồng cung, Phi la y tử" (Tả Hữu đồng cung cùng người áo tía lọng vàng), kỳ thật, khi an sao Tả Phụ Hữu Bát đơn thuần căn cứ vào tháng sinh, như sinh tháng 4 tất Tả Hữu đồng cung ở mùi; sinh tháng 10 tất Tả Hữu đồng cung Sửu, khi gặp cách cục này, chẳng nhẽ người nào sinh tháng 4 hoặc tháng 10 đều là mệnh tốt, đều là "Phi la y tử" hay "quan cư đài các" cả sao?

Tả Phụ Hữu Bát trong Đẩu số chỉ là sao có tính chất "phụ tá", ví như tiệc rượu phải có "đồ nhậu nóng sốt" (hữu như diên tịch thượng đích "lưỡng nhiệt huân"), tác dụng của Tả Hữu cũng giống như vây của con cá, bởi vậy Tả Hữu tuyệt đối không thể thành cách khi đứng một mình .

Do tính chất phụ tá, cho nên hai sao này khi giáp biên Tử Vi hoặc Thái Dương cư miếu vượng cung thì giúp cho Tử Vi/ Thái Dương cực mạnh, ngược lại khi đồng cung lực giúp đỡ của Tả Hữu có sự bất cập (thua sút, không bằng giáp cung), nếu Tả Hữu đồng cung có khả năng "sự nghiệp ngang ngang truy Ngụy Trịnh ", vậy "Tả Hữu phò Đế" thành ra lạc cách, há chẳng phải là chẳng cần bọn thuộc hạ giúp Hoàng đế sao?

Cách cục cổ nhân xác định sai đúng, tối nghĩa lẫn lộn, thậm chí phải đọc lời mà tìm nghĩa, "Tả Hữu thủ viên cách" là một trong số đó, tốt nhất là nên lược bỏ để tránh vàng thau lẫn lộn.

(hết mục 103)

108. Song Lộc vi cung cục

(Song Lộc Cách)

"Song Lộc triều viên cách" cùng "Lộc thai uyên ương" có chỗ bất đồng, "Lộc thai uyên ương" là Lộc tinh thủ mệnh, chỉ riêng một Lộc tinh lai hợp; còn "Song Lộc triều viên" là cung Mệnh không có Lộc tinh thủ cung, nhưng Lộc Tồn cùng Hóa Lộc phân ra ở 3 phương chiếu về cung Mệnh. Như cung Mệnh tại tý, Lộc tồn tại thân, Hóa Lộc cư Thìn; thân tý Thìn ba cung tương hợp. Hoặc Lộc tinh tại đối cung cũng có thể hợp cách.

Cổ ca rằng:

Tài quan nhị xử dĩ thiên di,

Song Lộc lâm chi tối hữu nghi,

Đức hợp kiên khôn nhân kính trọng,

Thao thao phú quý thể hi kỳ.

(Hai cung Tài Quan và cung Thiên di rất nên có song Lộc tọa thủ là rất tốt, đức hợp với trời đất được người người kính trọng, còn phú quý như nước chảy cuồn cuộn, như vậy thật hiếm thấy)

Cách này nếu song Lộc đồng cung là không hợp cách. Phải cần một thủ cung Tài bạch, một thủ cung Quan Lộc; hoặc một thủ cung Tài bạch, một thủ cung Thiên di; hoặc một thủ cung Quan Lộc, một thủ cung Thiên di, vậy mới là cách đẹp. Nếu có Kỵ tinh ở cung Mệnh hoặc ba phương xung phá, thì không thể gọi là hợp cách.

"Song Lộc triều viên" tốt ở chỗ dễ phát tài, nhất là song Lộc phân bố vào tam phương hội hợp về, tuần hoàn mỗi mười hai năm, chí ít cũng có ba lần lưu niên ở cung Mệnh hội hợp song Lộc, cách vài năm lại có một lần tiền tài như ý, khí thế tài vận cả đời người vì thế mà cũng dễ dàng hơn.

Nhưng cách cục này vẫn có sự phân biệt cao thấp. Nếu cát tinh thủ Mệnh, hơn nữa mệnh lại cường và có lực, tất cách cục là cao, nhược cung Mệnh thủ sao phù động, như Thiên Cơ, Cự Môn, tất cách cục là thấp. Lại gặp Tứ Sát phân bố ở 3 phương là cung Mệnh hội nhiều Sát tinh, chỉ chủ nhiều tiền tài thì nhiều tai họa.

(hết mục 108)

58. Tài tinh Vũ Khúc có nhiều khuyết điểm

Vũ Khúc là sao thứ sáu trong chòm Bắc đẩu, ngũ hành thuộc kim, được xếp là tài tinh trong khoa Đẩu số. Tài tinh là chính diệu chủ yếu có 3 sao Vũ Khúc, Thiên Phủ, Thái Âm, ba sao cùng là tài tinh nhưng có những đặc tính không giống nhau.

Trong 3 tài tinh, Vũ Khúc mang tính chất cô khắc, nhất là đối với hôn nhân càng ảnh hưởng, bình thường mà nói, nữ mệnh không nên có Vũ Khúc, bởi vì cổ thư cho rằng: "Vũ Khúc chi tinh vi Quả Tú", nữ nhân gặp chủ quan hệ với đàn ông/chồng bất lợi, hoặc hình khắc vì quá nghiêm, hoặc sanh ly.

Thật ra nếu nghiên cứu kỹ lưỡng tính chất Vũ Khúc, có khi tình trạng này vị tất nghiêm trọng như vậy, vì tính chất cô khắc của Vũ Khúc tất cả đều làm gia tăng tính cương nghị, như dạng phụ nữ sự nghiệp lên hàng đầu, dễ đem tính cách cương nghị vào cuộc sống gia đình, khiến đàn ông cảm thấy gia đình không ấm áp. Xã hội hiện đại phụ nữ cũng có thể có sự nghiệp riêng, có thể phát huy đặc tính Vũ Khúc vào trong sự nghiệp, chứ không nên đem điều đó đối đãi với chồng trong gia đình; ngược lại phải phát huy sự ôn nhu nữ tính, sẽ khiến gia đình tràn ngập hòa khí. Nhưng cho dù được như thế, với chồng cũng ít nhiều khó tránh tình trạng cô khắc. Đây là nhược điểm biểu hiện tại nữ mệnh có Vũ Khúc tọa thủ.

Vũ Khúc có một đặc tính riêng là sợ Hóa Kị nhất, chủ tình cảm vợ chồng phát sinh biến hóa, hoặc chủ tiền tài ra như nước chảy, thậm chí lâm cảnh nợ nần. Người tuổi Nhâm, Vũ Khúc Hóa Kị, nếu lạc vào cung Mệnh, Điền trạch, Phu thê, Tài bạch, Quan lộc thì rất không nên. Nhưng nếu phối hợp nhiều sao tốt, chỉ là ý nghĩa không nên theo đường kinh thương mà thôi. Vương Đình Chi từng chứng kiến một vị thầy thuốc ngoại khoa, có Vũ Khúc Hóa Kị cư cung Quan lộc, nhưng vẫn giàu có.

Vũ Khúc trừ Hóa Kị ra, cũng kỵ gặp Hòa Tinh hoặc Linh Tinh. Cổ nhân có thuyết cho rằng "Vũ Khúc Hỏa Linh đồng cung, nhân tài bị kiếp" cái gọi là "nhân tài bị kiếp", không nhất định là gặp phải ăn cướp, bị cướp, mà là tài bạch tổn thất vì nhiều lý do khó cưỡng lại được. Nên nếu Vũ Khúc đi chung với Hỏa Tinh tọa mệnh, thì phá tài rất nhiều, cách hóa giải là giao cho người phối ngẫu nắm giữ. Nhưng nếu Phu thê cung lại không tốt, vậy chỉ thêm nhiều phiền toái mà thôi.

Vũ Khúc vốn là tài tinh, song đã có không ít khuyết điểm, đủ thấy có khi tài tinh chẳng phải nhất định lúc nào cũng tốt.

Trích: "Vũ Khúc có một đặc tính riêng là sợ Hóa Kị nhất, chủ tình cảm vợ chồng phát sinh biến hóa, hoặc chủ tiền tài ra như nước chảy, thậm chí lâm cảnh nợ nần. Người tuổi Nhâm, Vũ Khúc Hóa Kị, nếu lạc vào cung Mệnh, Điền trạch, Phu thê, Tài bạch, Quan lộc thì rất không nên. Nhưng nếu phối hợp nhiều sao tốt, chỉ là ý nghĩa không nên theo đường kinh thương mà thôi. Vương Đình Chi từng chứng kiến một vị thầy thuốc ngoại khoa, có Vũ Khúc Hóa Kị cư cung Quan lộc, nhưng vẫn giàu có."

Thực chứng 1 : Nam nhân tuổi Nhâm Dần Vũ cư Tuất trúng Kỵ gia thêm Hồ là cách khắc vợ, đúng câu "trao hai đời vợ, gái hai đời chồng", Vũ cô đơn đến mức không con hay có 1 là may mắn rồi.

*Muốn Vũ thành túng thiếu, không dễ đâu vì Vũ là tài tinh bậc nhất chủ bảo thủ
tôn kho, có Kỵ càng chặt chẽ giữ tiền thì sao gọi là túng thiếu, chỉ e rằng Kỵ gặp Hao
thêm Thiên Không thành bộ hao túng đi đọa con người chi ly từng cắc như người ăn
mày !*

*Thực chứng 2 : Nữ nhân tuổi Nhâm Tý cũng Vũ Khúc cư Tuất có Kỵ, cũng xong luận
án tiến sĩ mà bác Đinh Văn Tân cũng từng coi số, như vậy đâu gọi là xấu, dĩ nhiên Vũ
khắc Mộc mệnh thì cuộc đời cô khổ long đong chuyện chồng con, có Kỵ an vào hại nữ
/ nam tình duyên gia đạo trắc trở !*

*Cả 2 ví dụ trên cho thấy 2 người đều có công danh, no ấm, chỉ vì Vũ khắc nghiệt còn
Kỵ (La Hầu / Kế Đô) là sao ám làm cho cuộc đời ôm một mối hận hành hạ đương
nhân !*

65. Liêm Trinh kiến lộc, thị cát thị hung ?

78. “Phùng phủ khán Tướng” đích bí mật

98. “Phủ Tướng triều viên” trọng Thiên Tướng

Dịch:

65. Liêm trinh kiến lộc, thị cát thị hung -----> Liêm Trinh cần sao Lộc nhưng lại lúc
cát lúc hung

78. Phùng phủ khán tướng đích bí mật ----> Tôi cho rằng là Phủ phùng khán Tướng
đích bí mật ----> Thiên Phủ phùng Thiên Tướng thì là người có nhiều suy nghĩ nhưng
tâm tư giấu kín , hoặc sự việc còn trong vòng bí mật

98. Phủ Tướng triều viên trọng Thiên tướng -----> cách này trọng Thiên Tướng hơn
Thiên Phủ .

59. Vũ khúc và Sát Phá Tham có quan hệ mật thiết:

Vũ khúc phối hợp tinh diệu, cộng có 6 tình huống:

- Tại tỵ, ngọ cung, Vũ khúc Thiên phủ đồng viên.
- Tại sửu, mùi cung, Vũ khúc Tham lang đồng viên.
- Tại dần, thân cung, Vũ khúc Thiên tướng đồng viên.
- Tại mão, dậu cung, Vũ khúc Thất sát đồng viên.

- Tại thìn, tuất cung, Vũ khúc độc tọa, đối cung là Tham lang.

- Tại tị, hợi cung, Vũ khúc Phá quân đồng viên.

Các tổ hợp trên dễ thấy Vũ Khúc đặc biệt quan hệ mật thiết với 3 sao Thất Sát, Phá Quân, Tham Lang. "Sát Phá Tham" là một tổ hợp không tốt và hòa hiệp lắm (tổ hợp chủ hành động/ biến động), điều này ảnh hưởng đến tính chất Vũ Khúc. Hơn nữa, nếu Phu thê cung thấy Vũ Khúc, Thiên Phủ, cung Mệnh tất là Tham Lang; nếu Phu thê thấy Vũ Tướng, cung Mệnh tất vi Thất Sát, điều này có thể thấy được Vũ Khúc bất kể như thế nào, đều không thoát khỏi ảnh hưởng "Sát Phá Tham", mà quan hệ mật thiết với Thất Sát cùng Tham Lang. Cổ nhân không thích nữ mệnh cung Mệnh hoặc Phu thê cung kiến Vũ Khúc, nguyên nhân một phần cũng là không thích quan hệ với bộ "Sát Phá Tham" này.

Nếu y theo thuyết pháp của cổ nhân, Vũ Khúc chỉ có 1 tổ hợp tốt, khiến xuất hiện câu phú "Vũ Khúc hội Tham Lang, Thất Sát cập Liêm Trinh, liền khừ kinh thương" (Vũ Khúc hội Tham, Sát, Liêm, dễ đi vào đường kinh thương), ta nhận thấy mấu chốt chính là sao Liêm Trinh can dự vào, nhờ đó có thể thay đổi, tinh chỉnh tính chất tổ hợp tinh diệu.

Vũ Khúc phối hợp với các tinh diệu khác không dễ thay đổi kết quả này, vì lẽ đó không nên gặp Hỏa Tinh, Linh Tinh, Kinh Dương cùng Đà La là "Tứ Sát", cổ nhân phú rằng "Vũ Khúc Hỏa Linh đồng cung, nhân tài bị kiếp", "Vũ Khúc ngộ Kinh Dương Đà La, tiện chủ cô khắc", "Vũ Khúc Dương Đà kiêm Hỏa tú, nhân tài táng mệnh", "Vũ Khúc kiến Tứ Sát xung phá, cô bản phá tướng, thậm hoặc yếu thọ".

Tại Úc châu, Vương Đình Chi bị nạn rơi xuống sườn núi cả trăm thước, kết quả điều trị chấn thương ba tháng, mặt mày cơ thể hốc hác vàng vọt, nguyên có là do lưu niên trùng cung Thiên di gặp Vũ Khúc lại gặp Đà La, may mà đồng cung còn có một sao Thiên Tướng hơn nữa đại vận đó không quá tầm thường, cho nên mới thoát chết. Nếu gặp sát tinh không phải là Đà La, mà là Hỏa Linh, Vương Đình Chi tin rằng sớm về quê hương với một các xác không hồn.

50. Ba tính chất đặc biệt của người Thái Dương thủ mệnh

Cổ nhân đối với Thái Dương luôn luôn có một thiên kiến rằng miếu vượng tất cát, lạc hãm tất hung. Gọi là miếu vượng, tức là thời giờ ánh mặt trời mãnh liệt, bắt đầu cung Mão đến Ngọ ví như mặt trời giữa ban ngày, đến cung Dậu mặt trời bắt đầu lặn về phía Tây, dĩ nhiên là sau đó đến cung Dần được ví như "Thái dương thủy hữu xuất san chi tượng" (tượng mặt trời bắt đầu mọc trên đỉnh núi).

Bởi vậy, khi phán đoán người có Thái Dương thủ cung Mệnh, rất coi trọng tính chất cung đóng. Nói cách khác, Thái Dương tại cung Hợi thủ mệnh, vận mệnh không bằng tại Tị cung. Phương thức đoán mệnh này, cơ hồ đã thành "kim khoa ngọc luật" (nguyên tắc vàng ngọc).

Cho nên cổ thư đối với Thái Dương thủ mệnh có vài câu bình ngữ điển hình:

- "Thái dương thủ mệnh lạc hãm, tuy hóa quyền lộc diệc hung, quan lộc bất hiển, thành bại bất nhất." (Thái Dương thủ mệnh vào đất hãm, tuy hóa Quyền Lộc cũng hung, quan lộc không hiển đạt, thành bại thất thường)

- "Thái dương thủ mệnh, lạc hãm gia hung sát, kỳ nhân đới tật." (Thái Dương thủ mệnh, lạc hãm thêm hung sát tinh, trong người thường có tật.)

- "Thái dương thủ mệnh miếu vượng, phú quý vinh hoa."

- "Nữ mệnh Thái dương, cư mảo thìn tị ngộ, vô sát, vượng phu ích tử" (Nữ mệnh Thái Dương, cư mảo thìn tị ngộ, không hội hợp sát tinh, thì là mẫu phụ nữ làm lợi cho chồng con)

Tóm lại, cứ thấy cung Mệnh cư cung ban ngày có Thái Dương là cát, gặp cung ban đêm Thái Dương cũng có uy lực riêng. Trung Châu phái luận về Thái Dương tinh, dựa trên sự so sánh khách quan nhiều hơn.

Thái Dương tọa mệnh kỳ thật có ba tính chất chung: 😊

- Thứ nhất là hào phóng, phóng khoáng. Gọi là hào phóng, cũng không phải "Đường triều hào phóng nữ" mà hào phóng này là có tình thần không so đo tính toán tiêu tiết. Cho nên người Thái Dương thủ mệnh, tuyệt đối sẽ không ghi tặc lỗi lầm của người khác trong lòng.

- Thứ hai, coi danh dự lớn hơn mỗi lợi của mình. Ở Đẩu số, Thái Âm chủ phú, Thái Dương chủ quý, cho nên người có Thái Dương tọa mệnh, bất kể sự nghiệp lớn hay rộng mở cỡ nào, cũng khó mà cự phú (giàu có lớn), thậm chí có khi giá trị giàu có không bằng nhân viên dưới quyền.

- Thứ ba, thường có tâm khí cao ngạo, khiến cho người lâm vào hoàn cảnh bất lợi, tánh khí cũng thường xuyên bất phục đối với thủ trưởng, trừ phi thủ trưởng thực sự có danh vọng, uy tín rất cao, hoặc là có năng lực lãnh đạo mạnh mẽ. Người Thái Dương thủ mệnh nếu không hiểu biết điều này chỉ làm chính mình lâm vào hoàn cảnh không tốt, cũng như phải hiểu rằng ở đâu cũng có người giỏi hơn.

(*) Phuc Loc chú thích: so sánh "Đường triều hào phóng nữ" là ý nói phụ nữ thời nhà Đường (Trung Quốc) ăn mặc rất phóng khoáng (hở ngực,...), nét đẹp hình thể phụ nữ được tôn vinh... một phong cách thời trang rất phóng khoáng và tự do (mặc dù lúc đó là thời phong kiến), thời nay phong cách đó ở cô gái Trung Hoa cũng chưa phổ biến. "Đường triều hào phóng nữ" ---> Ai đã từng coi phim Hoàng Kim Giáp thì biết !!! 🤔

51. Ba tình huống phối hợp khi Thái Dương tọa mệnh

Thái Dương đồng cung với các chính tinh khác chỉ có ba tình huống. Ở Sửu, mùi cùng Thái Âm đồng cung; tại dần, thân có Cự Môn đồng cung; ở mao, dậu cùng Thiên Lương đồng cung. Còn lại, vào tý, thìn, tị, ngọ, tuất, hợi 6 cung vị, Thái Dương độc tọa.

Nhưng khi Thái Dương độc tọa, cũng có ba tình huống khác nhau. Thái Dương tọa hai cung tý, ngọ, nhất định cùng Thiên Lương xung chiếu nhau; Thái Dương tọa hai cung tị, hợi, nhất định cùng Cự Môn xung chiếu nhau; Thái Dương tọa thìn, tuất cùng Thái Âm xung chiếu nhau. Cho nên các sao phát sinh quan hệ với Thái Dương kỳ thật chỉ có 3 sao Cự Môn, Thiên Lương, Thái Âm, có khác chăng là chia làm 2 loại tình huống đồng cung hoặc đối cung.

Bởi vậy "Trung châu phái" nghiên cứu tính chất Thái Dương rất chú trọng quan hệ của nó cùng Cự Môn, Thiên Lương cũng như Thái Âm, chứ ko chỉ so đo tính toán chú trọng việc Thái Dương bị vây hãm ở cung ban đêm.

Cự Môn chủ ám; Thái Âm chủ phú; Thiên Lương chủ thanh quý. ba loại tính chất cơ bản này có thể ảnh hưởng đến Thái Dương thủ Mệnh, những cách cục này đại khái là Thái Dương ngộ Cự Môn, nếu thiếu cát tinh là người chỉ có hư danh; Thái Dương ngộ Thái Âm, có khả năng phú quý, nhưng cũng có thể thuộc loại tiểu phú quý, thậm chí chỉ là loại kinh tế gia đình (thường thường bậc trung) có chút quyền lực trong phạm vi nhỏ; Thái Dương ngộ Thiên Lương, tất bản thân tuân thủ nguyên tắc quá mức mà thành như nhân vật nổi tiếng chỉ biết làm theo 1 định kiến/ngành nghề nhất định, ngược lại mà không nhận ra được cái chung, đại chúng trong xã hội.

Đương nhiên lý thuyết trên chỉ là những đặc tính rất cơ bản, chi tiết cụ thể vẫn là ở sự tương tác biến hóa với các tinh diệu khác mà thành, độc giả không nên chỉ hiểu phần phân tích trên, khi nghiên cứu tính chất sao Thái Dương thủ cung tuyệt đối không phải cứ căn cứ vào ca quyết mà phán định tính chất, mà hẳn là phải căn cứ vào 3 tình huống Thái Dương hội hợp với các sao (đoạn trên) mà xác định. Đó là mệnh pháp (phương pháp luận mệnh), "Trung châu phái" có sự đặc sắc, không ngại mời độc giả tham khảo.

52. So sánh Thái Dương và Tử Vi

Thái Dương thủ mệnh có rất nhiều tính chất cơ bản, tại Đẩu số Thái Âm chủ phú, Thái Dương chủ quý, đây là tính chất cơ bản nhất, cho nên phạm Thái Dương thủ mệnh, cứ từ phương diện "Quý" này mà quan sát, nhận xét.

Người trọng ở quý, cho nên Thái Dương rất mừng gặp được một số trợ tinh chủ quý hội hợp. Như Thiên Khôi, Thiên Việt; Tả Phụ, Hữu Bật; Văn Xương, Văn Khúc; Tam Thai, Bát Tọa; Ân Quang, Thiên Quý; Long Trì, Phụng Các. Các trợ tinh này chia làm sáu cặp, nếu Thái Dương được tất cả những cặp sao này cùng hội hợp, lực lượng hỗ trợ lớn hơn gấp bội.

Ví dụ nếu Thái Dương cùng hội ba cát tinh Văn Xương, Hữu Bật, Thiên Khôi (chỉ 1 sao trong cặp sao) không bằng khi 3 sao này có đủ một cặp sao, như khi hội đủ Tả Phụ Hữu Bật (có đủ cặp), thì lực lượng so với 3 sao bị phân tán trên lại trở nên rất mạnh. Tam Thai Bát Tọa, Ân Quang Thiên Quý là những sao đi cặp với nhau, một khi bị phân tán thì lực tác động yếu đi, nhưng nếu đủ cặp đi cùng Thái Dương thì lực tác động lại to lớn, thậm chí lực tác động còn lớn hơn ba bốn sao trong lục cát khi chúng không thành đôi (Lục cát tinh tức Xương Khúc, Khôi Việt, Phụ Bật).

Tính chất này của Thái Dương có thể nói so với Tử Vi không khác biệt lắm, bởi vì Tử Vi cũng cần cát tinh triều cung, sau mới có thể phát huy khả năng. Nhưng trong đó cũng có một chút phân biệt:

- Tử Vi mừng có Thiên Phủ, Thiên Tướng triều cung, Thái Dương dường như không thích vậy; Tử Vi sợ "Lục sát", Tham Lang và Phá Quân, nhưng Thái Dương không sợ, nhưng lại sợ Cự Môn. Tử Vi thủ mệnh là người có năng lực lãnh đạo, phong cách uy nghiêm, khó gần; còn Thái Dương thủ mệnh lực lãnh đạo yếu hơn, nhưng có đặc tính hay giúp đỡ bố thí không cầu lợi lộc, điều này dường như dễ thân cận với người khác.
- Nhưng Thái Dương lại có lực hình khắc mà Tử Vi không có. Tử Vi thủ mệnh, thì quan hệ với cha mẹ, vợ chồng, huynh đệ, con gái tương đối tốt, nhưng Thái Dương thủ mệnh, thì đối với cha, huynh trưởng, con trưởng lại có sự hình khắc, nặng thì tử vong, nhẹ thì sanh ly, hoặc là tình cảm không tốt.

Cho nên tính chất Tử Vi vẫn còn tốt hơn, thậm chí ngay cả so sánh tình trạng sức khỏe cũng tốt hơn một chút.

53. Hai ví dụ (về câu phú) Thái Dương tọa mệnh

Vì Thái Dương vốn có khuyết điểm hình khắc, vì lẽ đó cổ nhân liền cho rằng "Nhật Nguyệt thủ mệnh bất như chiếu hiệp" (Nhật Nguyệt thủ mệnh không bằng chiếu hợp). Lý do, xem cung Mệnh nếu không thấy Thái Dương tọa thủ nhưng đắc Thái Dương

cung chiếu, đương nhiên khiến cung Mệnh có được tính chất "Quý" vốn có của Thái Dương, mà lại khả năng giảm bớt được sự hình khắc.

Nhưng chẳng biết tại sao, hiện nay nếu xem một người Thái Dương thủ mệnh, độ hình khắc trên thực tế cũng không thái quá theo như lời cổ nhân. Chính như sự quý hiển, theo lời cổ nhân cũng không quý hiển bằng. Vương Đình Chi xem mệnh một bằng hữu, Thái Dương tọa mệnh, cổ nhân cho rằng "Dữ nhân quả hợp chiêu thị phi", nhưng bản thân nhân duyên lại tương đối tốt đẹp, hơn nữa đối với cha cảm tình cũng khá tốt. Hiện thực và theo như lời cổ nhân không một chút tương hợp.

Theo Vương Đình Chi suy đoán, sự e ngại này lý do là vì cách thức tổ chức cuộc sống thời xưa và hiện đại không giống nhau. Thời xưa, hai thế hệ cha con cùng đồng cư một nhà, dễ dàng sinh ra mâu thuẫn, không giống hiện nay, kết hôn xong liền rời cha mẹ sống riêng, vì lẽ đó người Thái Dương thủ mệnh, lại có thể phát huy bản chất tình cảm của sao Thái Dương, bất quá về phương diện khác mà nói, sống riêng cũng có thể xem như bị hình khắc nhẹ nhất.

Quan hệ cùng bằng hữu cũng như thế. Người xưa quan hệ xã giao trong phạm vi hẹp, vì cá tính người Thái Dương khá quyết liệt, trong phạm vi nhỏ không một ai tiếp thu du di cho điều đó, có khi lại biến thành không hợp, thành kiến với nhau, mất vẻ tự nhiên,... không giống như ngày nay xã giao trong phạm vi rộng, trước sau cuối cùng thì khi gặp mặt cũng có thể tiếp nhận cái loại cá tính riêng của bằng hữu.

Cho nên dùng Đầu số đoán mệnh cho người hiện đại, gặp Thái Dương thủ mệnh thì, không thể không cẩn thận một chút, lời giải đoán không thể ứng hoàn toàn y theo ca quyết cổ nhân để lại.

Ví như cổ nhân nói: "Thái Dương cư ngộ, kỳ quý chuyên quyền", đó là bởi vì mừng cho Thái Dương ví như gặp ánh mặt trời giữa trưa mãnh liệt nhất, trên thực tế, người hiện đại vị tất theo đường chính trị, hơn nữa liên quan đến nó cũng còn ít, thường theo đường kinh thương, vậy Thái Dương tại ngộ thủ mệnh ngược lại dễ dàng biến thành một lão quan rỗng ruột vui mừng khi được đứng đầu, điều này thể hiện mặt quý của Thái Dương, vì lẽ đó con người Thái Dương dễ yêu thích hư danh; về phương diện khác Thái Dương không chủ phú, càng yêu cái hư danh càng dễ dàng không tương, đến nỗi trở thành một lão quan rỗng vậy (không tiền cũng không có danh, chỉ có chức quan).

Đơn cử vài ví dụ, tức cũng biết tính chất Thái Dương tọa mệnh.

55. Luận "Nhật Nguyệt giáp mệnh"

Đầu số xem trọng "Nhật Nguyệt giáp mệnh", cho rằng lá số rất tốt, mệnh cục này trước tiên chúng ta nghiên cứu hai trường hợp:

- Một, cung Mệnh tại Sửu, lúc này Thái Âm tại Tý, Thái Dương tại dần. Cung Mệnh có chủ tinh là Vũ Khúc, Tham Lang.

- Hai, cung Mệnh tại Mùi, lúc này Thái Âm tại Ngọ, Thái Dương tại thân. Cung Mệnh có chủ tinh cũng là Vũ Khúc Tham Lang.

Nói cách khác, chúng ta nghiên cứu người "Nhật Nguyệt giáp mệnh" là nghiên cứu cung Mệnh có 2 sao Vũ Khúc Tham Lang. Vũ Khúc là tài tinh, đồng thời có tính chất độc hành độc đoán, cho nên hành xử cũng rất quyết đoán. Tham Lang là sao tinh xảo nghề nghiệp, đồng thời đại biểu cho năng lực giao tế ứng đối rất tốt. Vì lẽ đó, Vũ Khúc và Tham Lang đồng thủ cung Mệnh thì hai chủ tinh này dễ dàng tác dụng hỗ trợ lẫn nhau.

Một cá nhân, nếu như có năng lực quyết đoán lại có khả năng lý tài, đồng thời có kỹ năng chuyên môn mà lại am hiểu giao tế, chẳng cần phải nói nhiều, đương nhiên là một nhân vật thành công trong thương trường. Nhưng người có mệnh cục này lại có khuyết điểm.

Đầu tiên, Vũ Khúc chủ phát chậm, cho nên chỉ có thể là nhân vật bạch thủ hưng gia (tay trắng làm nên), gian tân khai sáng sự nghiệp.

Tiếp theo, Tham Lang có một mặt yếu kém chính là chủ trầm mê tử sắc, cờ bạc, bởi vậy cũng rất nguy hiểm, nhẹ thì sự nghiệp vì đó mà không thuận, nặng thì vì tự phụ quá thông minh rồi lầm lỗi thậm chí bị lừa đến tai ương lao ngục. Đó là lý do làm cho người có mệnh cục này thích giờ thủ đoạn, giờ thủ đoạn rồi vào con đường bất chính, tự nhiên bất lợi.

Người có cách "Nhật Nguyệt giáp mệnh" sợ nhất cung Mệnh gặp Kinh Dương, đương mệnh tại Sửu cung, cung Tài bạch tất là Liêm Trinh, Phá Quân; đương mệnh tại Mùi cung, cung Quan lộc cũng gặp Liêm Trinh, Phá Quân. Liêm Trinh Phá Quân hội Kinh Dương ở cung Sửu Mùi gọi là "Nữ gia đới tảo" (đeo gông vào cổ) (*), chủ vì lý do tiền tài hoặc quan lộc mà lâm cảnh hình tọng.

Hơn nữa, không chỉ nói cung Mệnh tại Sửu hoặc là tại Mùi, mà cung Phúc đức tất kiến Thiên Tướng lạc hãm, cho nên phạm "Nhật Nguyệt giáp mệnh", cho dù là mệnh tạo tốt, bản thân cũng chủ bốn ba vất vả.

Cổ thư cho rằng "Nhật Nguyệt giáp mệnh" là "quý cục", kỳ thật phải có rất nhiều điều kiện phụ, cung Mệnh không thấy Kinh Dương, cô nhiên ở ranh giới giữa chánh và tà; nếu có Khôi Việt, Phụ Bát, Xương Khúc tất có thể sự nghiệp thành tựu, nhất là càng mừng nếu gặp Hỏa Linh, bởi vì có Hỏa Linh liền dễ làm suy yếu đi tính cách "hào tử tham hoa".

Chú thích:

(*) "*Nữ gia đới tóa*" : nghĩa đen, vắn gông cùm đeo xiềng xích (vào cổ); nghĩa bóng, mắc hình tọng.

56. Tái đàm "Nhật Nguyệt giáp mệnh"

"Nhật Nguyệt giáp mệnh" còn có một trường hợp khác:

- Thiên Phủ tại sừ cung thủ mệnh, Thái dương tại tý, Thái âm tại dần.
- Thiên Phủ tại mùi cung thủ mệnh, Thái dương tại ngọ, Thái âm tại thân.

Thiên Phủ đứng đầu nam đầu tinh hệ, hơn nữa được ví như ngân hàng trung ương giữa các ngân hàng, bình thường mà nói đương nhiên là có đủ tính chất tốt đẹp, nhưng Thiên Phủ cư cung sừ, mùi lại có một đặc điểm đó là chỉ có một mình chủ tinh độ thủ cung Mệnh, hơn nữa cung Thiên di lại gặp Liêm Trinh Thất Sát, vì đó mà tính chất Thiên Phủ thủ mệnh dễ có rất nhiều biến hóa.

Khi Thiên Phủ thủ mệnh cư vào sừ cung thì thích nhất người tuổi Bính bởi vì có Lộc tồn tại cung tị hội hợp, tăng mạnh lợi ích cho sự nghiệp. Người tuổi Giáp, Đinh, Kỷ, Canh, Quý tất có Kinh Dương hoặc Đà La vừa bao vây vừa quấy nhiễu Thiên Phủ, chẳng thể cát lợi.

Khi Thiên Phủ thủ mệnh cư vào cung mùi thì thích nhất người tuổi Nhâm bởi vì có Lộc Tồn ở cung hội hội hợp. Người tuổi Giáp, Đinh, Kỷ, Canh, Quý có Kinh Dương hoặc Đà La cũng quấy nhiễu Thiên Phủ. Đặc điểm Thiên Phủ độ thủ cung Mệnh vốn có tính cách bảo thủ, hơn nữa có thể nói là người có chút cò kè thêm bớt; nhưng đối cung là Liêm Trinh Thất Sát, lại hàm chứa sự thích mạo hiểm, hơn nữa có nhiều loại sở thích, cái cương liệt mạnh mẽ này (Liêm Sát) cùng Thiên Phủ độ thủ cung Mệnh có tính chất xung đột lẫn nhau.

Lúc này, nếu có Lộc Tồn trợ giúp, tài lực Thiên Phủ tăng mạnh, đủ để ứng phó làm tiêu hao Liêm Trinh Thất Sát. Ngược lại, nếu không có Lộc Tồn, mà hội hợp Kinh Dương Đà La, Thiên Phủ yếu kém trong phương diện ứng phó Liêm Trinh Thất Sát, cuối cùng hóa ra hao tổn mà thôi và cái tính cách bảo thủ và keo kiệt cố hữu lại tự khiến cho đương số đau lòng, lúc này vì hội hợp ảnh hưởng Dương Đà, khiến cho đương số hiểu được không nên tìm cách làm cản rồi tự mình không thể sửa sai được. Vì vậy có cơ mưu đầy rẫy, cũng rơi vào bọng xảo trá quyền thuật mà thôi.

So sánh sự khởi lai cách cục, cư vào sừ cung thì không tốt bằng mùi cung bởi vì Nhật Nguyệt đồng thời cư vượng cung, cục diện khác nhau khá lớn. Nhưng nếu vô cát tinh củng chiếu, ngược lại có Tứ Sát hội hợp, cục diện càng lớn, càng có cơ mưu quyền thuật tà đạo, vì thế mệnh cục loại này có thể có một chút "không tâm đại lão quan" (viên quan hữu danh vô thực, rỗng ruột).

Thế nên "Nhật Nguyệt giáp mệnh" vị tất đại quý, nhất là tại cái xã hội xa hoa và đầu cơ này.

69. Thái Âm lạc hãm cũng không nên e sợ

Thái Âm tức là ánh trăng. Tại Tử vi Đẩu số, Thái Âm cùng Thái Dương là một đôi "Trung thiên tinh diệu" rất có lực, tinh diệu này không thuộc về nam đầu, lại cũng không thuộc về bắc đầu. Phạm như thuộc là "Đôi tinh", đều có tính chất giống nhau vừa có điểm khác nhau. Thái Âm chủ phú, Thái Dương chủ quý; Thái Âm chủ nữ, Thái Dương chủ nam; Thái Âm chủ nhu, Thái Dương chủ cương, Thái âm thuộc thủy, Thái Dương thuộc hỏa.

Cổ nhân cho rằng biến hóa của Thái Âm rất lớn, tại Hợi tỵ sừu cung nhập miếu, cơ bản là mệnh hảo; nhưng nếu tại tỵ ngọ mùi cung là lạc hãm, dễ mang đến những tai hại khá lớn, phú "*Thái Âm lạc hãm thương thế mẫu*", đối với người thân là nữ thường bất lợi; nếu như là nữ mệnh, xưng là "*Hình phu khắc tử vi xướng thiếp*" ("Nếu không làm kỹ nữ, tỵ thiếp thì cũng hình khắc chồng con").

Thuyết pháp này, võ đoán quá mức, cho nên một số độc giả tự mình lập lá số, nhìn thấy cung Mệnh Thái Âm lạc hãm, liền hết sức chi là sợ hãi, cho rằng vận mệnh của chính mình rất kém, sự thật thì suy đoán Đẩu số cũng không đơn giản như vậy. Thái Âm cho dù lạc hãm, nhưng cũng phải kiến Tử Sát Không Kiếp và phải có sát tinh đồng cung, hơn nữa cung Phúc đức cùng Thân cung bất hảo, sau đó mới phát sinh những sự chẳng lành, nếu không thì cũng không quá xấu theo như lời cổ nhân.

Lấy ví dụ Thái Âm cư cung ngọ :

Tại ngọ cung Thái Âm lạc hãm, cùng Thiên Đồng đồng cung, Thiên Đồng cũng lạc hãm, chiếu theo thuyết pháp của cổ nhân là: "*Hóa cát phản hung, phùng sát dâm tà*", tức là nói nếu Thái Âm, Thiên Đồng hóa thành Lộc, Quyền, Khoa tam cát tinh, phản vi hung cục; nếu ngọ Tử Sát tất không cần hỏi rồi. Có thể nói điều này chẳng đúng tí nào, trên thực tế cũng không phải là như vậy. Vương Đình Chi luận qua mệnh một nam một nữ đều là Thiên Đồng Thái Âm thủ ngọ cung, người nam chính là một nhân vật quản lý kinh doanh trong giới tài chính kinh tế, người nữ chính là nhân viên quan trọng của một công ty quan hệ xã hội nổi tiếng.

Nguyên nhân chủ yếu ở bối cảnh xã hội khác nhau, bởi vì phạm người có Thiên Đồng Thái Âm tại ngọ cung, tính cách đều có điểm hướng nội, thích hợp nhất vào công tác nội vụ, đồng thời kế hoạch tính rất mạnh, không thì rồi lại thường dễ vào ảo tưởng. Loại tính cách này, ở xã hội xưa rất khó phát huy, ở xã hội hiện đại lại thường có khả năng dựa vào ảo tưởng rồi phát ra linh cảm, sau đó từ linh cảm mà biến thành kế hoạch. Hơn nữa, doanh nghiệp ngày nay, thường có một bộ quy chế về chấp hành kế hoạch, cho nên người có loại kết cấu cung Mệnh, cũng có thể dễ dàng phát huy sở trường của họ (trong việc lập kế hoạch).

Đoán Đẩu số thiết yếu ở nghiên cứu tính chất, không nên căn cứ chỉ một mặt sáng của khẩu quyết như ví dụ trên.

70. Thái Âm thủ mệnh, kiêm coi kỹ cung Phúc Đức

Cổ nhân luận đoán các tình huống Thái Âm tọa thủ các cung, có thể chỉ căn cứ bởi

cảnh văn hóa xã hội thời xưa, cho nên có rất nhiều tư liệu, ngày nay chỉ có thể làm tư liệu tham khảo.

"Thái Âm tại mệnh thân cung, miếu vượng chủ nhất sanh chi khoái lạc" (Thái Âm tại mệnh thân cung, miếu vượng chủ cả đời sung sướng), luận đoán câu này ngày nay không còn thích hợp, đại khái xã hội thời xưa ít cạnh tranh, và vì lý do Thái Âm chủ phú cho nên cổ nhân mới cho rằng đã phú tất *"nhất sanh khoái lạc"*, xã hội hiện đại sự việc ấy không phải hoàn toàn như vậy.

Ví dụ như Thái Âm tại cung tuất thủ mệnh, cực kỳ sáng tỏ, nhưng "Cung Phúc đức" có Cự Môn tại tỵ cung tọa thủ, "Cung Phúc đức" chủ việc hưởng thụ về mặt tinh thần, Cự Môn tọa tỵ tất hội Thiên Cơ, một sao ngộ sát tinh liền dễ dàng gây ra các cạnh tranh, khiến thân tâm bị bất an, vậy "cả đời sung sướng" sao được? Bởi vậy bối cảnh xã hội khác nhau gây ra các sai biệt.

Lại như cổ quyết nói rằng: *"Thái Âm cư tỵ, hào thủy trừng quế ngạc, đắc thanh yếu chi chức, trung gián chi tài"* (Thái Âm cư tỵ, tượng như nước lắng trong ở đài hoa quế thơm, làm quan thanh liêm giữ chức trọng yếu, có tài trung liệt can gián vua). Phạm Thái Âm cư tỵ, tất cùng Thiên Đồng đồng cung, cổ nhân lấy Thiên Đồng là "Phúc tinh" nên khó trách đánh giá khá cao, chính tính chất phúc quan trọng của Thiên Đồng tựa như "đả giang sơn đả xuất lai" (tranh đấu cho đến khi lập được giang sơn), bởi vậy "Cung Phúc đức" rất trọng yếu là vậy.

Thái Âm cư tỵ ở cung Mệnh thì "Cung Phúc đức" nhất định là Thái Dương Cự Môn đồng thủ dân cung, nêu như kiến sát chủ tinh thần cả đời khôn nhiều không yên, đồng thời vào cạnh tranh thường dễ dàng áp dụng thủ đoạn bất chánh, điểm này nhất định dễ ảnh hưởng Thiên Đồng đến sự kiên nhẫn, vững vàng không lay chuyển của việc "tranh đấu giành thiên hạ", bởi thế cũng cần thiết đánh giá lại lần nữa đối với phán đoán *"Thanh yếu chi chức, trung gián chi tài"*.

Xã hội thời xưa người và sự việc đơn giản, cho dù Thái Dương Cự Môn thủ cung Phúc đức kiến sát tinh, cũng chỉ chủ bản thân động não ở phương diện **"Ngôn lộ"** (*) mà thôi, cho nên mới có khả năng trở thành "Trung gián chi tài", xã hội ngày nay áp lực cạnh tranh lớn, dễ bức bách người Thái Dương Cự Môn kiến sát thủ cung Phúc đức thành người **"Xuất thuật"** (**), làm sao thành "Trung gián" được chứ!

Cho nên Vương Đình Chi đề nghị độc giả xem lá số có "Thái Âm thủ mệnh", tốt nhất là nên chiêm xem thêm cung Phúc đức rồi hãy đánh giá.

Chú thích:

(*) **"Ngôn lộ"** : (theo) phương diện/đường ăn nói.

(**) **"Xuất thuật"**: cái gì tự không mà ra có thì gọi là **"xuất"** và phương pháp, quy tắc, cách thức được học được rèn luyện gọi chung là **"thuật"**; nên **"xuất thuật"** hiểu nôm na là kẻ "ăn không nói có, biến có ra không" - không đáng tin.

94. Thuyết "Tham Vũ đồng hành cách"

"Tham Vũ đồng hành cách" - tức Tham Lang Vũ Khúc nhị tinh tại tinh bàn đích cung Sửu hoặc Mùi, mà cung Mệnh đóng ở đây.

- Cổ nhân cho rằng cách cục này: "Văn tác giam ti thân hiền đạt, vũ thần dũng mãnh trấn biên cương" (Làm quan văn, thì hiền đạt, làm quan võ thì dũng mãnh trấn biên cương). Vũ Khúc là tài tinh, vừa là vũ chức, gặp Tham Lang đồng cung chủ phú, có thể gia tăng thanh thế của Vũ Khúc, vì lẽ đó định là mỹ cách (cách tốt).

- Nhưng người có cách "Tham Vũ đồng hành", tại xã hội hiện đại đa số lại không làm quan. Vương Đình Chi đã từng gặp qua một vị bằng hữu là thầy thuốc ngoại khoa, ông ta có mệnh cách thuộc loại này. Thầy thuốc ngoại khoa sát khí lớn, hằng ngày khi làm việc chủ yếu sử dụng dao mổ xẻ, tự nhiên tính chất cơ bản này theo như lời cổ nhân lại giống nhau. Mặt khác, Vương Đình Chi cũng gặp qua không ít trường hợp có cách cục này lại là giáo sư khoa học tự nhiên, thí nghiệm khoa học chủ yếu sử dụng (khuấy, ke'o, đẩy,...) thiết bị để làm thí nghiệm, cho nên vì lẽ đó Vương Đình Chi cũng cho rằng có sự tương hợp tính chất đối với cách cục này. - Bởi vậy dẫn lại ca quyết (bài về) của cổ nhân đích không nên câu nệ câu chữ, chỉ nên lĩnh hội tinh thần khả dĩ trong đó mà thôi.

- Cách cục này, cung Mệnh tốt nhất là nên gặp Lộc. Tuổi Mậu, Tham Lang hóa Lộc, tuổi Tân gặp Lộc Tồn ở cung Dậu hội hợp, Vũ Khúc Tham Lang đồng cung ở Sửu tốt hơn ở Mùi, bởi vì Sửu cung đối với Vũ Khúc có lợi.

- Hỏa Linh cũng tốt nhưng không thể có Kinh Dương đồng thủ, vì như vậy, gặp cùng hai lực lượng sát tinh ko khác gì tự mình triệt tiêu chính lực lượng của mình (vì Kinh Dương, Hỏa Linh phá hoại lẫn nhau)

46. Thiên Cơ thủ mệnh là mẫu người linh động

Tại cổ bản "tý vi Đẩu số" sao Thiên Cơ được liệt vào "Nam đẩu đệ nhất tinh", môn phái gọi là "Nam đẩu đệ tam tinh". Bản chất thuộc âm, hóa khí là thiện tinh.

Tính chất cơ bản Thiên Cơ chủ về động, tính động của Cơ, Vương Đình Chi đã nói qua, cũng không có ý nói biến động trong cuộc sống, mà là chỉ linh động từ phương diện quan hệ giao thiệp đến tinh thần, hoặc chủ linh động trong làm việc đầu óc.

Cổ nhân đối với Thiên Cơ đánh giá không cao. Chỉ khi cùng Thiên Lương hội hợp, hơn nữa gặp được Tả Phụ, Hữu Bật, Văn Xương, Văn Khúc thì mới thừa nhận là "Văn vi thanh hiền, vũ vi trung lương" cách. Vương Đình Chi cho rằng đánh giá này, chính yếu là sao Thiên Lương hội hợp đến, bởi vì sao Thiên Lương được cho là sao thanh hiền mà trung lương.

Ngoại trừ cách cục này ra, Thiên Cơ chủ "thoái tổ tự hưng" (tổ nghiệp bị suy thoái mà tự mình làm hưng thịnh), chủ tha hương phiêu bạt; ở nữ mệnh tất "Tuy phú quý diệc bất miễn dâm dật" (Tuy phú quý cũng khó tránh dâm dật), gặp sát tinh tất "Dâm tiện thiên phòng xướng tì chi mệnh, phủ tắc hình phu khắc tỳ" (là mệnh làm vợ nhỏ hay nữ dâm dật, xướng tỳ, nếu không cũng hình phu khắc tỳ). Chỉ nói vậy mà không chỉ ra căn cứ.

Ngày nay đánh giá sao Thiên Cơ tuyệt không quá xấu như lời cổ nhân, nguyên nhân tại vì hoàn cảnh xã hội cổ kim khác nhau rất nhiều. Thời cổ trọng đôn hậu, không trọng biến; trọng an phận thủ thành, không trọng cải cách, bởi vậy nói tính chất Thiên Cơ ứng biến, linh hoạt, sở trường cải cách, khá dùng đầu óc vào giải quyết sự việc không tăng bốc quá đâu.

Tại Đẩu số, có cách cục "Cơ Nguyệt đồng lương", tức là Thiên Cơ thủ mệnh ở hai cung dần thân, hội hợp ba sao Thái Âm, Thiên Đồng, Thiên Lương. Cổ quyết thuyết: "Cơ Nguyệt đồng lương tác lại nhân", nói cách khác, mệnh cục này là người đao bút (chuyên viết đơn), soạn kế sách công, cho nên thích hợp vào vai trò đao bút lại (người phụ trách việc văn thư). "Lại" không bằng "Quan", bởi vì lại chỉ là kẻ dưới tay quan để sai khiến, vì như vậy nhìn tổng thể cổ nhân đánh giá Thiên Cơ không bằng quan đứng đầu là người được xã hội thừa nhận quang minh chính đại.

Xã hội ngày nay, Thiên Cơ có ý nghĩa ở chỗ càng linh động càng dễ hòa nhập vào xã hội, đồng thời khi là người làm việc cho chánh phủ, mặc dù là thân phận lại nhân (công chức), địa vị xã hội cũng không được cao, vì thế ta nên đánh giá cao người có Thiên Cơ thủ mệnh. Cũng như càng phải chú ý đến họ bởi vì lý do đầu óc họ luôn năng động, có khả năng thích ứng nhanh với thời đại công nghệ, không thể đánh giá thấp được.

47. Sáu tình huống Thiên Cơ độc thủ mệnh cung

Phàm Thiên Cơ độc tọa cung Mệnh, nhất định phải nghiên cứu cẩn thận cung nó đóng. Tổng cộng có sáu cung vị là "Thiên Cơ độc tọa", tức tỵ ngộ; sửu mùi; tị hội, có thể đại khái chia làm ba tổ hợp:

- Tại tỵ, ngộ cung, Thiên Cơ nhập miếu, tức giống như có người cung phụng, tinh diệu rất trong sáng, cõi mở, tình huống này, người Thiên Cơ tọa mệnh có năng lực phân tích và khả năng linh động rất mạnh. Vương Đình Chi đoán mệnh cho một số công trình sư, y sư, luật sư thì đều thấy họ có cách cục này, có thể thấy được mệnh cục có cách cục này không tầm thường.

Nhưng mà cần phân biệt cẩn thận, xem xét các tinh diệu khác, coi khuynh hướng tính chất Thiên Cơ mạnh vào một phương diện nào, giống như xét mệnh Thiên Cơ lực linh động mạnh để có thể là luật sư mà không phải là công trình sư vậy; hay như nếu gặp tinh diệu hội hợp quá xấu, người này lại chỉ có thể là một nhân viên chào hàng nhanh nhậy. Bởi vậy, gặp mệnh cục tương tự phải nhìn ra khuynh hướng chức nghiệp của một người.

- Tại sửu, mùi, Thiên Cơ lạc hãm, tinh diệu quá tối vì thế mà lực linh động giảm bớt rất nhiều; để có thể phát huy năng lực phân tích, tốt nhất là nên gặp Xương Khúc - hai sao chủ thông minh, tất lực phân tích tăng mạnh, có thể tại sự nghiệp có cơ hội thể hiện. Nếu gặp phải một số sao xấu như Hóa Kị thì lực phân tích tất suy yếu đi; lực linh động đã bị khiếm khuyết, lực phân tích lại mơ hồ, thì không thể xác định là thượng cách (cách tốt).

- Tại tị, hội thì trung bình, lực linh động và phân tích không bằng người Thiên Cơ nhập miếu, nhưng so với người Thiên Cơ lạc hãm (sửu mùi) vẫn còn tốt, đáng tiếc đối cung thấy sao Thái Âm thu hút tác động Thiên Cơ, khiến người có mệnh cục này, lực linh động hóa thành tiêu hao như theo đuổi một phương diện dị tính (khác thường, khác giới tính,...), còn lực phân tích cũng dùng như để phân tích tâm lý người khác giới, như đón trước tâm lý người khác để quan tâm, chăm sóc bằng vẻ ôn nhu, bằng không còn lại chỉ là tốt về những mưu toan, tính toán nhỏ vật. Cổ thư ghi rằng: "Thiên Cơ tị hội cung Mệnh phùng, hảo âm ly tông gian giáo trọng" (Mệnh có Thiên Cơ tị hội tuy lập nghiệp xa quê no ấm nhưng vẫn nặng về gian xảo).

Cùng cách cục tinh diệu, có thể không giống và biến hóa đa đoan, nhưng khi phân tích phải đứng trên bản chất đã có của nó, điều này độc giả cần lưu ý nhiều hơn.

49. Cơ Lương thủ mệnh có ba loại biến cục

Thiên Cơ tọa mệnh có một biến cục riêng là Thiên Cơ Thiên Lương đồng cung. Tại cổ thư đối với mệnh cách này có 3 câu bình luận:

- "Cơ Lương đồng cung Thìn Tuất, cao nghệ tùy thân"

- "Cơ lương Thìn Tuất gia cát diệu, phú quý từ tường" (Cơ Lương Thìn Tuất hội hợp thêm cát tinh, người hiền lành hưởng phú quý)

- "Cơ Lương thủ mệnh gia Hình Kỵ, thiên nghi tăng đạo" (Cơ Lương thủ mệnh thêm Thiên Hình Hóa Kỵ, nên theo đường tu hành hay đạo sỹ)

Ba đoạn bình luận này có thể thấy được cách Cơ Lương thủ mệnh, có biến hóa rất lớn.

Phân tích nguồn gốc đưa đến 3 câu phú này kỳ thật là xem xét chỉ từ hai tinh diệu này, so sánh xem sao nào (tác động) mạnh, ví như nếu Thiên Cơ cường, vậy đó là mệnh "cao nghệ tùy thân"; trái lại, nếu lực Thiên Lương cường, phùng cát diệu, tất "phú quý từ tường"; phùng Hình Kỵ tác động đến Thiên Cơ một cách mạnh mẽ, phát huy triệt để tính chất Thiên Cơ, cho nên dễ vào chốn không môn (cửa Phật).

Tọa Thìn Tuất hai cung, vốn là Thiên la địa võng, lực linh động của Thiên Cơ bị ảnh hưởng, bởi vậy chỉ có thể phát huy lực phân tích của Cơ mà thôi. Lại có người hiểu biết tra vấn, rất nhiều công trình sư cùng với giảng viên đều là loại mệnh cục này (đương nhiên không phải loại thường lên giọng chỉ biết phun nước miếng) có thể thấy được loại mệnh cục này tuyệt đối không tầm thường. Cổ nhân gọi là "cao nghệ tùy thân", thời hiện đại khả dĩ chỉ về "chuyên môn học vấn".

Nhưng tính chất Thiên Lương lại có khả năng ảnh hưởng đến Thiên Cơ thành tâm địa hiền lành, trầm mặc ít nói, phẩm tính thanh cao, (từ một người linh động thành người bị động) nên khiến mệnh cục khá kém, rơi vào trường hợp thợ thủ công, bản thân cũng nghiên cứu kỹ thuật rất tốt, thường đạt được nhiều sự tâm đắc. Hoàn một nỗi, loại người này có 1 đặc điểm là không chịu đem những điều tâm đắc truyền cho người khác, ngay cả đồ đệ cũng không chịu truyền thụ, vì lẽ đó dù tâm địa thiện lương, nhưng lại thường dễ dàng chiêu oán.

Nếu như gặp Thiên Hình Hóa Kỵ, Thiên Cơ hoàn toàn bị thụ chế, lúc này lực lượng Thiên Lương phát huy cực độ, bản thân sẽ thiên về "hoang tưởng", thích suy tư vấn đề triết học, vì lẽ đó cổ nhân cho là "thiên nghi tăng đạo", kỳ thật thời hiện đại, điều này cũng không hiện thực lắm vì không phải mệnh cục một vị triết gia nào cũng nhất định xuất gia.

Cơ Lương phối hợp, tinh diệu đã nhược, nhất định không nên gặp sát tinh, nếu không xử sự dễ lâm cảnh rối tinh rối mù, hơn nữa tâm linh lại hư không, không có gì để gởi gắm niềm tin.

27. Liêm Trinh chủ bệnh về máu

"Thiên Trượng tinh cùng hạn, chủ cảm gió hen suyễn. Nếu tại cung Tật ách chủ lo

lắng về bệnh tật, phạm bị sao này thủ chiếu chỉ có hại không có lợi, sanh tai vạ, có tật nùng huyết ()"*

Theo thiên kiến Vương Đình Chi, Liêm Trinh ở "Tử vi Đẩu số" vốn có đủ các tính chất của Thiên Trượng, phạm bị lao suyễn nhất định là Liêm Trinh cùng với tinh diệu tương tác hội hợp. Vương Đình Chi đoán mệnh cho một vị đại cô nương sinh năm 1982, nhập hạn năm ngọ, năm ấy trùng cung Tật ách có Liêm Trinh, nhận thấy tụ hội hệ thống sao gây bệnh phổi, hồi tới, quả nhiên đã mắc bệnh phổi. Thời đại bây giờ, người mắc bệnh phổi khá ít, cho nên có những người sẽ không bị bệnh phổi, gặp hạn này lại bị ho khan, cũng như khí quản nhiễm trùng (viêm phế quản).

"Liêm Trinh ngọ Dương Đà, nùng huyết bất miễn", đây là lý thuyết ghi nhớ. Ở thuyết pháp "Trung châu phái", khi có Liêm Trinh hội hợp cùng các tinh diệu khác mà dễ gây bệnh tật, thì bệnh tính cũng thuộc về nùng huyết tai ương.

Vương Đình Chi ghi nhớ trong số thủ hạ có một học trò, Vương Đình Chi xem mệnh phê rằng "hữu huyết tật", đánh chết hẳn cũng không tin, Vương Đình Chi chỉ hấn đi lấy máu xét nghiệm, nhưng lại hoài nghi làm luôn năm thí nghiệm, sau cùng đều xác định như vậy hết, học trò kia bị dọa mất không còn chút máu, tìm Vương Đình Chi để xem, Vương Đình Chi đoán kỳ vô sự, rốt cục chứng minh chỉ là *"tiên thiên tính bản huyết"* (thiếu máu bẩm sinh). Chuyện này, tại nơi Vương Đình Chi làm việc, thủ hạ đều biết, họ đều kinh hãi cho là thần toán, thật ra cũng chỉ căn cứ "mười tám phi tinh" mà thôi: "Tại cung Tật ách giả dị tộc ly dĩ chủ nùng huyết tai ương". Một chút thần bí cũng không có vậy !

Phuc Loc chú thích:

() máu độc, máu có mủ, gặp vết thương nhẹ cũng bung mủ...*

64. Liêm Trinh khó phân định nhất

Ở "Tử vi Đẩu số", sao Liêm Trinh rất khó phán đoán, đại khái cổ nhân cũng cảm thấy như vậy nên thường trọng Liêm Trinh đồng cung hoặc hội hợp với các tinh diệu khác, mà định thuyết pháp: *"xúc chi bất khả giải kỳ họa, phùng chi bất khả trắc kỳ tường"* (đụng phải nó không thể giải được họa, gặp được nó không lường hết được phúc), nói cách khác, sao này thủ mệnh cát hung họa phúc vô định, việc luận đoán cần lấy trọn các tinh diệu phối hợp tam phương mới chuẩn.

Trong Cổ ca cũng có rất nhiều thuyết pháp cát hung vô định, như *"Liêm Trinh chủ hạ tiện chi cô hàn"*, *"Liêm Trinh sát bất gia, thanh danh viễn bá"* (Liêm Trinh không gia sát tinh, tiếng lành đồn xa), *"Liêm Trinh Thất Sát, lưu đãng thiên nhai"* (Liêm Trinh

Thất Sát phiêu lãng chân trời xa xăm), "*Liêm Trinh Thất Sát, phân vi tích phú chi nhân*" (Liêm Trinh Thất Sát lại là người tích cóp làm giàu), "*Thất Sát Liêm Trinh đồng vi, lộ thượng mai thi*" (Thất Sát Liêm Trinh đồng cung là cách chết đường). Trong đó riêng cách cục Liêm Sát đồng cung, thuyết pháp mâu thuẫn hơn cả.

Nếu theo cách nhìn của Trung châu phái Liêm Trinh có nhiều biến cách nhất, sao này mặc dù có thuyết pháp "thứ đào hoa" nhưng vị tất con người Liêm Trinh thủ mệnh cứ là đào hoa, hoặc cứ có tính cách dâm dăng, song, có một chút tính chất cơ bản có thể dám khẳng định đó chính là bản thân thường có điểm khinh bạc, không nghiêm túc, nhưng nội tâm lại khá chủ quan, không dễ dàng hòa hợp cùng người khác khi chung sống.

Tham Lang là "chánh đào hoa", Liêm Trinh là "thứ đào hoa", cùng là đào hoa cả nhưng Tham Lang thủ mệnh lại là lướt khéo đưa đẩy, còn Liêm Trinh thì khác lại hơi nghiêng về nói năng tùy tiện, bạ đâu nói đấy, bằng hữu nghiên cứu Đẩu số, điều này phải nên phân biệt. Nhưng Liêm Trinh tuy không cần ngôn, nhưng có khiếu hài hước, hóm hỉnh, trong khi giao tế thấy có người hứng thú đóng vai một chú hề nhỏ để gây cười, tức người đó rất có thể là Liêm Trinh thủ mệnh. Nhưng vì Liêm Trinh cũng có tính chất "ngạnh cảnh" (cứng đầu cứng cổ) cho nên bạn chớ thấy người này vui vẻ, hài hước mà cho rằng trong công việc bàn chuyện với anh ta dễ dàng tốt đẹp, trên thực tế, người này rất có khả năng giải quyết công việc chung, mọi việc nề nếp ngăn nắp, đầu ra đầy (làm ra làm, chơi ra chơi).

Vì lẽ đó người có mệnh cục này, mừng nhất là "*Liêm Trinh Thất Sát đồng cung, kiến Lộc bất gia sát*" (Liêm Trinh Thất Sát đồng cung, gặp được Lộc mà ko gặp sát tinh xung phá), ở xã hội hiện đại, người có mệnh cục này có thể đảm nhiệm công việc công trình sư, nhân viên kỹ thuật hoặc nhân viên công vụ, họ làm việc nề nếp ngăn nắp đầu ra đầy,...rất phù hợp tính chất cơ bản của Liêm Trinh, thậm chí đi vào kinh doanh, kiến trúc cũng rất hợp, bởi vì Liêm Trinh cũng có điểm thành tựu về mặt nghệ thuật.

65. Liêm Trinh gặp Lộc, cát hay hung ?

Liêm Trinh phân bố tại mười hai cung hết sức phức tạp, đại để cùng Sát, Phá, Lang đồng cung hoặc hội hợp, tình hình rất dễ sinh biến hóa.

- Tại Tý Ngọ cung, Liêm Trinh tất cùng Thiên Tướng, đối cung vi Phá Quân, cung Tài bạch là Tử Vi, Thiên Phủ, lại hội Vũ Khúc tài tinh. Kết cấu này, thoạt nhìn tưởng như tốt lắm, bởi vì hội hợp ba cát diệu Tử Vi, Thiên Phủ, Thiên Tướng, đối cung là Phá Quân lại có thể tăng mạnh sáng tạo lực. Nhưng trọng điểm lại ở Liêm Trinh có kiến lộc hay không, người tuổi Giáp, Liêm Trinh hóa Lộc; người sanh năm Đinh, Kỷ Lộc Tồn tại Ngọ cung; Quý niên Lộc tồn tại Tý, cách cục này cực kỳ có ích. Nhược không thấy Lộc, ngược lại gặp Hóa Kị, tắc trở thành hạ cách, cho nên kết cấu tinh hệ này bất lợi cho người tuổi Bính vì nguyên cớ Liêm Trinh Hóa Kị. Đồng thời, người có kết cấu tinh hệ này đa số bất lợi cha mẹ, hoặc tự lập, hoặc ly gia đình vào đời sớm, tốt lắm thì cũng chủ không được hưởng phúc ấm cha mẹ. Vương Đình Chi toán mệnh một người,

cung Phụ mẫu kết cấu rất tốt, hỏi ra từ nhỏ học cấp tiểu học bốn năm ở ký túc, lại đáo ngoại quốc học trung học và đại học, ở trên khả dĩ tính toán được năm sớm rời nhà tốt nhất.

- Tại Thìn Tuất hai cung, Liêm Trinh cùng Thiên Phủ đồng cung, đối cung Thất Sát, hội Tử Vi, Vũ Khúc, Thiên Tướng. Theo như tinh diệu mà nói, Tý Ngọ cung đại khái giống nhau, nhưng thử thay đổi Phá Quân là Thất Sát, tính chất tất bất đồng rất lớn. Người có kết cấu tinh hệ này, không thích Liêm Trinh Hóa Lộc, chủ chậm phát, hơn nữa sớm gặp vận khó khăn trắc trở, nhưng cách cục này mừng gặp Vũ Khúc đới Lộc: Canh niên sanh nhân, Vũ Khúc đới Lộc (tồn) ở Thân cung, Giáp niên sanh nhân, Vũ Khúc đới Lộc (tồn) ở Dần cung là cách tài tinh đới Lộc, khiến kết cấu tinh hệ này tăng thêm lực lượng phát tài. Nếu Liêm Trinh hóa Lộc, đối với nữ mệnh rất là không nên, nếu không chậm hôn nhân, phần nhiều dễ sanh ly, nguyên nhân tại vì Thiên Phủ quá ôn hậu, Liêm Trinh Hóa Lộc tăng thêm hàm ý đào hoa, dễ dàng bị người quyền rũ mê hoặc.

Đây là quan hệ giữa Liêm Trinh với Thiên Phủ, Thiên Tướng đồng cung, về phần quan hệ khi đi cùng "Sát Phá Tham" sẽ đề cập và nói rõ ở phần sau.

66. Liêm Trinh và "Sát Phá Tham"

Quan hệ giữa Liêm Trinh và "Sát Phá Tham" có thể chia làm hai, một là đồng cung, một xung chiếu:

- Đồng cung, Liêm Trinh tại sửu mùi tất cùng Thất Sát đồng cung; tại mao dậu tất có Phá Quân đồng cung; tại tị hợi tất Tham Lang đồng cung.

- Xung chiếu, Liêm Trinh tại dần thân tất cùng Tham Lang xung chiếu nhau.

Liêm Trinh vốn tự xung là "thứ đào hoa", phạm đào hoa tất tính chất có điểm mất cảm mà "Sát Phá Tham" lại chủ chuyển biến, cho nên một sao mất cảm hội một sao có tính chất biến hóa dễ dàng xuất hiện các biến cục, rất cần xét xu thế đại vận luân chuyển ra sao, cũng như tam phương tứ chính hội tinh diệu gì về cung Mệnh, sau đó mới có thể quyết định việc phát sinh biến hóa tốt hay xấu. Từ tính chất cơ bản mà nói, tại dần thân hai cung, Liêm Trinh độc tọa hội Tham Lang độc tọa là "thứ đào hoa" hội "chánh đào hoa", điều này ứng vào mệnh lãng lơ hoa liễu (thủy tính dương hoa chi mệnh), nhưng theo kinh nghiệm Vương Đình Chi, mệnh cục này hết sức say mê, hứng thú trong phương diện nghệ thuật, nhất là trong việc phối hợp tuyển chọn nhan sắc, họ thường có nhãn quang dị thường, độc đáo. Tại xã hội ngày nay, vị tất hạ thấp hay xem thường địa vị mệnh cục loại này, ngoài ra, theo thuyết pháp "Trung châu phái" nếu mệnh cục này kiến Lộc, ngược lại trở thành "thanh bạch chi cách" (cách cục trong sạch), không thể coi là đào hoa cách.

Tại tị hội, hai đào hoa tinh Liêm Trinh Tham Lang đồng cung, ngược lại biến thành thần kinh quá mẫn cảm, nếu không có đào hoa tinh khác hội chiếu, cũng không thể lẳng lơ hoa nguyệt một cách tùy tiện. Có một số người dụng "Đầu số" đoán mệnh loại này, hơi một chút là nhận định người khác dâm dăng, tính dục cường,... vậy rất thô thiển, hơn nữa tư tưởng như vậy chỉ là những ý nghĩ tầm thường, nhỏ bé. Kỳ thật, loại người này đại đa số chỉ là vất vả bôn ba mà thôi.

Liêm Trinh Thất Sát đồng cung, tính chất biến hóa rất lớn, cùng cư cung Mệnh, nhưng có thể có cách cục cao thấp, chênh lệch rất lớn. "Mân phái" cho rằng sử dụng tốt hơn mùi cung, "Trung châu phái" lại trái ngược, cho rằng phải có sự phối hợp thêm sao khác thì người Liêm Sát cư mùi cung mới thành tựu hơn sử dụng.

Về phần Liêm Trinh Phá Quân đồng cung, tính chất đào hoa bị giảm rất nhiều, trái lại còn chủ một đời "đa ba chiết" (nhiều trắc trở, thăng trầm), việc lập nghiệp luôn xấn tay vào hành động mà không chịu ngồi yên. Có một phái cho rằng người có mệnh cục này dễ bị chó cắn, kỳ thật cũng không nên một mực cho là như vậy.

71. So sánh Tham Lang - Liêm Trinh

Cái tên Tham Lang (*) nghe lên rất e ngại, kỳ thật cũng không phải nghĩa sao Tham Lang là như thế, nguồn gốc (mục đích) chính của mệnh danh này là do cùng "Liêm Trinh" xung đối (**), một Liêm một Tham, trở thành một đôi "Đôi tinh" trọng yếu trong Đầu số.

Tham Lang tại Đầu số xung là "Chánh Đào Hoa", Liêm Trinh xung là "Thứ Đào Hoa", nhưng hai sao cùng tính chất (lý tính) nhưng lại có rất nhiều điểm không giống, đại khái Liêm Trinh dường như thiên hướng vào âm nhu, Tham Lang lại thiên vào dương cương, bởi vậy cái Đào Hoa ở Tham Lang nổi rõ như kẻ gặp vận hội lớn phô trương ngựa hay, rượu ngon; mà Đào Hoa ở Liêm Trinh lại chỉ là len lén cái khuôn mẫu mang thanh sắc khuyến mãi.

Vì lẽ đó Tham Lang thủ mệnh ngộ tai ách cũng ngộ một cách đường đường chánh chánh, như "Tham Lang tị hội cư hãm địa, bất vi đồ nhân diệc tạo hình"; "Tham cư hội vu ngộ Dương Đà, danh vi phiếm thủy Đào Hoa" (chú: nam nữ tham hoa mê tửu đến táng thân); "Tham Vũ Phá Quân ngộ cát diệu, mê luyến hoa tửu dĩ vong thân". không giống Liêm Trinh đóng cung hãm phùng ác diệu, gặp phải tai hại dị thường như "Liêm Trinh Vũ Khúc hội vu thụ chế chi hương, khủng mộc áp xà thương"; "Liêm Trinh Hỏa Tinh đồng Không hãm, đầu hà bạch ải" (Liêm, Hỏa, Địa Không hãm đồng cung, thất cổ hoặc đâm đầu xuống sông tự tử); "Liêm Trinh Phá Quân hội Kinh Dương vu Thiên di, tử vu ngoại đạo". - nhưng xin đọc giả chú ý, suy đoán này cần có rất nhiều điều kiện tiên quyết khác, hy vọng không gặp chuyện độc giả tự mình khởi lá số nhìn thấy cách cục vừa kể trên lại tự mình làm mình sợ hãi đến nỗi không ăn được cơm.

Tính chất Tham Lang ở cung vị miếu vượng lợi hãm khi đi cùng các tinh diệu khác rất không giống nhau, đối với độc giả nghiên cứu "Tử vi Đầu số" điều này cần chú ý thêm.

Bình thường mà nói Tham Lang hỉ nhập miếu (cư thìn, tuất, sửu, mùi bốn cung), gọi là "Tham Lang nhập miếu năng tập chánh" nhưng mà vẫn phong lưu; "Tham Lang nhập miếu thọ nguyên trường", nhưng đặc biệt không thích tọa vượng cung (tý, ngọ, mao, dậu bốn cung). Phú rằng: "Tham Lang vượng cung, chung thân thử thiêt", "Tham Lang cư vu ngọ mao dậu thủ mệnh, chung thân bất năng hữu vi". Song các thuyết pháp này lại cũng có rất nhiều điều kiện tiên quyết không thể một mực mà nói vậy được.

Tham Lang không thích lạc hãm, nhưng hỉ ngọ Không diệu; sẽ làm giảm bớt tửu sắc tài khí, nhưng ngọ Văn Xương Văn Khúc có thể trở thành kẻ vì phong lưu mà ô danh, đây là chính là chỗ khác biệt lớn nhất giữa Tham Lang và Liêm Trinh, mặc dù "Liêm Trinh ngọ Văn Xương hảo lẽ nhạc"; còn Liêm Trinh ngọ Không diệu, lại không thể giảm bớt tập tính thanh sắc khuyển mã.

Chú thích:

(*) *Tham Lang: Tham: ăn của đứt lót, tham lam,...; Lang: con chó sói.*

(**) *Tham Lang và Liêm Trinh đối xứng nhau qua trục Tị Hợi. Tại Dần Thân, Tham và Liêm thể hiện bản chất rõ ràng nhất: Tham Lang ăn chơi trác táng, mê đắm tửu sắc, "phong lưu thái trượng"; Liêm Trinh thì "thanh bạch năng tương thủ" (ý tác giả nhấn mạnh đối tinh là vậy).*

102. Cách "Liêm Trinh văn vũ" thiếu năng lực khai sáng

"Liêm Trinh văn vũ cách" - tức là Liêm Trinh nhập miếu thủ mệnh (cung Mệnh tại dần, thân) ngọ Văn Xương Văn Khúc củng chiếu (hình 9).

Ca rằng:

Mệnh trung văn vũ hỷ triều viên,

Nhập miếu bình sanh phúc khí toàn

Thuần túy năng văn cao chiết quế ()*

Chiến chinh vũ định trấn tam biên.

"Mệnh mừng gặp được Liêm Trinh miếu vượng và Xương/Khúc đồng cung triều củng, là mệnh phúc khí vượng; theo đuổi văn nghiệp thì thành danh đỗ cao như bẻ cành quế, theo võ nghiệp thì như võ quan trấn thủ các nơi biên cương trọng yếu"

Liêm Trinh đúng là một sao rất khó suy tính, có thể cực tốt cũng có thể cực xấu, biến hóa đa đoan, cho nên gặp phải người Liêm Trinh độc thủ cung Mệnh suy đoán thời phải hết sức cẩn thận.

Cổ nhân rất trọng văn sĩ, không trọng nhân sĩ ra ngoài hành nghiệp, thậm chí ngay cả võ tướng bảo vệ kinh đô cũng không được ở nhân nội (**), là bởi vì Liêm Trinh hàm chứa tính chất "vũ biên" không thực, cho nên cổ nhân luận mệnh Liêm Trinh thường đánh giá không cao; nhưng một khi Liêm Trinh gặp "văn tinh" cổ nhân lập tức có cái nhìn khác hẳn, cho rằng đúng là người "văn vũ kiêm tư chi tài" (***), cái nhìn này để

ý áp dụng ở xã hội hiện đại thật ra cũng có chút lệch lạc, bởi vì người kinh thương cũng như người mở xưởng làm ăn, tại xã hội hiện đại cũng không hẳn là địa vị quá cao.

Liên Trinh thủ mệnh tại dần hoặc thân thì cung Tài bạch tất là Tử Vi Thiên Tướng; Quan lộc tất vì Thiên Phủ Vũ Khúc, nhưng hội chiếu thêm Văn Xương Văn Khúc, có thể gọi là nhiều cát hội hợp, hơn nữa đầy đủ hết các loại sao văn võ, cơ bản phải công nhận là một sự phối hợp rất tốt đẹp.

Nhưng ông chủ xí nghiệp lại sẽ không nhất định phải có lá số như thế này, bởi vì Liên Trinh có chút nghi ngờ là hoa nhi bất thật (có vẻ hào nhoáng bên ngoài, không thực), khiếm khuyết năng lực khai sáng cục diện, làm cho đến nơi đến chốn, bởi vậy "Liên Trinh văn vũ cách" vốn vẹn chỉ có khả năng thuộc loại mệnh quản trị điều hành doanh nghiệp hoặc là hiệu trưởng một trường học, học viện.

Chú thích:

() Cây quế: có công dụng dùng để làm thuốc. Chiết quế là bẻ cành quế thơm. Từ mặt đất nhìn lên mặt trăng, cái bóng đen ở trong mặt trăng tục gọi là cóc, là thỏ, là cây quế. "Chiết quế" là uyển ngữ, ở đời khoa cử, ai đỗ khoa Hương gọi là thiềm cung chiết quế (bẻ quế thơm nơi cung trăng).*

*(**) Nhân nội: chỗ trọng yếu, thường là nơi vua ở. Lo sợ ko cho quan võ đóng trong nội cung vì lo sợ binh biến tiếm ngôi (vì lý do an ninh)*

*(***) Quan có tài kiêm cả việc văn và việc võ.*

80. Thiên Lương tọa mệnh phần nhiều chủ cô lập

Chánh diệu cùng Thiên Lương có quan hệ mật thiết nhất là Thái Dương, Thiên Đồng, Thiên Cơ; cụ thể như sau:

- Tại tý ngọ, Thiên Lương độc tọa có Thái Dương xung chiếu
- Tại sửu mùi, Thiên Lương độc tọa có Thiên Cơ xung chiếu
- Tại dần thân, Thiên Lương cùng Thiên Đồng đồng cung
- Tại mão dậu, Thiên Lương cùng Thái Dương đồng cung
- Tại thìn tuất, Thiên Lương cùng Thiên Cơ đồng cung
- Tại tị hợi Thiên Lương độc tọa có Thiên Đồng xung chiếu.

Khi Thiên Lương cùng Thái Dương cấu thành tinh hệ, đích thị là kết cấu tốt nhất, bởi vì Thiên Lương vốn có tính chất "cô khắc" có khả năng nhờ Thái Dương hóa giải, do vậy có thể thấy rằng Thái Dương nên vào nhập miếu hoặc vượng, tỷ như Thái Dương vào cung ngọ hay mão, ánh quang và tỏa nhiệt đều thịnh hơn dậu cung hoặc tý cung, vì lẽ đó Thiên Lương nên tọa tý được Thái Dương cư cung ngọ chiếu soi; từ Thiên Lương Thái Dương đồng cư mão thời tốt đẹp hơn cư dậu, cho đến phần Thiên Lương tọa ngọ có Thái Dương cư tý cùng chiếu, so sánh với cách cục Thiên Lương cư tý xem ra không bằng được.

Phàm Thiên Lương cùng Thái Dương cấu thành tinh hệ, dễ dàng hình thành cách cục "Đương Lương Xương Lộc", tức là gia hội Văn Xương và Lộc Tồn, cách này lợi nhất khi tham gia thi cử, nhất là đối với các kỳ thi quốc gia trọng yếu rất có lợi. Bởi vậy người vốn có đủ cách cục này, dễ dàng trở thành nhân tài chuyên nghiệp hoặc người nghiên cứu, học thuật. Hoặc ngay như không thấy Văn Xương cùng Lộc Tồn thì kết cấu Thái Dương Thiên Lương đích kỳ thật cũng lợi vào nghiên cứu học thuật; vì lý do đó, ngược lại đương số nếu theo con đường chính trị sẽ là sự mạo hiểm rất lớn, hoặc nếu theo nghiệp kinh thương buôn bán thuần túy, cũng có biến đổi bất ngờ.

Thiên Lương cùng Thiên Cơ, cổ nhân cho rằng người thiện nói chuyện binh. Điều này là do Thiên Cơ có tài ăn nói linh hoạt cơ biến, còn Thiên Lương thích tự mình thể hiện, soi xét sự việc duyên cớ, ở thời xưa văn nhân có khả năng bàn luận binh pháp thì được cho rằng đích thị văn vũ toàn tài, nhược ở hiện đại, kết cấu Cơ Lương tất không nhất định "thiện đàm binh pháp" mà có thể chỉ là ba hoa, khoác lác lý luận chuyện làm ăn, đầu cơ.

Thiên Lương đi cùng Thiên Đồng là một tổ hợp dễ biểu hiện hành vi sơ cuồng (*), vì Thiên Lương thích soi mói bắt bẻ, Thiên Đồng thì thích hưởng thụ, hai loại tính chất kết lại thường khiến người dễ nghĩ rằng xã hội luôn có rối ren, lộn xộn,... nói xin lỗi các cụ bô lão chứ chính người này tự mình ra vẻ "tọa nhi luận đạo" (**), như là quốc sĩ trong thiên hạ vô song vậy! song, nếu có thể hướng những ưu điểm đến những điều tích cực, tất ngược lại có thể đạt được tâm tư tinh tế, không chịu "hòa quang đồng trần" (sống ẩn dật, tiêu cực không đấu tranh), đại khái có Thiên Lương đồng cung phần nhiều chủ cô lập vậy.

Chúc thích:

(*) *sơ cuồng: sơ xài, hời hợt và có vẻ rồ, ngông, thiếu suy nghĩ chín chắn làm liều...*

(**) *ngồi nói suông, lý luận suông*

122. "Cơ Lương gia hội" cao nghệ tùy thân (*)

("Cơ Lương gia hội" là người có tay nghề cao)

"Cơ Lương gia hội cách" - tức Thiên Cơ Thiên Lương đồng thủ cung Mệnh.

Cổ ca:

*Cơ Lương nhập miếu tối kham ngôn
Đắc địa giáo quân phúc lộc toàn
Diệu toán thần cơ ứng cái thế
Uy uy lẫm lẫm chương binh quyền.*

(Cơ Lương nhập miếu khó nói hết đc điều tốt, vào đắc địa là thầy giáo dạy học cho vua phúc lộc vẹn toàn, có tài thần cơ diệu toán cái thế thiên hạ, khi chấp chương binh quyền uy danh lẫm liệt.)

Thiên Cơ Thiên Lương đồng cung, chỉ có hai trường hợp, một là ở cung Thìn, lúc này Thiên Cơ thừa lợi, Thiên Lương nhập miếu; một là ở tuất cung, cũng là Thiên Cơ thừa

lợi, Thiên Lương nhập miếu, nhưng tuất không bằng Thìn, bởi vì khi ở Thìn cung thì hội hợp Thái Âm Thiên Đồng ở Tý cung là miếu vượng, còn khi ở tuất cung hội hợp Thái Âm Thiên Đồng thất hãm ở cung Ngọ. Vì lẽ đó chiếu theo giải thích của Vương Đình Chi, bản thân cách cục Thiên Cơ Thiên Lương tọa Thìn cung không chỉ vào cách cục "Cơ Lương nhập miếu".

Cổ nhân đối với tinh hệ "Cơ Lương" này, khẩu quyết rất nhiều, như "Cơ Lương Tả Hữu Xương Khúc hội, văn vi quý hiền vũ trung lương", "Thiên Cơ Thiên Lương đồng cung Thìn Tuất, tất hữu cao nghệ tùy thân"; "Cơ Lương hội hợp thiện đàm binh"; "Cơ Lương đồng tại Thìn tuất thủ mệnh, gia cát diệu, phú quý từ tường, nhược ngộ Dương Đà / Không diệu, thiên nghi tăng đạo."

Nhưng thật ra tổ hợp Thiên Cơ Thiên Lương, chủ chỉ người tò mò, thích sự lạ, biện luận gian trá, thích biểu hiện, hơn nữa đa phần không phụ họa ý kiến người khác. Ở thời xưa, có thể tư liệu sống, tài liệu thực tế nói viết, soi sáng không nhiều lắm, nhất là thường thấy văn nhân đàm luận binh pháp, cho nên mới có thuyết pháp "Cơ Lương hội hợp thiện đàm binh".

Vương Đình Chi khi so sánh chú trọng thuyết pháp "tất hữu cao nghệ tùy thân", cái gọi là "cao nghệ", là nói có tay nghề kỹ thuật, thủ công mà thôi. Vào thời hiện đại, người có tổ hợp tinh hệ loại này tốt nhất là nên học tính toán máy móc hoặc làm nghề kế toán, thông kê.

(* *tùy thân* : cái gì mang theo bên người thì gọi là tùy thân, như tiền bạc tùy thân, hành lý tùy thân,...

81. Phân biệt tính chất cát hung của Thiên Lương

Bởi vì Thiên Lương tàng chứa nhiều tính chất biến hóa, bất kể tổ hợp "Thiên Lương Thái Dương", "Thiên Lương Thiên Cơ" hay "Thiên Lương Thiên Đồng" đều rất dễ có biến hóa hết sức cực đoan, cho nên Vương Đình Chi ý định nói rõ kỹ càng tỉ mỉ một chút tư liệu này.

- Thiên Lương không nên gặp tinh diệu có tính chất thiên về phù động, đây chính là đặc điểm đầu tiên của nó, nên thuyết pháp cổ có "*Thiên lương Thiên mã hãm, phiêu đãng vô nghi*" (Thiên Lương Thiên Mã hãm, phiêu đãng không nghi ngờ); "*Thiên Lương Nguyệt diệu, nữ dâm bản*"; "*Lương dậu Nguyệt tị, khước tác phiêu phùng chi khách*".

- Thiên Lương tối kỵ gặp Kinh Dương Đà La, là đặc điểm thứ hai, nên cổ nhân có thuyết pháp "*Thiên Lương hãm địa kiến Dương Đà, thương phong bại tục*". (Lương hãm gặp Dương Đà đồng cung làm tổn hại đến đạo đức, phong tục, tập quán truyền thống).

- Thiên Lương mừng được cư cung miếu vượng và đắc các sao phụ tá triều cung trợ giúp, cho nên Thiên Lương không thích 3 cung hãm là Tị Thân Hợi, vào Dậu cung cũng chê cho là bình thường, cái gọi là phụ tá chi diệu, đầu tiên phải kể đến là Thiên Khôi Thiên Việt, Tả Phụ Hữu Bật, Văn Xương Văn Khúc, Lộc Tồn Thiên Mã; thứ nữa là

một trong các bộ sao tạp diệu Tam Thai Bát Tọa; Long Trì Phượng Các; Ân Quang Thiên Quý; Thiên Quan Thiên Phúc. Đây là đặc điểm thứ ba, nên cổ nhân có các thuyết pháp "*Thiên Lương thủ chiếu, cát tương phùng, bình sanh phúc thọ*", "*Thiên Lương miếu vượng, Tả Hữu Xương Khúc gia hội, xuất tướng nhập tướng*".

Lưu niên tiêu hạn, sao lưu theo tuổi, gặp Thiên Lương cũng có ảnh hưởng tương đương. Thiên Lương hỉ gặp sao lưu Thanh Long, Tấu Thư, gặp là chủ có chuyện mừng về văn thư, giấy tờ, bằng sắc; song cái gọi là "Văn thư chi hỉ" thì Thanh Long, Tấu Thư cùng Văn Xương Văn Khúc cũng không giống nhau; "Văn thư" Văn Xương Văn Khúc có thể chỉ trái khoán, chi phiếu cùng cô phiếu; nhưng Thiên Lương kiến "Văn thư" Thanh Long Tấu Thư, chỉ có thể nói là công văn chính phủ hoặc một đại cơ cấu. Bình thường phân nhiều chỉ chức vị thăng tiến, hoặc thu hoạch, đạt được danh hàm. Tin rằng một nhân vật nổi tiếng về chuyện gì, năm đó đương số tất có Thiên Lương gặp được Thanh Long hoặc Tấu Thư vậy.

Bởi vì Thiên Lương cát thì giờ tay làm một mình, hung thì tính tình làm lý, cho nên bất kể cát hung cùng lợi vào sự học thuật nghiên cứu. Cổ nhân chỉ cho là "*Lương Đồng Cơ Nguyệt dân thân vị, nhất sanh lợi nghiệp thông minh*" (Lương Đồng Cơ Nguyệt dân thân vị, cả đời thông minh lợi nghiệp", (các vị trí) còn lại là tổn hại vì dâm cùng cơ trí, và phát huy tính chất cô khắc nếu gặp thêm Hình Ky, nhưng nếu ở hậu thiên có cách cục có khả năng tương phù, tháo gỡ thì tính cách biến thành linh động (khó hợp vào học thuật nghiên cứu), vậy bản thân cũng khó thể trở thành người tài giỏi trong giới học thuật.

79. Đặc tính "tiêu tai giải nạn" của Thiên Lương

Cổ thư thường dẫn giảng sai cho độc giả, chớ dựa chỉ vào một sao Thiên Lương để suy đoán. Bốn mặc cổ thư đều nói Thiên Lương là thọ tinh, hóa khí là **âm** (*), chuyên việc không chế hóa giải tai ách, ám vào thân mệnh, cái phúc truyền đến đời con đời cháu, thậm chí thuyết "*Nãi vạn toàn thanh danh, hiển vu vương thất*" (Ấy là thanh danh vẹn toàn, vinh hiển vào hàng họ hàng của vua); "*Nhược canh phùng Tả Hữu Xương Khúc gia hội, tặc xuất tướng nhập tướng*" (Nếu Thiên Lương hội hợp Tả Hữu Xương Khúc tất oai phong như vị quan tướng). Đích thực những điều đã nói về Thiên Lương quá ư tốt lành một cách dị thường.

Chỉ có Tuệ Tâm Trai Chủ (***) là người tiên phong có thể chỉ ra đích xác chân tướng, đặc chất của Thiên Lương. Bà ta nói rằng: "*Trong các sao, Thiên Lương là một sao có đầy đủ khả năng phùng hung hóa cát, gặp khó khăn nguy hiểm là xuất hiện điềm lành, do đó nhất định phải biểu hiện khả năng giải nạn cho đến khi tỏ rõ điềm lành (hết nạn), cho nên người có Thiên Lương tọa mệnh, bất kể cung vị nào, có hay không hội chiếu cát tinh đều không khỏi gặp phải khó khăn, khiến Thiên Lương thực thi hóa giải.*"

Người sau viết và xuất bản sách Đầu số, bởi vậy mà cũng hiểu được cái nhìn có thay đổi đối với Thiên Lương, tuy không xứng đáng khen ngợi nhưng được như vậy là rõ ràng mạch lạc rồi! (PhucLoc: đang nhận xét những người viết sách thời nay như Tuệ Tâm Trai Chủ). Người dùng Đầu số xưa, chỉ có thể căn cứ ca quyết cô: "*Thiên Lương, Nguyệt diệu nữ dâm tham*", để cử ra khuyết điểm duy nhất của kết cấu tinh hệ Thiên

Lương, nhưng rồi lại hiểu lầm ý tứ của "*Lương Đồng đối cư tị hợi, nam lãg dãng, nữ đả dâm*", cơ hồ tưởng rằng nữ nhân có loại kết cấu tinh hệ này hết thảy đều thành "dâm oa dãng phụ" (***) cả sao.

Kỳ thực, sao Thiên Lương không quá xấu cũng không quá tốt, chỉ là trước tiên làm cho người ta gặp phải khó khăn hoặc hung hiểm, sau đó lại hóa giải thành như không mà thôi. Cho nên, dù khai đao phẫu thuật ắt hẳn không chết; hoặc sự nghiệp sắp sửa sập tiệm lại có thể đột nhiên gặp được trợ lực; mang đến hết thảy tai nạn bệnh thống, rồi kết quả là cuộc sống đều chống chọi được mà đi tới, nguyên nhân chính là như thế, cho nên người có Thiên Lương tọa mệnh, từ tuổi trung niên trở đi, quay đầu nhìn lại chuyện cũ trong quá khứ, thường thường cảm thấy đời người như hư không, vì thế nên tư tưởng phần nhiều tinh thần u uất, có khuynh hướng tiêu cực.

Một tính chất khác của Thiên Lương là thần bí, người có Thiên Lương tọa mệnh, không có khuynh hướng tự giác tin tưởng sự vật thần bí. Nếu phát triển một phương diện tích cực, thì người Thiên Lương ham thích nghiên cứu và thảo luận về xã hội đương thời, thường cho rằng cái lý của nhận thức rất thâm thúy, nhưng giới hạn ở chỗ nặng lý luận mà ít thật tiễn; nhưng nếu định hướng phát triển không tốt, thì tính cách rơi vào soi mói, kiểm chuyện bắt bẻ con chữ, khiến người khác hiểu rằng khó mà tiếp cận, gần gũi.

Bởi vậy đối với người Thiên Lương tọa mệnh, làm danh sĩ tốt hơn, điều này mới là tính chất cơ bản của Thiên Lương.

Chú thích:

(*) **Ấm** : bóng cây che mát. Được nhờ ơn của người khác đều gọi là **ấm**.

(**) **Tuệ Tâm Trai Chủ** : sáng lập "*Tân Thuyền phái*", một trong những phái tử vi truyền thống (giống như Vương Đình Chi và Liễu Vô Cư Sĩ), một tác giả viết khá nhiều sách Tử Vi, cống hiến cho làng lý số rất nhiều. Một số tác phẩm như: "Như hà thoi toán mệnh vận"- Tử vi đầu số dữ Tử hóa tinh ; Tử vi đầu số xu cát tị hung pháp ; Tử vi đầu số khai phát tiềm năng...

(***) "**dâm oa dãng phụ**" : là gái đẹp (oa) thì dâm loạn, là phụ nữ có chồng thì phóng dãng bất chính.

120. "Thiên Lương chấn kỷ" không hợp trào lưu

"Thiên Lương chấn kỷ cách" - tức Văn Khúc ngộ Thiên Lương vượng địa thủ mệnh.

Cổ ca :

*"Văn khúc cảnh hành ngộ Thiên lương
Vị liệt Hoàng môn Ô phủ hành
Cương kỷ triều trung công nghiệp kiến
Bức nhân thanh khí mãn càn khôn."*

(Văn Khúc sáng sửa đi cùng Thiên Lương, đứng vào hàng Hoàng môn Ô phủ (*), ra vào phủ vua, việc triều đình hay cương kỷ giường mỗi đều hỏi ý kiến, khiến thanh khí trong lành của người dân lan tỏa đầy khắp đất trời.)

Thiên Lương tại sáu cung tý ngọ, thìn tuất, dần mão là nơi nhập miếu, tại hai cung Sửu Mùi thừa vượng; Văn Khúc vào ba cung tị Dậu Sửu là miếu, ba cung dần mão Mùi thừa vượng, cho nên cung vị mà hai sao đều miếu vượng liền chỉ có ba cung Sửu, Mão, Mùi.

Thiên Lương tại Sửu Mùi là độc tọa, đối cung là Thiên Cơ; Thiên Lương tại cung Mão, tất đồng cung với Thái Dương, so sánh hai kết cấu, dễ thấy kết cấu Thái Dương Thiên Lương đồng cung là ưu việt, lấy Thiên Lương so sánh cùng Thiên Cơ thì tính cách Thiên Lương hàm chứa tính cô khắc.

Cổ quyết nói: "*Văn Khúc Thiên Lương đồng cung, vị chí thai cương*" tức là căn cứ vào "**Thiên Lương chân kỷ cách**". Nhưng có người sáng chú rằng: "*Hai tinh đồng tại ngọ cung an mệnh thượng cách, dần cung thứ chi*" (hai sao cùng ở cung ngọ an mệnh là thượng cách, ở cung dần là thứ cách), không đúng, bởi vì Văn Khúc vào cung ngọ lạc hãm, tại cung dần thuộc loại nhân cung, mặc dù Thiên Lương miếu vượng ở 8 cung, cũng không cách nào chỉ vì Văn Khúc đồng cung mà tăng thêm phần đặc sắc.

Thiên Lương ở thời xưa là Giám sát Ngự sử (Thai cương (**)), gia ngọ Văn Khúc, chẳng những gia tăng tài văn chương mà còn tăng mạnh khả năng trình bày tấu sớ của Giám quan (quan chuyên giám sát vạch tội của các quan), vì lẽ đó bản thân cách cục xưng là "Thiên Lương chân kỷ"; "chân kỷ" chính là chân chính, làm hưng khởi lại cái kỷ cương vậy.

Cổ nhân trọng quý không trọng phú, nên cách này có thể thành lập. Nếu ở ngày nay, người có cách cục này thủ mệnh, dễ dàng bỏ qua người có lỗi lầm, vị tất thành mỹ cách được.

Chú thích:

(*) **Hoàng môn Ô phủ** : phủ vua. Tương truyền ở Hàm Dương đời nhà Đường, phủ của quan Ngự sử có trồng 1 hàng cây tùng bách, có một bầy quạ thường đậu trên đó, nên dân gọi phủ của vị quan này là Ô phủ (ô là con quạ). Từ đó về sau, nói đến Ô phủ là hiểu rằng nói đến dinh thự của vua quan.

(**) **Thai cương** : chữ "**Thai**" bắt nguồn từ thiên văn, sao Tam Thai, đc ví như ngôi vị Tam Công, nên trong thư tịch tỏ ra tôn trọng 1 ai đều gọi là "Thai", "**cương**" là lễ lới trọng yếu, thời phong kiến không một người nào đc phép đi ra ngoài vòng kiểm soát của "tam cương ngũ thường".

78. Bí mật "Phùng Phủ khán Tướng"

Tại Đẩu số, Thiên Tướng xem ra là một tinh diệu rất khó suy đoán, bình thường thuyết pháp cho rằng Thiên Tướng có cảm khái chánh nghĩa, thích làm người phục vụ, thích ôm sự việc chống lại sự bất bình. Tại mệnh bản không sợ ác sát xâm phạm, thậm chí

tại mười hai cung đều đánh giá tốt, phúc rõ ràng, nhưng trên thực tế suy đoán, không đơn giản như thế.

Nghiêm túc mà nói, có thể cho rằng Thiên Tướng là một tinh diệu thiếu một tính cách rõ ràng. Sự mềm dẻo, uyển chuyển của nó quá lớn, gặp được tinh diệu phân bố ở "Tam phương tứ chính" mà tốt, Thiên Tướng khuynh hướng dễ phát triển thành tốt ở một phương diện nào đó; nhưng nếu gặp tinh diệu phân bố bất hảo, tính chất tốt của Thiên Tướng cũng liền có khuynh hướng phôi pha, hỏng bét. Cổ nhân cho rằng "Phùng Phủ khán Tướng, phùng Tướng khán Phủ", vào nghiên cứu cát hung của Thiên Tướng ở tinh bàn thì tất kiêm xem xét nơi Thiên Phủ, cũng chính là bởi vì Phủ Tướng là hai sao vĩnh viễn gặp nhau ở tam phương, cho nên mới đưa ra phương thức quan sát toàn diện này.

Ví dụ, Thiên Tướng cư mùi cung thủ mệnh, hội hợp Thiên Phủ ở mao cung (cũng là cung Tài bạch), đối cung là Tử Vi Phá Quân. Ví như ở mao cung Thiên Phủ gặp phải Hỏa Linh Dương Đà (Tứ Sát), hoặc Hình Kỵ ác diệu, cho dù ác diệu này chủ yếu là từ cung Dậu bắn phá mao cung từ xa, vốn cùng Thiên Tướng ở cung mùi không quan hệ, nhưng bởi vì tính chất Thiên Phủ đã biến thành xấu (phùng Tứ sát) nên cũng sẽ ảnh hưởng xấu đến Thiên Tướng, trở thành một người chuộng sự tham lận, vô chủ kiến hơn nữa cũng thành người hành động không nhìn trước nhìn sau, tiến thoái vô căn cứ (tiến thoái thất cứ).

Giả như không để ý tới điểm lý giải này, vừa thấy Thiên Tướng bản thân không phùng ác sát, liền tùy tiện căn cứ một vài lời của cổ nhân mà cho rằng cách cục đại hảo, rất dễ phạm vào sai lầm, ngộ nhận.

Cách xem này, chính là một bí mật nhỏ của "Trung châu phái". Cổ nhân thường không thích thuyết minh bí quyết một cách kỹ càng tỉ mỉ, mọi việc đều thích lưu giữ trong tay một ít, bởi vậy dễ có sự mơ hồ trong từ ngữ lời văn, đó là nói "Phùng Phủ khán Tướng" nhưng ngay cả "Phùng Tướng khán Phủ" cũng không chịu bật mí rõ ràng, người đi sau thực tâm nghiên cứu, tự nhiên có thể khám phá bí quyết, nếu không chịu nghiên cứu một cách đàng hoàng tự chỉ là người hồ đồ mà không sành việc (hốt luân thôn tảo).

Mân phái biết rõ bí mật này, nhưng lại chỉ sử dụng miêu tả của Thiên Tướng để xem ảnh hưởng của nó đối với Thiên Phủ, tất đối với câu "Phùng Phủ khán Tướng" của cổ nhân, thật sự cũng chưa khám phá một cách hoàn toàn. Vương Đình Chi xét thấy sao Thiên Tướng khó ở chỗ bình phán, nên lấy đặc điểm này nói thẳng ra, tin tưởng đối với độc giả sẽ có ích lợi.

98. "Phủ Tướng triều viên" trọng Thiên Tướng

"Phủ Tướng triều viên cách" - tức hai sao Thiên Phủ, Thiên Tướng hội chiếu cung Mệnh, như cung Mệnh cư ngọ, Thiên Phủ cư tuất, Thiên Tướng cư dần, tức là xem cả một kết cấu "Phủ Tướng triều viên" (hình 5).

Cổ ca rằng:

Mệnh cung Phủ Tướng đắc câu phùng

Vô sát thân đương thị thánh quân

Phủ quý song toàn nhân cảnh ngưỡng

Nguy nguy đức nghiệp mãn càn khôn.

(Cung Mệnh có Phủ Tướng cùng chiếu, vô sát tinh xung phá thì như đối diện với thánh quân, phủ quý song toàn người người ngưỡng mộ, sự nghiệp và tài đức nguy nga khắp đất trời)

Thiên Phủ là chính tinh nam đầu, cô nhân gọi là "Ti mệnh thượng tướng", "Trần quốc chi tinh", chuyên chấp chương sở quan về tài khố (trông coi kho tiền, vật phẩm); Thiên Tướng là âm tinh, người chiếm giữ ví như "Ti tước chi tinh" (sao trông coi chức vụ), cho nên Thiên Tướng cùng Thiên Phủ dễ trở thành một đôi "Tước lộc chi thần". Đầu số có một số tinh diệu thường phải xem trọng sự liên hợp, đối địa, xem chúng như một đôi, gọi những sao này là "Đôi tinh", vì vậy gọi Phủ Tướng tức là trong đó ẩn tàng sự trọng yếu cả đôi. Câu quyết "Phùng Phủ khán Tướng", chính là ý tứ này.

Bởi vì Thiên Tướng lạc hãm khi vào hai cung mao dậu, cho nên liên đới khi hội hợp với cung mao, là Thiên Phủ ở cung Hợi hoặc cung Mùi; cùng hội hợp cung Dậu là Thiên Phủ cư cung Tị hoặc Sửu, tính chất biến thành đều có điểm khiếm lực.

Thiên Phủ vào mười hai cung đều không rơi vào hãm địa, nhưng "Phủ Tướng triều viên" thì Thiên Phủ lại không thích cư bốn cung Tị Hợi Sửu Mùi, tức là duyên có như vậy.

Kết cấu "Phủ Tướng triều viên" tốt nhất chính là Thiên Tướng cư Tý, Thiên Phủ tại thân; Thiên Tướng cư Ngọ, Thiên Phủ cư Dần; Thiên Tướng cư Thân, Thiên Phủ cư Thìn.

Thiên Phủ không độc thủ áy càng là mỹ cách, chủ người ngay thẳng không thiên vị điều gì, nếu không vậy (độc thủ) thì dễ rơi vào gian xảo. không lại cái gọi là gian xảo, kỳ thật thì ngày nay cũng chỉ là "*Thương cổ chi mệnh*" mà thôi (*).

Chúc thích:

(*) *Thương cổ chi mệnh* : mệnh của các lái buôn, mệnh người kinh doanh, buôn bán,...

67. Thiên Phủ Thiên Tướng là "Đôi tinh"

Dụng "Đầu số" xem mệnh, bất luận là ai cũng sẽ có thiên kiến riêng nên Vương Đình Chi bàn sao Thiên Phủ dù cho không hứng thú cho lắm. Thiên Phủ là nam đầu đích chủ tinh, nhưng nó lại thiết hụt khí thế lãnh đạo quần chúng; Thiên Phủ vừa mang tính chất "Tài khố" (kho bạc), như ngân hàng trung ương của một quốc gia, nhưng cũng bởi khuynh hướng vào "Lý tài", cho nên bản thân khó tránh khỏi cần thận quá mức từng ly từng tý, tuy vai trò chủ (Phủ là chủ tinh) là đương đầu khó khăn, hiểm trở nhưng làm việc lại đi vào tiêu tiết. Tính chất của sao này và nơi tính cách Vương Đình

Chi thấy không thích thú, cho nên phàm nhìn thấy lá số có Thiên Phủ tọa mệnh, Vương Đình Chi sẽ không cho một đánh giá chung quá cao, đây là nhược điểm nơi tâm lý Vương Đình Chi.

Toán mệnh ở Tử vi Đẩu số rất coi trọng "Đối tinh", tỷ như Thái Âm Thái Dương; Văn Xương Văn Khúc; Tả Phụ Hữu Bật; Thiên Khôi Thiên Việt; Kinh Dương Đà La; Địa Không Địa kiếp; Hỏa Tinh Linh Tinh; Tam Thai Bát Tọa; Thiên Hình Thiên Riêu, v.v..., vị trí của tổ hợp "Đối tinh" thường thường có tác dụng tăng cường hoặc suy yếu lẫn nhau, Thiên Phủ tuy là chủ tinh, nhưng nó cũng hình thành một tổ hợp "Đối tinh", đó là Thiên Phủ Thiên Tướng.

Vì thế, "Phủ Tướng triều viên" có thể thành một cách cục, còn cách cục "Tử Phủ triều viên" rất dễ khiến cường nguyên nhân ở chỗ Thiên Phủ cùng Thiên Tướng có quan hệ "Đối tinh", nhưng Tử Vi cùng Thiên Phủ lại không có quan hệ này; cho nên Thiên Phủ Thiên Tướng cùng hội chiếu về một cung có thể tăng mạnh ảnh hưởng đối với cung này, còn Tử Vi Thiên Phủ đồng hội chiếu một cung, chỉ là gặp gỡ của hai chủ tinh bắc đẩu và nam đẩu, căn bản không có tăng mạnh quan hệ ảnh hưởng.

Bởi vậy, dụng "Đẩu số" luận mệnh, gặp Thiên Phủ nhất định phải đồng thời tìm Thiên Tướng ở cung nào, từ quan hệ đối tinh của hai sao mà tiến hành nghiên cứu, sau đó mới có thể chỉ ra cát hung lành dữ của Thiên Phủ tọa thủ cung viên.

Cổ nhân nói "Thiên Phủ cư ngọ, tuất cung Thiên Tướng lai triều, Giáp sanh nhân, nhất phẩm chi quý", tức là vì người tuổi Giáp có Lộc tồn ở cung dân, ba cung dân ngọ tuất vừa vận được phân bổ Lộc Tồn, Thiên Phủ, Thiên Tướng, tạo thành một tổ hợp "Tam giác sắt" khá đẹp. Lúc này, ngược lại không coi trọng Thiên Phủ đồng cung với Vũ Khúc nữa (Thiên Phủ cư tý ngọ luôn luôn đồng cung với Vũ Khúc).

Dụng "Đẩu số" luận mệnh, có rất nhiều then chốt, "Kiến Phủ tâm Tướng" là một trong các mấu chốt đó, điều này quá sáng tỏ rồi, cũng dễ hiểu đối với những phán đoán về tính chất "Đối tinh".

77. Tổ hợp tinh hệ của Thiên Tướng

Thiên Tướng và Thiên Phủ là "Đối tinh" ở Đẩu số, tức hai sao có liên quan và cùng ảnh hưởng lẫn nhau. Gọi là "Phùng Phủ khán Tướng", tức suy đoán trạng chính lực Thiên Phủ thì phải đồng thời kiêm xem xét ảnh hưởng của Thiên Tướng đối với nó, cũng như quan sát cát hung của Thiên Tướng thì đương nhiên cũng đồng thời nghiên cứu Thiên Phủ.

Thiên Phủ là "Khô tinh", Thiên Tướng là "Ẩn tinh", khô không có ẩn tất không thể vận dụng tiền của giàu có của kho tiền, ẩn vô tài tất thuộc loại quyền lực trống rỗng, vì lẽ đó phải chiếu cố đến cả hai sao, sau đó mới có thể hợp tài và quyền làm một chính thể thống nhất mà quan sát.

Thiên Phủ vô hãm địa, cho nên không cung vị nào cư trú mà không tốt, nhưng Thiên Tướng tại hai cung mao dậu là lạc hãm, bởi vậy phàm Thiên Tướng thuộc hai cung mao dậu gặp gỡ Thiên Phủ, thì cũng như lực lượng bị đánh đến giảm sút, voi bớt đi.

Về phân tổ hợp tinh hệ của Thiên Tướng, cũng có thể chia làm sáu cách cục:

Ở hai cung tý ngọ, Thiên Tướng cùng Liêm Trinh đồng cung
Ở sừu mùi, Thiên Tướng độc tọa, Tử Vi Phá Quân xung chiếu
Ở dần thân, Thiên Tướng và Vũ Khúc đồng cung
Ở mao dậu, Thiên Tướng độc tọa, Liêm Trinh Phá Quân xung chiếu
Ở thìn tuất, Thiên Tướng và Tử Vi đồng cung
Ở tị hợi, Thiên Tướng độc tọa, Vũ Khúc Phá Quân xung chiếu.

Từ các tổ hợp trên có thể thấy Thiên Tướng có quan hệ đặc biệt với các chính diệu Tử Vi, Liêm Trinh, Phá Quân và Vũ Khúc:

- Tử Vi Thiên Tướng đồng cung không bằng đối chiếu, bởi vì đồng cung thì lạc vào thiên la địa võng của hai cung thìn tuất, là khiến người khó có thể phát huy tiềm năng. Khi xung đối thì do lực "chạy nước rút" và bức phá của Tử Vi Phá Quân mà có thể kích phát năng lực Thiên Tướng.
- Thiên Tướng Vũ Khúc đồng cung cũng không bằng xung chiếu, bởi vì đồng cung thì Thiên Tướng tuy có thể giảm bớt tính chất hình khắc của Vũ Khúc nhưng đồng thời cũng giảm bớt năng lực bản thân của nó; không như khi có Vũ Khúc Phá Quân xung chiếu, ngược lại có thể lợi dụng sự bức phá của tinh hệ này.
- Thiên Tướng lại nên đồng cung với Liêm Trinh, vì đồng cung thì Thiên Tướng có khả năng hóa giải cái xấu của Liêm Trinh; nếu Thiên Tướng tọa mao dậu và Liêm Trinh Phá Quân xung chiếu, thì lực hóa giải kém đi một chút, vận đồ dễ có thể nhiều trắc trở, thăng trầm.

62. Thiên Đồng không thuần là "Phúc tinh"

"Tử vi Đầu số" có một sao rất dễ bị người ta hiểu lầm, sao này là Thiên Đồng.

Bình thường trong thư tịch Đầu số, có gọi Thiên Đồng là "**Phúc tinh**", vì ấn tượng này liền dễ coi phúc khí người mệnh Thiên Đồng quá trọng. Cổ thư thuyết: "*Thiên Đồng thủ mệnh phúc tự thâm, bất úy Hình Sát Kỵ tương xâm*" (Thiên Đồng thủ mệnh thì phúc rất dày, nên không sợ các sao Hình Sát Kỵ xâm phạm), càng làm cho người học hiểu sai về tính chất của sao Thiên Đồng. Trên thực tế, tính cách tinh diệu này có rất nhiều khuyết điểm.

Kỳ thực nếu mà tiến hành nghiên cứu tỉ mỉ hết thảy ca quyết cùng luận thuật thời xưa có liên quan đến Thiên Đồng cũng dễ biết khuyết điểm của nó ở đâu, sách nói: "*Thiên Đồng Kinh Dương đồng cung, thân thể tao thương*" (Thiên Đồng Kinh Dương đồng cung, trên thân thể phải gặp tổn thương), "*Thiên Đồng Thái Âm đồng cung, nữ mệnh tuy mỹ tất dâm*" (Thiên Đồng Thái Âm đồng cung, nữ mệnh tuy đẹp nhưng rất dâm), "*Nữ mệnh Thiên Lương Thiên đồng, nghi tác thiên phòng thiếp thị*" (Nữ mệnh Thiên Lương Thiên Đồng, nên làm vợ lẽ, tỳ thiếp hầu hạ).

Cổ nhân đối với khuyết điểm của Thiên Đồng tuy tiết lộ không được nhiều lắm nhưng cũng có thể nhìn ra, Thiên Đồng cũng không phải là hoàn toàn không sợ sát tinh, như

các sao Hỏa Tinh, Linh Tinh, Kinh Dương, Đà La, Thiên Hình, Hóa Kỵ, chỉ bắt quá cổ nhân thích giữ lại một ít, không chịu tuyệt đối công khai, cho nên mới chỉ tiết lộ khuyết điểm của nó khi gặp gỡ Kinh Dương, vậy là tự mình phản đối chính mình bằng thuyết pháp "*Bất úy Hình Sát Kỵ tương xâm*" (Không sợ Hình Sát Kỵ gây nguy hiểm), và mở ra con đường nghiên cứu cho hậu nhân.

Vương Đình Chi giúp một vị độc giả tuần san toán Đẩu số, vừa nhìn thiên bàn, hỏi rằng: "*Bạn chẳng phải muốn tự sát sao ?*" vị độc giả kia lập tức khóc lên, nói rằng đúng là chính mình đã từng muốn mở khí gaz tự sát, chỉ là muốn tìm Vương Đình Chi đoán mệnh, xem hậu vận như thế nào sau đó mới quyết định. Phen trả lời này, làm Vương Đình Chi kinh sợ đổ mồ hôi thấm ướt cả lưng.

"Tử vi Đẩu số" ở Mân phái, Thiên Đồng không hóa Kỵ, nhưng Trung Châu phái lại cho rằng Thiên Đồng vẫn có thể hóa Kỵ. Bằng mệnh tạo vị độc giả tuần san ở trên suy tính ra, chứng minh Trung Châu phái truyền lại tựa hồ có điểm hợp lý hơn Mân phái. Ngược lại nếu là "Phúc tinh" tức không sợ Hóa Kỵ, có khi dựa vào đây suy đoán sẽ sai một ly, đi ngàn dặm. Bởi vậy Vương Đình Chi hy vọng độc giả nghiên cứu Đẩu số, không thể câu nệ vào thuyết pháp của bản phường (bản in của các phường khác), vừa thấy Thiên Đồng liền lập tức nói là "**Phúc tinh**".

Vương Đình Chi có thể lớn mật cho rằng, Thiên Đồng cư mười hai cung đều có khuyết điểm, thậm chí ngay cả cư cung Phúc cũng khiến tinh thần đương số sa sút, tiêu cực, độc giả dù sao cũng phải ghi nhớ, ấn tượng điều này.

63. Ba loại tổ hợp của sao Thiên Đồng

Thiên Đồng tại mười hai cung, có sáu loại phối hợp, hấp thụ ảnh hưởng của ba tinh diệu Thái Âm, Cự Môn, Thiên Lương. Sắp xếp như sau:

- Tại tỵ, ngọ cung, Thiên Đồng cùng Thái Âm đồng cung.
- Tại mão, dậu cung, Thiên Đồng cùng Thái Âm xung đối.

"Tỵ ngọ mão dậu" là nơi đất Đào Hoa, vì vậy cũng ảnh hưởng đến tính chất Thiên Đồng, vì lẽ đó cổ nhân cho rằng nữ mệnh gặp sự phối hợp này, tuy đẹp mà dâm. Trong đó khi cùng Thái Âm đồng cung dường như ảnh hưởng khá mạnh, cùng Thái Âm xung đối mức độ trên có thể giảm bớt.

- Tại sửu, mùi cung, Thiên Đồng cùng Cự Môn đồng cung.
- Tại thìn, tuất cung, Thiên Đồng cùng Cự Môn xung đối.

"Thìn tuất sửu mùi" là đất tứ Mộ, nhưng Cự Môn lại lạc hãm khi vào tứ Mộ địa (cổ ca: "*Mộ địa ứng hiềm hãm Cự Môn*"), bởi thế cũng ảnh hưởng đến Thiên Đồng khi Cự Môn đồng cung hoặc khi xung đối, như "Thái thái đoàn" (một đoàn các bà vợ quan), một mặt chơi mặt trượt một mặt bàn tán xôn xao rằng Trương gia tài giỏi, rằng Lý gia yếu kém, v.v... loại nữ mệnh này, rất có thể có mệnh cục là tổ hợp Thiên Đồng đi cùng Cự Môn.

- Tại dân, thân cung, Thiên Đồng cùng Thiên Lương đồng cung.

- Tại tị, hợi cung, Thiên Đồng cùng Thiên Lương xung đối.

"Dần thân tị hợi" là nơi tứ Trường sanh. Đối với Thiên Đồng có lợi nhất, có thể gia tăng "Phúc trách" của Thiên Đồng, nhưng nó lại vẫn cứ là một kết cấu nguy hiểm, câu chuyện dã thuật trước của vị độc giả tuần san giúp cho Vương Đình Chi nhìn ra Anh ta có ý niệm tự sát trong đầu, mệnh tạo của vị độc giả kia là thuộc về kết cấu, cách cục này.

Kết cấu này, rất nhiều khi ngược lại không sợ gặp Sát, Hình, Ky, nhưng lại sợ một số cát tinh, cái lý trong đó rất là vi diệu.

Một đặc điểm riêng của kết cấu này là không nên gặp ở nữ mệnh, nữ mệnh gặp Thiên Đồng Thiên Lương, rất nhiều khi gặp gỡ biến thành "quá lộ Khê tiền" (tiền qua đường, qua suối) hoặc là "đơn liệu đồng bảo" (tiên liệu nung chảy đồng) (*), vì lẽ đó cũng dễ dàng sa ngã, không lại nhất định là thông minh hơn người, "nói đầu dấu đuôi". Nhưng thường thường có phối hợp của một hai tá diệu hoặc tạp diệu mới có thể phát sinh thay đổi rất lớn, đôi khi là chủ nhân thông minh mà trình liệt, cho nên gặp lá số nữ nhân có cách cục "Đồng Lương mệnh", không thể không suy tính cẩn thận, y theo bản phương mà nói thẳng, thời giống như ăn nhiều bọ thực cứng nhắc.

P/S: Mệnh Thiên Đồng luôn luôn nhị hợp Tham Lang (một sao tù tinh, tai họa tinh), luôn có Thái dương cư Phúc, phải chăng ảnh hưởng mạnh ??? Ông Vương Đình Chi cho rằng cung Phúc là sự hưởng thụ về mặt tinh thần, tác động mạnh đến các cung, đặc biệt là mặt sự nghiệp, Thái dương chủ đầu óc nên căng thẳng, xi-trét mà ...suy nghĩ tiêu cực !

Từ ngày đọc sách của ông Vương, PL ngộ ra rất nhiều điều hay, cũng như cách lập luận của ông rất là logic và hợp lý, bảo sao ông xứng đáng là tông sư (bậc thầy của một trường phái)

82. Thất Sát thủ viên, "làm ra làm chơi ra chơi"

Tại Đầu số, Thất Sát thuộc về sao "cương mãnh" thẳng tắp một mạch, vì thế phối hợp "Sát Phá Tham" đặc biệt có nhiều thâm ý. Khả năng biến đổi cục diện của Tham Lang khá tròn trĩnh, có thể từ chuyện mà chuyên hóa một cách vô thanh vô sắc (không hình không tiếng), lực biến đổi cục diện của Phá Quân dứt khoát nhất thiết không để sót lại gì, nhưng Thất Sát biến đổi thường thường thuộc trường hợp lập mưu mà dẫn đến động. Nên "Sát Phá Tham" hội hợp, hết sức đầy đủ sắc thái "cương nhu tương tế" (kết hợp cứng rắn với mềm dẻo).

Cử một thí dụ, Phá Quân giống như xây một cái nhà mới, không quan tâm điều gì cứ đem nhà cũ dời đến nơi đất bằng phẳng, sau đó bắt đầu xây dựng từ đầu, có thể ví như làm việc nghĩa, việc quan trọng không cho phép chùn bước; Tham Lang không như vậy, nó không nhất định phải xây một cái nhà mới hoàn toàn, khả năng chỉ là trang hoàng, che đậy cái khuyết điểm của mình, không theo đường lối sách vở, rồi căn nhà tự nhiên rực rỡ hẳn lên như mới; còn Thất Sát thấy nứt thì đập bỏ, thấy khuyết điểm thì trang hoàng che đậy lại, không biến đổi một cách vô nghĩa cũng không tốn công hành sự vô ích, hời hợt bề ngoài.

Cho nên người có Thất Sát thủ mệnh, có đặc điểm là thực tế, bám sát thực tiễn, không siêng nịnh cũng không rụt rè cầu thả; song chính yếu vẫn phải phối hợp cả kết cấu tinh hệ lại mà định, ví như Thất Sát hội hợp các tinh diệu quá mãnh liệt như kiến Hỏa Tinh Linh Tinh, người có loại mệnh tạo này dễ dàng chiêu oán; nếu hội hợp Địa Không Địa Kiếp, tác tâm linh dễ giác ngộ hư không, hơn nữa việc xã giao trong cuộc sống cũng lẻ loi lập dị, ít hợp với ai.

Ở thời xưa, mỗi người vốn có một nghề đặc thù, mới có cảnh ngộ ở ẩn hay bôn ba vào đời, nếu không ắt là cao nhân ẩn sĩ, cho nên cổ quyết nói: "*Thiên Hình hãm địa, xảo nghệ mưu sinh*" lại nói: "*Kỳ tính nhược thanh lương chi trạng, kỳ số tắc nghi vu tăng đạo*" (Số tốt thì như Trạng Nguyên, số xấu thì đi theo đường tu hành) hay như: "*Thất Sát cư hãm địa, trầm ngâm phúc bất sanh*".

Thật ra người có Thất Sát thủ mệnh, cũng không phú quý "cả đời tước lộc vinh xương" theo như lời cổ thư, cũng không thê lương như lời câu phú ghi bên trên. Vương Đình Chi đặc biệt thích thú tính cách Thất Sát, hiểu được xã hội hiện đại, khắc họa được một ít người "làm ra làm chơi ra chơi". Cổ thư nói: "*Thất Sát nhập mệnh thân cung kiến cát, diệc tất lịch thụ gian tân*" (Sát thủ mệnh thân dù gặp được cát tinh cũng trải qua gian khổ), câu phú này đánh giá quá phù hợp và đúng đắn, không giống Tham Lang dễ rơi vào thủ xảo, lại không giống Phá Quân là biến đổi hết thầy, hành động không chút chần chừ, hoặc sống hoặc chết. Vì vậy mới cho là Thất Sát "*lịch thụ gian tân*" rồi sau đó thành tựu là thế.

Người có Thất Sát thủ mệnh bộ phối phần nhiều không đủ khả năng chống cự thiên nhiên, mà trình độ y dược thời xưa lạc hậu, bởi vậy dễ cho rằng Thất Sát gia hung tinh dễ yếu chiết, dễ chết về bệnh phổi hoặc bệnh suyễn, xã hội hiện đại văn minh, điềm này thấy không ứng nghiệm.

83. Sáu kết cấu Thất Sát thủ mệnh

Các tinh diệu có liên quan đến Thất Sát nhất là Phá Quân và Tham Lang, ba sao này vĩnh viễn ở ba phương hội chiếu, gọi là tổ hợp "Sát Phá Tham".

Nếu xét Thất Sát cư mười hai cung vị, thì cơ bản kết cấu có thể chia làm sáu tổ hợp:

- Tại tý ngọ cung, Thất Sát độc tọa, đối cung là Vũ Khúc Thiên Phủ.
- Tại sửu mùi cung, Thất Sát và Liêm Trinh đồng cung.
- Tại dần thân cung, Thất Sát độc tọa, đối cung là Tử Vi Thiên Phủ.
- Tại mão dậu cung, Thất Sát và Vũ Khúc đồng cung.
- Tại thìn tuất cung, Thất Sát độc tọa, đối cung là Liêm Trinh Thiên Phủ.
- Tại tị hợi cung, Thất Sát và Tử Vi đồng cung.

Thế nên từ sự phối hợp trên có thể thấy được tinh diệu có quan hệ với Thất Sát ngoài Phá Quân Tham Lang ra, còn là 4 sao Tử - Phủ - Liêm - Vũ.

Thất Sát hoan hỷ nhất gặp Tử Vi, cho nên thủ mệnh tại bốn cung dần thân tị hội, dễ dàng trở thành cách cục tốt đẹp, tổ hợp Tử Vi Thất Sát lúc này hóa thành quyền lực; Thất Sát xung đối Tử Vi, cũng có thể gia tăng năng lực khai sáng cho người. Nhưng tính chất của Thiên Phủ lại đồng thời có thể khiến người rơi vào không ảo, nên từ phương diện tích cực mà nói, Thất Sát hai cung cư tị hội tốt đẹp hơn so với hai cung dần thân; nhưng người có mệnh ở hai cung dần thân cuộc sống thủ đắc được triết học rất thú vị, không giống như cư hai cung tị hội không dễ dàng thỏa mãn mong muốn quyền lực.

Thất Sát và Liêm Trinh đồng cung, Liêm Trinh là nhu so với Thất Sát là cương, lúc này rất cần xem xét các sao phụ tá hội hợp mà định, hung thì rơi vào nhục dục, cát thì phẩm cách ngay thẳng chính trực, lại mang vài phần hơi thở, mùi vị văn nghệ, phong lưu nho nhã mà tuyệt đối không hạ lưu. Nhưng Thất Sát xung chiếu Liêm Trinh Thiên Phủ, có thể thêm vào nhiều cảm xúc bụi ngùi, thường thường hiểu được nhân sinh chẳng qua là "kính hoa thủy nguyệt" (trăng mờ đáy nước) (*), lúc này khiến Thất Sát tựa như vị chiến tướng gặp phải núi cao thành linh trước mặt, còn quân lính thì một đao cầm đao đang mang sẹo một đao cầm giáo thì bị thương, tất cả ghi nhận đều trong thế phải vùng vẫy đấu tranh.

Thất Sát Vũ Khúc đồng cung là tổ hợp tinh hệ hết sức tích cực, nhưng khiếm khuyết khả năng dự báo, dẫn đường; nhưng Thất Sát có Vũ Khúc Thiên Phủ hội chiếu, Thất Sát đứng độc lập ngược lại mới có thể dễ dàng phát huy khả năng nhưng lại dễ dàng biểu hiện độc tài, cho nên ở phương diện năng lực lãnh đạo có khuyết điểm. Trong các loại tổ hợp tinh hệ Thất Sát, loại tổ hợp này tốt đẹp hơn ở chỗ sóng gió ít mà lại nhỏ, nếu ước mong yên ổn trong cuộc sống đương nhiên nên gặp cách cục này.

Chú thích:

(*) **kính hoa thủy nguyệt**: hoa trong gương, trăng trong nước; ---> một cảnh tượng mờ mờ ảo ảo.

99. "Văn Quế Văn Hoa cách" chủ yếu xem ở chính tinh

"**Văn Quế Văn Hoa cách**" - tức an mệnh vào sửu hoặc mùi cung, mà cung Mệnh gặp Văn Khúc Văn Xương đồng thủ.

Cổ ca nói:

*Sách thư nhất đạo tự thiên lai
Hoán khởi nhân gian kinh tế tài
Mệnh lý vinh hoa chân khả tiện
Đẳng nhàn bình bộ thượng bồng lai.*

(Sách, thư cùng từ trời đến, kêu gọi người tài trị quốc chôn nhân gian, mệnh lý vinh hoa thực có thể ao ước, bồng dung một bước đến chốn bồng lai.)

Ở khoa cử thời đại, đọc sách cầu công danh là con đường tốt nhất, cho nên cổ nhân lấy Đẩu số luận mệnh hoan hỷ nhất gặp Văn Xương Văn Khúc, ngoại trừ "Văn tinh cùng mệnh cách" đã thuật trước đó (mục 96 - "Văn tinh cùng mệnh" chủ thông minh), còn có cách "Văn Quế Văn Hoa" này, sau này sẽ thảo luận đến các cách "Văn Lương chân kỹ", "Lộc Văn ám cùng", vì như đã biết cổ nhân khá coi trọng khả năng của văn tinh. Ở bối cảnh xã hội trước mắt tiến hành thảo luận thêm nữa.

Văn Xương Văn Khúc đồng tọa cung Mệnh, bản thân tất nhiên phong lưu nho nhã, có phong cách đặc biệt, hơn nữa lại thông minh tuấn tú, đây là ưu điểm của nó.

Nhưng hai sao Xương Khúc rớt cuộc không phải chánh diệu, khả năng bạc nhược, vào chuyện thi cử cạnh tranh lớn là có khả năng ứng phó, ở xã hội ngày nay ngoại trừ thi cử ra còn có rất nhiều sự việc phải tranh quyền đoạt lợi, cho nên tất cần có chánh diệu khác hữu lực phò trợ, sau đó mới có thể thích ứng thời đại trước mắt.

Cổ nhân không trọng nữ mệnh, vì lẽ đó cách cục này cũng không liên quan đến nữ mệnh. Nữ mệnh nếu gặp Xương Khúc đồng cung, trái lại sau hôn nhân dễ dàng có bất lợi, vỡ mộng chuyện tình cảm, nếu gặp Thiên Phủ Vũ Khúc đồng chiếu mệnh viên (*), dễ bị những người đã có gia đình theo đuổi, quấy nhiễu gây ra tình cảm thống khổ, cho nên "Văn Quế Văn Hoa" ngày nay cũng không tốt bằng thời xưa là thế.

P/s:

(*) **"...Thiên Phủ Vũ Khúc đồng chiếu mệnh viên..."**: mệnh ở Sửu Mùi làm sao gặp Vũ Phủ (cư Tý Ngọ) đồng chiếu được nhỉ ? Có khi nào ý nói là Vũ Khúc **HOẶC** Thiên Phủ chiếu ?! Hay là lỗi typo !

Hoặc nếu ko có lỗi typo thì thử suy diễn: mệnh ở Sửu Mùi có Vũ (Tham) chính chiếu, Thiên Phủ tam hợp; Hoặc Thiên Phủ chính chiếu, Vũ (Phá) tam hợp.

132. "Tướng tinh đặc địa" không hợp thời

"Tướng tinh đặc địa cách" - tức Vũ Khúc lâm miếu vượng cung thủ mệnh.

Cổ ca nói:

*Tướng tinh nhập miếu thật vi tường
Vị chánh quan cao đảo xứ cường
Lược địa công thành đa diệu toán
Uy phong lẫm lẫm trấn biên cương.*

(Tướng tinh nhập miếu thật là tốt đẹp, ở ngôi vị quan to nơi cường quốc, chiếm đất công thành bằng mưu sâu kế hiểm, uy phong lẫm liệt trấn ngự nơi biên cương.)

Cách cục này thuộc về trường hợp "trông mặt mà bắt hình dong" (nhìn chữ đoán nghĩa), bởi vì thời xưa có thuyết pháp Vũ Khúc là Tướng tinh cho nên mới cho là mệnh "chiếm đất công thành", "uy phong lẫm lẫm", bởi vậy có thể thấy được cái đơn sơ ngây ngô của giang hồ thuật sĩ thời Minh; học luận mệnh đời nhà Thanh là việc được coi trọng nhưng văn nhân học sĩ chỉ nghiên cứu Tử Bình, không một người nào

cảm thấy hứng thú xem "Đẩu số", đó là bởi lý do bất mãn sách vở dạy Đẩu số của thời nhà Minh.

Vũ Khúc tại bốn cung thìn tuất, sửu mùi nhập miếu, tại tý ngọ hai cung thừa vượng, y theo cách cục Vũ Khúc ở mười hai cung có sáu hợp cục, song phạm người có Vũ Khúc tọa mệnh, chẳng phải cứ là số rất tốt sao? Vậy ngày ấy người lập ra cách cục chẳng nghĩ thêm được tường tận là chỗ đó. Hơn nữa, Vũ Khúc vào hai cung thìn tuất là "thiên la địa võng", mặc dù nhập miếu nhưng cũng không xuất sắc, chẳng biết tại sao cũng cho là "Tướng tinh đắc địa".

Phạm người Vũ Khúc thủ mệnh, tuy có thể kiêu ngạo nhưng cũng nhiều ít có một chút tính chất cô khắc, thời xưa người tòng quân phần nhiều không phải là người thiếu niên no ấm, hoặc cơm áo không nhờ cậy được ai, hoặc lục thân bất toàn sau đó mới chịu rời xa nơi chôn rau cắt rốn.

28. Đoán sắc lao (*), sản ách (**), và hôn nhân

"Thiên Lộc trùng phùng Hồng Loan, sắc lao chi tật" (Thiên Lộc gặp Hồng Loan là bệnh lao)

Thiên Lộc tức là Lộc Tồn, ở Đẩu số có lúc lại rất sợ tinh diệu này, vì Lộc Tồn trùng phùng Hồng Loan cố nhiên chủ việc phát tài, nhưng tại cung Tật ách, lại có thể biến ra bệnh thận, nói đến bệnh thận này sở dĩ chức năng sanh thực (**), mà không nói đến hệ thống bài tiết của thận.

Vương Đình Chi hoài nghi bản "Thập bát phi tinh" Phúc Kiến khắc trên gỗ, hoàn thành cuối cùng vào triều đại nhà Minh, trong lịch sử Trung Quốc, thời Minh là thời đại sắc tinh, vì vậy mà người bị bệnh liên quan đến cơ năng sanh thực đặc biệt nhiều, Trong bản "mười tám phi tinh" vì lẽ đó cũng đặc biệt chú ý tới loại bệnh chứng này.

"Thiên Nhận tọa mệnh, nữ nhân chủ sản ách" (Thiên Nhận tọa mệnh ở phụ nữ, chủ về sản ách)

Hẳn là, độc giả còn nhớ Vương Đình Chi từng nói qua, Thiên Nhận ở "Thập bát phi tinh" tức là Thiên Hình ở Đẩu số. Mà nữ mệnh niên hạn trùng Thất Sát tọa cung Mệnh, gặp sát tinh, lưu diệu lại bất cát, người lục Giáp chủ bị sản ách, nhưng nếu cung Tử tức tốt con cái có thể bảo toàn, nếu không nhiều khả năng yếu chiết. Cách luận đoán trên, bản thân giới Đẩu số đã bỏ sót, hoặc không biết đến, nhưng có thể thấy được về "Thập bát phi tinh".

"Hồng Loan hội Văn Xương chủ hôn nhân"

Bây giờ toán Đẩu số cho một người, thường cho rằng Hồng Loan Thiên Hi là hạn hôn nhân, khi gặp hạn liền suy đoán kết hôn năm đó, thường thường không ứng, nhưng tham khảo "mười tám phi tinh", lấy Hồng Loan Thiên Hi hội Văn Xương là năm kết hôn, hơn nữa 9/10 trường hợp là năm này chánh thức cử hành hôn lễ, nhiều ứng nghiệm; bởi vì "Văn Xương vi lễ nhạc chi tinh, chủ hôn giá chi lễ" (Văn Xương là sao chủ lễ nhạc hay hôn lễ). Cách suy đoán này trước mắt cũng thấy gần với "Thập bát phi tinh".

(*) *Sắc lao, còn có tên là kết hạch: hội chứng lao, lao có nhiều loại, lao thận, lao phổi, lao da, lao xương, nổi hạch,... ("Sắc" là sắc đẹp, màu sắc, còn có nghĩa là vẻ mặt ngoài da; "Lao" là bệnh lao). Khi xét nghiệm lao thường xét nghiệm ngay trên da, sau đó mới kết hợp xét nghiệm đàm, sinh thiết, v.v... Bài viết này đề cập đến bệnh thận, suy thận, lao thận,...do "sắc tình" quá mức. Nếu các bạn thắc mắc, có thể tìm hiểu bệnh về thận trong Đông Y.*

(**) *Sản ách: bệnh tật và rủi ro khi mang thai và sinh nở.*

(***) *Sanh thực: hệ thống sinh sản ở người.*

90. Đàm Hỏa Tinh và Linh Tinh

Vương Đình Chi mỗi lần nghĩ đến việc nói chuyện về 4 sát tinh Hỏa, Linh, Dương, Đà nhưng chấp bút lại nghĩ rất khó, bởi vì "Tứ Sát" mặc dù có đặc tính cơ bản nhưng tất đòi hỏi các tinh diệu khác phối hợp về thì việc đàm luận, luận đoán mới có ý nghĩa, nếu chỉ bàn một sát tinh nào đó tất dễ sinh hiểu nhầm hoặc hiểu không đủ. Cho nên vì lẽ đó bài viết này tuy nói về sát diệu, bất quá cũng chỉ nói đại khái mà thôi, mặc dù tác giả rất khách quan, độc giả vẫn cần đề phòng giảng sai, rất tai hại khi bàn riêng từng sát tinh.

Bình thường mà nói, "Hỏa minh Linh ám", cho nên hai sao tuy cùng có tính cương liệt, nhưng tính chất chính Hỏa Tinh khác với Linh Tinh một chút, nếu như lấy nhân vật "Thủy Hử" mà so sánh, Hỏa Tinh ví như Hắc toàn phong Lý Quỳ (con lóc đen Lý Quỳ), nói đánh là đánh, nói giết là giết, lòng không so đo tính toán; Linh Tinh ví như Hoa hòa thượng Lỗ Trí Thâm, mặc dù cương liệt cũng như Lý Quỳ, nhưng như hồi đánh chết gã bán thịt Trần Quan Tây - Trịnh Đồ, trước tiên Lỗ Trí Thâm tìm hiểu hẳn bán thịt sống ở chợ, sau đó đến tìm cơ chọc ghẹo mà đánh chết (*).

Hai sao hoan hỷ nhất cùng Tham Lang đồng cung, hội hợp chỉ xếp thứ cách, xung là "Hỏa Tham cách" hoặc "Linh Tham cách", chủ hoạnh phát, hoặc chủ hoạnh lập công danh, về cách cục này Vương Đình Chi sẽ luận thuật riêng đầy đủ. Trừ Tham Lang này ra, với Tử Vi, Thất Sát, Hỏa Linh đồng cung cũng tốt. Tử Vi hóa giải tính cương liệt của Hỏa Linh như Lý Quỳ gặp Tống Giang tự nhiên ngoan ngoãn vâng lời, cam thụ sai khiến xếp đặt; Thất Sát đối với Hỏa Linh có khả năng uy hiếp được Hỏa Linh, như một vị Nguyên soái cầm quân đầu tiên phải cưỡi ngựa xông trận ra oai, sau đó mới có thể thu phục được thuộc hạ cương mãnh làm tướng. Cho nên, dường như mệnh cục Tử Vi Hỏa Tinh đồng cung ít vất vả gian lao hơn nhiều so với mệnh cục Thất Sát Hỏa Tinh đồng cung.

Cự Môn là ám diệu, gặp Hỏa Linh rất không tốt, bởi vì Hỏa Linh là ngọn lửa không đủ soi sáng Cự Môn, mà Cự Môn lại là ám tinh đủ để làm tối tăm sắc sáng của Hỏa Linh, nếu đồng cung làm cho chủ nhân dễ xúc động, tâm tính ít độ lượng mà lại còn sinh nhiều thị phi.

Hỏa Linh cũng không thích Liêm Trinh, vì tượng Liêm Trinh là âm hỏa, hai hỏa đồng

tụ một nơi, gặp Thất Sát Kinh Dương tức "chủ sanh ý ngoại" (sinh chuyện ngoài ý muốn).

(*) *Câu chuyện Lỗ Đạt (Lỗ Trí Thâm) đánh tên Trịnh Đồ 3 quyền làm hấn chết luôn, xin đọc lại chuyện Thủy Hử để rõ.*

91. "Hỏa Linh giáp mệnh" và "Linh Xương Đà Vũ"

Về Hỏa Tinh Linh Tinh, cô nhân từng xem xét kỹ rồi lập ra 2 cách cục, một là "Hỏa Linh giáp mệnh" và một là "Linh Xương Đà Vũ", bài viết nói về 2 cách cục này. Người xưa nói "Hỏa Linh giáp mệnh vi bại cục", về phần "Bại cục" ví như có hội cũng chẳng có thuyết minh. Chiếu theo Vương Đình Chi biết, ở Đẩu số phạm cung bị một cặp Sát tinh giáp biên, nhất định sẽ hội sinh ra khuyết điểm, như "Dương Đà giáp", "Không Kiếp giáp" và "Hỏa Linh giáp". Hỏa Linh giáp cung, sinh ra bệnh tật hay sự cố gì, ứng với tinh hệ bị sát tinh giáp biên mà định, thông thường thì vậy, còn lại là khiến cuộc sống giảm chất lượng.

Cùng một nguồn dạng xuất thân, cùng một quá trình học vấn, thậm chí cùng cơ cấu đảm nhiệm một công việc, rồi sau đến tuổi trung niên, một người thăng một người trầm, thì người trầm dễ có thể có cách cục "Hỏa Linh giáp mệnh" mà chính tinh ở cung Mệnh lại vô lực, đó là lý do. Nếu cung có tinh hệ bị giáp Hỏa Linh hữu lực như Vũ Khúc Thất Sát, Vũ Khúc Thiên Phủ, Liêm Trinh Thất Sát, Tử Vi Thất Sát, tắc chủ nhân vẫn có thể hồ hởi phấn khởi, nhưng gian lao khó tránh khỏi. Nhưng nếu cung vị mà Hỏa Linh giáp có Kinh Dương, tắc phán đoán thời liền phải hết sức cẩn thận; sao Kinh Dương này có thể trở nên thiện hay ác, không thể đại khái mà nói được, ứng thiện hay ác phải quan sát từ lá số tam phương tứ chính hội hợp tinh diệu mà định tính chất của nó.

Về cách "Linh Xương Đà Vũ", tất là cung an mệnh ở Thìn Tuất mà tam phương tứ chính tập hợp bốn sao Linh Tinh, Đà La, Văn Xương, Vũ Khúc. Cô nhân gọi là "Linh Xương Đà Vũ, hạn chí đầu hà" chủ có thủy ách (tai nạn sông nước), tại sao lại sẽ có thủy ách, hẳn là cô nhân thông qua những chinh nghiệm được mà đi ra kết luận. Chiếu theo kinh nghiệm của Vương Đình Chi kỳ thực cũng có thể chỉ điểm báo tai nạn thông thường, hơn thì chủ bất trắc trong giao thông.

Hẳn nên lưu ý, nếu nguyên cục có Vũ Khúc cùng Linh Tinh hội chiếu (không phải là Hỏa Tinh), liền cần đại hạn hoặc lưu niên có Lưu Xương (*), Lưu Đà hội hợp, đó là thành cách cục "Linh Xương Đà Vũ", gom Lưu Xương Lưu Đà vào trong cách cục này. Ví như nguyên cục đã có Đà La hoặc Văn Xương, mà Lưu Đà hoặc Lưu Xương nhập cục, xung với Xương Đà nguyên cục, tai họa tức dễ phát tác, hẳn là năm ấy cần thận sức khỏe, đồng thời thận trọng đề phòng thủy ách và bất trắc giao thông - Vương Đình Chi đoán qua lá số của con của một vị bằng hữu, lưu niên gặp cách cục "Linh Xương Đà Vũ", Vương Đình Chi hết sức khuyên ngăn không nên chạy xe gắn máy, nhưng năm đó vẫn chạy xe đạp đụng người đi đường, gây nên một vết thương nhẹ.

Chú thích:

(*) **Lưu Xương** : theo sách "**Phép an sao và đoán mệnh có thực**" của Vương Đình Chi, hai sao Lưu Xương Lưu Khúc an theo Thiên can năm tháng ngày nhập hạn:

Bài ca an Lưu xương, Lưu khúc:

Lưu Xương khởi tị vị
Giáp át thuận lưu khứ
Bất dụng tứ mộ cung
Nhật nguyệt đồng niên tuế.

(Lưu Xương khởi từ cung Tị, theo chiều thuận bắt đầu là Giáp, đếm đến Can năm (hoặc tháng) tính hạn. Bỏ qua bốn cung tứ mộ là Thìn Tuất Sửu Mùi)

Lưu Khúc khởi dậu vị
Giáp át nghịch hành tung
Diệc bất dụng tứ mộ
Niên nhật nguyệt tương đồng.

(Lưu Khúc khởi từ cung Dậu, theo chiều nghịch bắt đầu là Giáp, đếm đến Can năm (hoặc tháng) tính hạn. Cũng bỏ qua bốn cung tứ mộ là Thìn Tuất Sửu Mùi)

Điều này do Trung châu phái truyền thụ.

92. Kinh Dương "chân tiểu nhân", Đà La "ngụy quân tử"

Kinh Dương và Đà La là một cặp sát tinh ở Đẩu số, Kinh Dương chủ "Hình", Đà La chủ "Kỵ", cho nên Kinh Dương không thích gặp Liêm Trinh bởi vì Liêm Trinh chủ tù, vị chi "Hình tù tịnh chí" (hình tù cùng đến), lại không thích gặp Phá Quân bởi vì Phá Quân chủ hao, vị chi "Hình hao tề lâm" (Hình hao gặp đủ cả); Đà La cũng không thích gặp Hóa Kỵ, vị chi "Kỵ hóa tương xung" (cùng là Kỵ nhưng hóa xung nhau).

Từ tính chất đã phân biệt bên trên, Kinh Dương có thể gọi là "Chân tiểu nhân", nhưng tính cách Đà La thì có điểm gần với từ "Ngụy quân tử", cho nên Kinh Dương mang đến tai nạn thuộc loại nhất thời, như động đến phải phẫu thuật sau đó bình an, nhưng tai nạn Đà La đem đến mang tính chất đau, khổ triền miên, thí dụ như bệnh hoạn tuy không cần can thiệp bằng phẫu thuật nhưng làm cho người tật bệnh dai dẳng.

Kinh Dương khéo về xung đột, xung đột bất kể hậu quả tốt hay xấu, giải quyết chuyện một lần cho xong; Đà La không như vậy, có mâu thuẫn một mực kéo dài không chịu phát sinh xung đột ra bên ngoài, kết quả ngược lại là hao phí tinh lực; cho nên Kinh Dương chủ "nhất đao lưỡng đoạn", Đà La chủ thông thả từ từ giải quyết.

Kinh Dương mừng gặp một mình Hỏa Tinh, là dương kim gặp dương hỏa, chủ rèn luyện mà thành có ích, điều này ví như lò luyện của thợ rèn, kim sáng hỏa cũng sáng cần phải đe búa mà rèn kim loại thành đồ dùng có ích, nên chủ nhân có cách

này trải qua trăm nghìn cay đắng rồi sau đó mới đạt thành tựu.

Đà La cũng mừng gặp Linh Tinh (cách "Linh Xương Đà Vũ" là ngoại lệ), là âm kim gặp âm hỏa, tính chất của nó ví như nung đúc quặng thạch, tắt qua nung đúc một phen sau đó mới có thể đúc thành đồ gốm, thỏi vàng thỏi bạc; vì lẽ đó cuộc sống tuy có thành tựu, nhưng tắt gặp nhiều sự phiền toái tới quấy nhiễu khiến người cả đời không thể nhàn hạ, mà lại còn dễ dàng phát sinh hiện tượng dây dưa không dứt khoát, điều tốt chậm tới, sự xấu lâu tan, tuy là "cát tắt lai, hung tắt tán" (sự tốt tắt đến, hung họa sẽ tan), nhưng đời sống lại cũng không khỏi cảm thấy "tha đà tuế nguyệt" (lần lửa năm tháng) (*). Nên cặp Hỏa Dương đồng cung và cặp Linh Đà đồng cung là ưu việt hợp cách.

"Dương Đà giáp", tính chất chính là "Hình Kỵ giáp" cho nên Quan vị bị giáp thì nhiều bất lợi. Duy cung vị bị Dương Đà giáp tắt có Lộc Tồn, nên so đo tính toán dễ dẫn đến e dè, tị hiềm mà thôi. Ở xã hội hiện tại, hai sao Dương Đà cũng chủ kỹ năng chuyên môn, cố nhân cho là "xảo nghệ an thân", bởi vậy người hiện đại so với người xưa thật sự may mắn, bởi vì địa vị thợ thủ công thời xưa thấp hèn, thời hiện đại đều hiểu được rằng người thợ sửa chữa Tivi cũng đều có cơ hội phát đạt.

Chú thích:

(*) "**tha đà tuế nguyệt**": lần lửa năm tháng, lỡ thời, ý nói kẻ không cố gắng, cứ lần lửa ngày qua tháng lại không làm được việc gì.

97. "Tam Kỳ cách" khó đạt đến thuận mỹ

"Tam Kỳ gia hội cách" - tức ba sao Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa hội hợp cung Mệnh.

Cổ ca rằng:

*Tam kỳ cùng hướng Tử vi cung
Tối hỷ nhân sanh mệnh lý phùng
Tiếp lý âm dương chân Tể tướng
Công danh phú quý bất lôi đồng.*

"Tam kỳ cùng hướng các cung trong Tử vi, hoan hỷ nhất là trùng phùng nơi mệnh, điều hòa âm dương, đích thị là (công việc) một chân Tể tướng, công danh phú quý chân thực không phải rỗng tếch như là (kẻ) đạo văn, sai ngoa."

Bình thường Hóa Lộc chủ quan - lộc, Hóa Quyền chủ quyền bính, Hóa Khoa chủ danh vọng, uy tín, cho nên cung Mệnh đương nhiên thích ba tinh diệu này hội hợp. Nhưng chỉ khi không gặp Hỏa Linh Dương Đà (Tứ Sát), hoặc không thấy Địa Không Địa Kiếp; Thiên Hình Hóa Kỵ mới là mỹ cách. Ví như gặp cảnh "Tam Hóa hội hợp, lại thấy Sát Kỵ" vậy sẽ phải cẩn thận nghiên cứu tính chất sao Hóa, sau đó mới có thể suy đoán đặc điểm cùng khuyết điểm của mệnh người đó, nên tính chất tối phức tạp ở Đầu số sợ rằng cũng không hơn cách cục này vậy.

Cách cục này thì Hóa Lộc tại cung Mệnh, hội lệnh ba phương Hóa Quyền Hóa Khoa là kết cấu tốt nhất. Hóa Lộc Hóa Quyền không nên đồng thời tập trung vào một cung, bởi vì hóa diệu tập trung thái quá, lực lượng các cung khác dễ lâm cảnh mỏng yếu, dễ dàng mất đi sự cân bằng.

Hóa Quyền thủ mệnh, bình thường tính chất chủ năng chấp chương quyền bính, nhưng nếu phùng sát diệu, ngược lại là chủ hữu chức vô quyền, Hóa Khoa thủ mệnh, bình thường tính chất chủ danh dự rõ rệt, nhưng nếu phùng sát diệu, ngược lại là chủ tự thủ lợi ngầm thanh thế hư ảo, vì lẽ đó "Tam kỳ cách" cũng không dễ dàng thuận mỹ.

Cổ đại trọng kẻ sỹ, kẻ làm quan, khinh nông thương, cho nên "Tam kỳ cách" cũng vì thế thường đem tài năng ra làm quan mà cầu vinh hoa phú quý, xã hội hiện đại tất "Tam kỳ cách" cũng có khả năng vào thủ lãnh tập đoàn tài chính, ngân hàng, không nhất định kẻ đó phải làm quan.

106. Kết cấu "quý tinh giáp mệnh"

"Quý tinh giáp mệnh cách" - xem về kết cấu của cách cục này, có nhiều giải thích bất đồng, hạ văn sẽ đề cập đến kỹ càng tỉ mỉ, đầu tiên là xét một số câu ca cổ liên quan đến cách này:

*"Mệnh lý vô hung Thiên quý giáp
Cát tinh đắc ngộ hảo sanh nhai
Nhược phi hàn mặc văn chương sĩ
Dã thị phong y túc thực gia"*

(Mệnh lý giáp Thiên Quý không tọa thủ hung tinh, đắc ngộ thêm cát tinh thì sanh nhai tốt đẹp, nếu không là kẻ sỹ bút mực văn chương thì cũng là kẻ còm no áo ấm).

Cổ ca nói về cách cục này tương đối chân thật, nhưng không dễ dàng tùy tiện đồng ý như vậy được, kết cấu của cách cục này có ba thuyết pháp bất đồng:

Một là cho rằng chính là "Thiên Khôi Thiên Việt giáp mệnh"
Hai là cho rằng chính là "Nhật Nguyệt cùng Tả Hữu giáp mệnh"
Ba là cho rằng chính là "Tử Phủ, Nhật Nguyệt cùng Tả Hữu giáp mệnh"

Theo ý kiến Vương Đình Chi thì trường hợp thứ nhất khá dễ dàng, phàm người sinh năm Bính Đinh thì Khôi Việt đều giáp cung tuất, cơ hội xuất hiện rất lớn.

Trường hợp thứ hai, loại này khó hơn, đắc Nhật Nguyệt giáp mệnh lại muốn cả Tả Phủ Hữu Bật giáp mệnh, cơ hội xuất hiện không nhiều nhưng ngược lại là hợp lý, bởi vì, tổng lại ngoài đường phố không thể ai cũng đều là "Hàn mặc văn chương sĩ", "Phong y túc thực gia".

Trường hợp thứ ba, quả thực không có khả năng, đắc Tử Vi cùng Thiên Phủ giáp mệnh, tất không thể đắc Thái Dương Thái Âm giáp mệnh, loại thuyết pháp này nhất định có thành phần nghe nhầm đồn bậy.

Nhưng chiếu theo thầy Vương Đình Chi đã dạy, bốn cách hắc là Thiên Khôi Thiên Việt giáp mệnh và cung Mệnh gặp Ân Quang Thiên Quý chủ khảo thí thi đậu ra làm quan, các vị không ngại thì tham khảo.

117. "Quyền Lộc tuần phùng" có khuyết điểm

"Quyền Lộc tuần phùng cách" - tức Hóa Lộc hoặc Lộc Tồn cùng Hóa Quyền đồng thủ cung Mệnh.

Cổ ca nói rằng:

*"Mệnh phùng Quyền Lộc thật kham khoa
Thiên tái công danh phú quý gia
Đan kiến dã ứng thân phú hậu
Bình sanh ổn bộ hảo sanh nhai."*

(Mệnh phùng Quyền Lộc thật đáng được ngợi khen, nghìn năm mới gặp người công danh phú quý như vậy, gặp được một sao Quyền hay Lộc cũng ứng bản thân sung túc, giàu có, bình sanh cuộc sống cứ vững bước tốt đẹp).

Cách cục này cũng thuộc về mệnh cục "Tam hóa tinh" và cùng loại hình với "Giáp đê đăng dong cách" (Trạng nguyên lên ngôi), "Khoa danh hội Lộc cách".

Khuyết điểm ở cách cục loại này là phải hoàn toàn coi kỹ càng tính chất chính diệu thủ cung, nếu chỉ chú trọng ba sao Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, sẽ có phần võ đoán quá mức. Hơn nữa, ngược lại trong ba cách cục, khuyết điểm nhiều nhất chính là "Quyền Lộc tuần phùng cách". Bởi vì hai Hóa tinh tốt tụ vào một cung, cung còn lại liền khó tránh sự mất đi bản sắc, vì thế mà toàn cục dễ dàng mất đi sự cân đối, nên không thể xem là cách cục quá tốt đẹp.

Cổ nhân tuy có thuyết pháp "Quyền Lộc tuần phùng, tài quan song mỹ", nhưng cũng không phải nói Hóa Lộc Hóa Quyền tụ vào một cung, mà là chỉ tam phương tứ chính gặp Lộc Quyền hội hợp. Cách cục này cũng có một điều kiện, đó là Quyền Lộc đồng thủ Mệnh Quan ứng khi không thấy Sát diệu, thì mới quý.

Nếu gặp sát tinh Hỏa Linh Dương Đà, cổ nhân cho rằng cận chủ "Hư dự chi long" (*), cũng tức là hữu danh vô thật, càng khó nói đến chuyện "Thiên tái công danh phú quý gia" được.

Chiếu theo kinh nghiệm Vương Đình Chi, người có Lộc Quyền thủ mệnh, đảo thích hợp làm công tác kế toán, đặc biệt càng đúng với mệnh Thiên Cơ Hóa Lộc, Vũ Khúc Hóa Quyền.

(*) "*Hư dự chi long*" : danh dự to tát nhưng hảo huyền.

124. "Quyền sát hóa Lộc" trước khổ cực sau ngọt bùi

"Quyền sát hóa Lộc cách" - tức Kinh Dương hoặc Đà La cùng Hỏa Tinh tọa mệnh nhập miếu vượng, trong đó lại lấy mệnh Kinh Dương Hỏa Tinh, so sánh với Đà La Hỏa Tinh nhập mệnh thì đều tốt.

Cổ ca rằng:

*"Tam sát gia lâm miếu vượng cung
Tinh tinh cương mãnh chấn anh hùng
Kỷ phiên hiểm địa đô kinh quá
Lãm lãm uy quyền chúng hãn đồng."*

(Tam sát gia lâm cung miếu vượng, tinh tinh cương mãnh uy chấn như bậc anh hùng, chỗ hiểm địa nào cũng đều xông pha, từng trải, uy quyền lãm liệt trong chúng nhân hiểm có người tương tự).

Trong ca từ thuyết pháp "Tam sát gia lâm" có điểm mơ hồ, bởi vì Kinh Dương và Đà La vĩnh viễn cách nhau một cung, căn bản không có khả năng gia lâm. Cổ nhân bất quá nói chung chung, chỉ là thuận theo thể cách văn từ của ca quyết vậy thôi.

Kinh Dương, Đà La tốt khi cư bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi là nhập miếu, trong bốn cung vị này, Hỏa Tinh vào cung Thìn là lạc hãm, bởi vậy khi Kinh Đà vào ba cung Tuất Sửu Mùi gặp Hỏa Tinh đều hợp cách.

Nguyên nhân thành cách chính là Kinh Dương Đà La đều thuộc kim (đới) hỏa, phân biệt thành một dương một âm, vào miếu vượng cung gặp Hỏa Tinh, ấy là hỏa luyện kim tinh, lại thành cách cục, tức là không chỉ Hỏa Tinh vừa triệt tiêu được tính chất tàng ẩn hình kỵ của Dương Đà (*), mà còn là Dương Đà cũng triệt tiêu được tính chất "cương liệt hoành bạo chi cách" của Hỏa Tinh (nóng nảy khí khái và ngang ngược, hung bạo của Hỏa Tinh), nhưng Dương Đà gặp Hỏa Tinh mặc dù thành cách nhưng cuộc sống vẫn khó tránh được sự lao khổ, hỏa luyện kim tinh, tất nhiên là được một phen rèn luyện vậy, bởi vậy chủ nhân trước lao khổ sau mới thành (tiên lao hậu thành).

Cách cục này không nên trộn lẫn đứng cùng với Tham Lang, bởi vì Tham Lang Hỏa Tinh tự thành "Hỏa Tham cách", nếu lại gặp Dương Đà, tác cách cục có phần pha lẫn, làm cho hai cách cục đồng loạt biến sắc, nhạt nhòa. Cách cục lấy Hỏa làm sát, Hỏa khắc kim là tài là lộc, nên xưng là "Quyền sát hóa Lộc".

(*) *lực hình kỵ của Dương Đà* : Kinh Dương hóa khí là Hình, Đà La hóa khí là Kỵ.

134. "Mệnh vô chính diệu" ít hợp với người thời xưa

"Mệnh vô chính diệu" - tức cung Mệnh không có chính diệu tọa thủ.

Cổ ca rằng:

*"Mệnh cung tinh diệu trị không vong
Áu tuế trọng trọng hữu họa ương"*

*Bất thị quá phòng tu ký dưỡng
Tha hương hảo khí tác Đông sàng" (*)*

"Cung Mệnh tinh diệu gặp Không vong, tuổi ấu thơ có bệnh tật, tai ương trùng trùng, nếu không cho đi làm con thừa tự nhờ nuôi dưỡng, thì cũng bỏ đến nơi xứ lạ lại làm nên như trong câu chuyện chàng rể Vương Hy Chi đời nhà Tấn"

Về cách cục này, bản khắc (thường trên gỗ) ở Phúc Kiến thời Minh viết: "tức mệnh cung vô chính tinh phù tinh túng tinh thị dã" (tức chính là cung Mệnh không có chánh tinh, phù tinh, túng tinh) nhưng đã có nguyên văn một lời phê trong một bản sao: "vô nam bắc nhị đầu chánh tinh dã" (Chính là không có hai (loại) chính tinh nam bắc đầu), lời phê này không thấy nhắc tới "Phù tinh" cùng "Túng tinh".

Cái gọi là "Phù tinh"? là chỉ Hỏa Tinh Linh Tinh, về phần tên gọi "Túng tinh" là gì, Vương Đình Chi cũng không biết, nhưng hoài nghi xuất bản sai, có thể chỉ tinh diệu từ "Tòng tinh".

Cổ nhân luận mệnh, có thuyết pháp "Mệnh vô chính diệu, nhị tinh diên sinh" (mệnh VCD có hai tên họ thì thêm tuổi thọ - ý nói làm con nuôi họ khác). Nhưng thuyết pháp này có hạn chế rất lớn, bởi vì phạm khi cung Mệnh vô chính diệu thông thường mượn tinh diệu đối cung để suy đoán, xung đối cung Mệnh tức cung Thiên di, sở dĩ như vậy nên loại mệnh cục này lợi vào "Thiên di", tức cũng là đi xa lập nghiệp ở nơi khác quê hương mình.

Người thời xưa, thường mong có thể an thân lập mệnh ở quê hương, quyết không dễ dàng nói lìa xa là lìa được, cho nên phạm thị những người bỏ tình ly hương đa số là tòng theo cái khí thế của song thân (cha mẹ), ở quê hương tưởng rằng chẳng có cách gì mà sống được, chính vì vậy mà "mệnh vô chính diệu" đã bị cổ nhân cho rằng tuổi nhỏ bất hạnh, đến nỗi phải "quá phòng ký dưỡng" (cho làm con thừa tự - con nuôi họ khác), hoặc là phiêu bạt đến nơi khác mà thành mệnh "nhập chuế" (ở rể) (**), nhất là xã hội nông nghiệp thời xưa, có tập tục "chiêu chuế" (kén trai ở rể) đến làm công việc nhà nông, cổ nhân cho rằng vậy là đương nhiên. Ngày nay, vào suy đoán Đẩu số vẫn ứng khi mượn sao ở cung Thiên di làm căn cứ suy đoán.

Chú thích và tản mạn:

() Đông sàng: tích truyện "rể Đông sàng, dâu Nam gián" được sử dụng trong câu ca quyết này.*

"rể Đông sàng" bắt nguồn ở tích "Đông sàng thân phúc", nghĩa là nằm thẳng bụng trên giường phía Đông.

Đời nhà Tấn (265-419) có quan Thái Úy tên Khước Giám muốn chọn một người rể hiền, mới cho người đến trường của Vương Đạo xem trong đám học sinh, có người nào xứng đáng không. Lúc người nhà trở về, Khước Giám hỏi thì người ấy đáp:

- Học sinh giỏi thì đông, người nào nghe việc kén rể cũng sửa soạn áo quần bánh bao, ganh đua nhau, ra dáng nề nếp; chỉ có một người không để ý đến, trệt áo, tréo chân nằm ở giường phía Đông.

Khước Giám bảo:

- Người ấy mới thật đáng rể ta.

Đoạn chọn làm rể. Người đó là Vương Hi Chi, sau làm quan đến chức Hữu quân, có tài viết chữ đẹp hơn cả thiên hạ. "Đông sàng" là giường phía đông, chỉ người rể quý, "rể đông sàng".

Trong "Nhị độ mai" có câu:

"Có Tây Tử Đô, thiếu đông sàng nào" là do điển tích trên. Vương Hy Chi, tự Dật Thiếu. Vì làm quan đến chức Hữu quân nên thường gọi là Vương Hữu Quân. Tương truyền Vương tập viết chữ bên bờ ao, sau nước ao đen ngòm những mực. Lối chữ "Khải" của Vương được người đời cho là lối chữ đẹp nhất từ xưa đến nay.

Người đời thường khen bút thế của Vương "lướt như mây bay, mạnh như rắn lộn". Trong các bản bút thiếp của Vương để lại có bản "Lan Đình tập tự" viết ngày 3 tháng 3 năm Vĩnh Hòa thứ 9 đời nhà Tấn (337) được hậu thế quý trọng, cho làm mẫu mực để tập theo. Những bản "Lan Đình tập tự" có lưu hành nhưng có lẽ đó là những bản phỏng theo. Bản chính đã thất lạc từ sau đời nhà Đường (618-907).

Ngày nay, trong các lối chữ Hán có lối chữ "Lan Đình"; đó tức là lối chữ phỏng theo chữ viết của Vương Hy Chi trong "Lan đình tập tự".

Trong "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du, đoạn nói về Kiều bị Hoạn Thư cho ra tu ở Quán Âm các để chép kinh, Hoạn Thư khen chữ viết của Kiều, có câu:

*Khen rằng: "Bút pháp đã tinh
So vào với thiếp Lan Đình nào thua!"*

Ý nói chữ viết tốt ngang với chữ của Vương Hy Chi.

Còn về "dâu Nam gián" thì bắt nguồn từ lời của một bài thơ, trong bài thơ "Thái tân" có câu:

*Vu dĩ Thái Tân,
Nam gián chi tân
Vu bỉ Thái Tảo
Vu bỉ hàng lạo*

Nghĩa là: "Đi hái rau Tân, bên bờ khe phía nam, đi hái rau Tảo, bên lạch nước kia". Theo cách chú giải truyền thống thì câu thơ trên ca ngợi người vợ hiền dâu thảo,

chăm hái rau Tần, rau Tảo về làm cỗ cúng tổ tiên. Trong truyền thống văn hóa Trung Quốc, Tảo và Tần tượng trưng cho đức tính siêng năng, chịu khó, hay làm của người phụ nữ. Thành ngữ "buôn tảo bán tần" đã có trong Kinh Thi. Vì vậy, dâu Nam gián là con dâu chịu thương chịu khó.

Truyện Lục Vân Tiên cũng có câu:

*"Xem đà đẹp đẽ hòa hai:
Này dâu Nam gián, nợ trai Đông sàng".*

(Sưu tầm và tổng hợp)

(**) "*nhập chuế*": Ngày xưa gọi các con trai đi gửi rể là "chuế tể" nay thường nói con trai làm lễ thành hôn ở nhà vợ là nhập chuế, vào gửi hay ở rể.

54. Nghi vấn về hai "quý cục"

Đầu số dùng sao trên trời định ra hai "Quý cục" đó là cách cục "Nguyệt lãng thiên môn" và "Nhật chiếu lôi môn".

- "Nguyệt lãng thiên môn" là Thái Âm thủ mệnh vào cung hợi, cô nhân nhận định loại mệnh cục này có thể phong hầu tiến tước, kỳ thực chiếu theo cái nhìn ở xã hội hiện đại thì chỉ thuộc loại có thanh danh, là nhân sĩ nổi tiếng trong xã hội mà thôi. Hơn nữa, "Nguyệt lãng thiên môn" còn cần có điều kiện, chiếu theo kinh nghiệm Vương Đình Chi chỉ có người sinh tháng tám và tháng mười hai là gồm đủ điều tốt, bởi vì hai tháng này có Tả Phụ Hữu Bật hội hợp cung Mệnh. Ví như ko có một trong hai sao phụ trợ này, cách cục ngược lại như chỗ hư không, là nổi danh mà vô lợi, hơn nữa cảm thấy tịch mịch cô đơn. Cái tịch mịch cô đơn, không phải nói bản thân ko có bạn bè trai gái, trái ngược có khi bạn bè trai gái nhiều lắm, điều tệ hại chính là ở chỗ này, "trái tim cô đơn lạnh lẽo" gặp gỡ quá nhiều người khác giới sẽ rất dễ dàng ảnh hưởng sự nghiệp, lúc này mệnh cục "Nguyệt lãng thiên môn" chẳng phải chủ quý, chỉ có thể là mệnh một vị "công tử" mà thôi.

- "Nhật chiếu lôi môn", Thái Dương thủ mệnh ở cung mão, chiếu theo xã hội hiện đại mà nói, hẳn là một mệnh của một chính khách hoặc nhà đầu tư. Rất nên sinh vào giờ mão, mùi và hợi bởi vì phải sanh vào ba canh giờ này mới có thể đắc Văn Xương, Văn Khúc, nhưng sanh vào năm Ất có Lộc Tồn cùng Thái Dương đồng cung, thì mới là một chính khách có đầu óc, có chánh kiến và chủ trương thực tế, tạo phúc cho xã hội. Nếu điều kiện như trên không đủ, mặc dù có hào quang vạn tượng, chỉ bất quá là một nhân vật đứng đầu hơn nhiều người trong xã hội thôi.

So sánh hai cách cục, "Nhật chiếu lôi môn" tốt hơn khi so với "Nguyệt lãng thiên môn", bởi vì "Nhật chiếu lôi môn" là người chánh trực lại nhiệt tâm cho dù phải đứng đầu sóng ngọn gió, cuối cùng đối với xã hội vẫn sẽ có lợi; không giống như người có cách "Nguyệt lãng thiên môn", khi sự việc suy kém rồi lại có thể xông pha ở một phương diện có tính chất khác nhau, không chuyên, đối với xã hội có cống hiến duy nhất chỉ là cung cấp tin tức thời sự bên lề trong lúc nhàn rỗi uống trà hay sau bữa ăn.

Xã hội thời xưa rất khó rạn danh, một khi rạn danh, bản thân tất quý, vì thế hai cách cục này được xác định là "quý cách", không biết rằng xã hội ngày nay, đường rạn danh có nhiều phương hướng, không nhất định phải quý rồi sau đó mới có thể rạn danh. Cho nên ngày nay xem hai mệnh cục này, cần phải thay đổi cho thông suốt, hợp thời, nhất thiết không thể y như cổ thư mà nhận định như vậy được.